

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2011 về việc ban hành
Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam**

(tiếp theo Công báo số 37 + 38)

Phụ lục II

SÁU QUY TẮC TỔNG QUÁT

**Giải thích việc phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu,
nhập khẩu Việt Nam dựa trên Hệ thống hài hòa mô tả và
mã hóa hàng hóa (HS) của Tổ chức Hải quan thế giới**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2011/TT-BTC
ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Việc phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phải tuân theo các Quy tắc sau:

Quy tắc 1:

Tên của các phần, của chương hoặc của phân chương được đưa ra chỉ nhằm mục đích dễ tra cứu. Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hóa phải được xác định theo nội dung của từng nhóm và bất cứ chú giải của các phần, chương liên quan và theo các Quy tắc dưới đây nếu các nhóm hoặc các chú giải đó không có yêu cầu nào khác.

Chú giải Quy tắc 1:

(I) Hàng hóa trong thương mại quốc tế được sắp xếp một cách có hệ thống trong Danh mục của Hệ thống hài hòa theo các phần, chương và phân chương. Tên của phần, chương và phân chương được ghi ngắn gọn, súc tích để chỉ ra loại hoặc chủng loại hàng hóa được xếp trong đó. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp vì sự đa dạng của chủng loại và số lượng hàng hóa nên tên các phần, chương và phân chương không thể bao trùm hết toàn bộ hoặc liệt kê hết các hàng hóa trong đề mục đó.

(II) Ngay đầu Quy tắc 1 quy định rằng những tên đề mục “chỉ nhằm mục đích dễ tra cứu”. Điều đó có nghĩa là tên các phần, chương và phân chương không có giá trị pháp lý trong việc phân loại hàng hóa.

(III) Phần thứ hai của Quy tắc này quy định rằng việc phân loại hàng hóa được xác định theo:

(a) Nội dung của nhóm hàng và bất cứ chú giải phần hoặc chương nào có liên quan, và

(b) Các Quy tắc 2,3,4 và 5 khi nội dung nhóm hàng hoặc các chú giải không có yêu cầu nào khác.

(IV) Mục (III) (a) của Quy tắc 1 đã nêu rõ rằng nhiều hàng hóa có thể được phân loại trong Danh mục mà không cần xem xét thêm bất cứ Quy tắc giải thích nào. Ví dụ: Ngựa sống (Nhóm 01.01), được phẩm được nêu cụ thể trong Chú giải 4 của Chương 30 (Nhóm 30.06).

(V) Trong chú giải Quy tắc 1 Phần (III) (b) có nêu “khi nội dung nhóm hàng hoặc các chú giải không có yêu cầu nào khác” là nhằm khẳng định rằng nội dung của nhóm hàng và bất kỳ chú giải phần hoặc chương nào có liên quan có giá trị tối cao, nghĩa là chúng phải được xem xét trước tiên khi phân loại.

Ví dụ: Ở Chương 31, các chú giải nêu rằng các nhóm nhất định chỉ liên quan đến những hàng hóa nhất định. Vì vậy, những nhóm hàng đó không được mở rộng cho những mặt hàng khác bằng việc áp dụng Quy tắc 2 (b).

Quy tắc 2:

a) Một mặt hàng được phân loại vào một nhóm hàng thì mặt hàng đó ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện cũng thuộc nhóm đó, nếu đã có đặc trưng cơ bản của hàng hóa đó khi đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện. Cũng phân loại như vậy đối với hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện hoặc đã có đặc trưng cơ bản của hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hay hoàn thiện (hoặc được phân loại vào dạng hàng hóa đã hoàn chỉnh hay hoàn thiện theo nội dung Quy tắc này), nhưng chưa lắp ráp hoặc tháo rời.

b) Một nguyên liệu, một chất được phân loại trong một nhóm nào đó thì hỗn hợp hay hợp chất của nguyên liệu hoặc chất đó với những nguyên liệu hoặc chất khác cũng thuộc nhóm đó. Hàng hóa làm toàn bộ bằng một loại nguyên liệu hay một chất, hoặc làm một phần bằng nguyên liệu hay chất đó được phân loại trong cùng nhóm. Việc phân loại những hàng hóa làm bằng hai loại nguyên liệu hay hai chất trở lên phải tuân theo Quy tắc 3.

Chú giải Quy tắc 2:

Chú giải Quy tắc 2(a):

(Các mặt hàng ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện)

(I) Phần đầu của Quy tắc 2(a) đã mở rộng phạm vi của bất cứ nhóm nào liên quan tới một hàng hóa nhất định không chỉ bao gồm hàng hóa đã hoàn chỉnh mà còn bao gồm hàng hóa ở dạng chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện nhưng đã có những đặc tính cơ bản của hàng đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện.

(II) Nội dung của Quy tắc này cũng được áp dụng cho phôi ngoại trừ phôi đã được xác định tại một nhóm cụ thể. Thuật ngữ “phôi” nghĩa là một mặt hàng, chưa sử dụng trực tiếp ngay được, có hình dạng hoặc phác thảo gần giống với mặt hàng hoặc bộ phận đã hoàn chỉnh và những trường hợp này chỉ được dùng để hoàn thiện thành những sản phẩm hoặc bộ phận hoàn chỉnh, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt (ví dụ: tạo hình dạng chai lọ bằng nhựa là sản phẩm trung gian có hình dạng ống, với một đầu đóng và một đầu mở đã được ren để vặn kín, phần bên dưới của đầu đã được ren có thể mở rộng hoặc kéo dài tới kích cỡ hoặc hình dạng mong

muốn). Bán sản phẩm chưa có hình dạng cơ bản của mặt hàng đã hoàn chỉnh (ví dụ thường là những hình ở dạng thanh, đĩa, ống...) không được gọi là “phôi”.

(III) Do phạm vi của các nhóm từ Phần I tới Phần VI, Quy tắc 2(a) thường không áp dụng đối với hàng hóa thuộc những phần này.

(IV) Một số trường hợp áp dụng Quy tắc 2(a) được nêu tại Chú giải tổng quát của phần hoặc chương (ví dụ: Phần XVI, và Chương 61, 62, 86, 87 và 90).

Chú giải Quy tắc 2(a):

(Các mặt hàng ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời)

(V) Phần thứ hai của Quy tắc 2(a) quy định rằng hàng hóa hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện ở dạng chưa lắp ráp hoặc dạng tháo rời được phân loại cùng nhóm với hàng hóa đã lắp ráp. Hàng hóa thường ở dạng này do yêu cầu hoặc sự thuận tiện cho việc đóng gói hoặc vận chuyển.

(VI) Quy tắc này cũng áp dụng với hàng hóa chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời với điều kiện những mặt hàng này được phân loại như hàng hóa đã hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện theo phần đầu của Quy tắc này.

(VII) Theo mục đích của Quy tắc này, “hàng hóa ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời” là những hàng hóa mà bộ phận của chúng sẽ được lắp ráp lại với nhau bằng các dụng cụ lắp ráp (vít, bu-lông, đai ốc, ê -cu, v.v...), hoặc ghép bằng đinh tán hoặc bằng cách hàn lại, với điều kiện những hoạt động này chỉ đơn thuần là lắp ráp.

Không tính đến sự phức tạp của phương pháp lắp ráp. Tuy nhiên, các bộ phận cấu thành không phải trải qua bất cứ quá trình gia công nào khác để sản phẩm trở thành dạng hoàn thiện.

Những bộ phận chưa lắp ráp thừa ra về số lượng theo yêu cầu để hoàn thiện một mặt hàng thì sẽ được phân loại riêng.

(VIII) Những trường hợp áp dụng Quy tắc này được nêu trong các Chú giải tổng quát của phần hoặc chương (ví dụ: Phần XVI, và Chương 44, 86, 87, và 89).

(IX) Do phạm vi của các nhóm từ Phần I tới Phần VI, Quy tắc này thường không áp dụng đối với hàng hóa thuộc những phần này.

Chú giải Quy tắc 2(b):

(Hỗn hợp và hợp chất của các nguyên liệu hoặc các chất)

(X) Quy tắc 2(b) liên quan tới hỗn hợp và hợp chất của các nguyên liệu hoặc các chất, và hàng hóa bao gồm từ hai nguyên liệu hoặc hai chất trở lên. Những nhóm mà Quy tắc này đề cập tới là những nhóm liên quan đến một loại nguyên liệu hoặc chất (ví dụ: Nhóm 05.07: ngà voi), và các nhóm có liên quan đến những hàng hóa được làm từ một nguyên liệu hoặc một chất nhất định (ví dụ: Nhóm 45.03: các sản phẩm bằng lie tự nhiên). Chú ý rằng Quy tắc này chỉ áp dụng khi chú giải của nhóm, phần

hoặc chương không có bất cứ yêu cầu nào khác (ví dụ: Nhóm 15.03: dầu mỡ lợn, chưa pha trộn).

Những hỗn hợp ở dạng chế phẩm được mô tả trong chú giải phần hoặc chương hoặc trong nội dung của nhóm thì phải được phân loại theo Quy tắc 1.

(XI) Quy tắc này mở rộng nhóm liên quan tới một nguyên liệu hoặc một chất cũng bao gồm hỗn hợp hoặc hợp chất của nguyên liệu hoặc chất đó với các nguyên liệu hoặc chất khác. Quy tắc này cũng mở rộng phạm vi của các nhóm hàng liên quan tới hàng hóa được làm từ một nguyên liệu hoặc một chất nhất định thì cũng bao gồm hàng hóa được làm một phần từ nguyên liệu hoặc chất đó.

(XII) Tuy nhiên, Quy tắc này không mở rộng nhóm tới mức để nhóm đó bao gồm cả mặt hàng không đáp ứng theo yêu cầu tại Quy tắc 1 và mô tả của nhóm; điều này xảy ra khi có thêm một nguyên liệu hoặc một chất khác làm mất đi đặc tính của hàng hóa đã được đề cập trong nhóm.

(XIII) Theo Quy tắc này, hỗn hợp và hợp chất của các nguyên liệu hoặc các chất, và hàng hóa được cấu thành từ hai nguyên liệu hoặc hai chất trở lên, nếu thoạt nhìn qua có thể phân loại vào hai hoặc nhiều nhóm khác nhau, thì phải được phân loại theo Quy tắc 3.

Quy tắc 3:

Khi áp dụng Quy tắc 2(b) hoặc vì bất cứ một lý do nào khác, hàng hóa thoạt nhìn có thể phân loại vào hai hay nhiều nhóm, thì sẽ phân loại như sau:

a) Những nhóm có mô tả cụ thể nhất sẽ được ưu tiên hơn các nhóm có mô tả khái quát khi thực hiện việc phân loại hàng hóa. Tuy nhiên, khi hai hay nhiều nhóm mà mỗi nhóm chỉ liên quan đến một phần của nguyên liệu hoặc chất chứa trong hàng hóa là hỗn hợp hay hợp chất, hoặc chỉ liên quan đến một phần của hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đó ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ, thì những nhóm này được coi như thể hiện đặc trưng ngang nhau về những hàng hóa nói trên, ngay cả khi một trong số các nhóm đó có mô tả đầy đủ hơn hoặc chính xác hơn về những hàng hóa đó.

b) Những hàng hóa hỗn hợp bao gồm nhiều nguyên liệu khác nhau hoặc những hàng hóa được làm từ nhiều bộ phận cấu thành khác nhau, và những hàng hóa ở dạng bộ để bán lẻ, nếu không phân loại được theo Quy tắc 3(a), thì phân loại theo nguyên liệu hoặc bộ phận cấu thành tạo ra đặc tính cơ bản của chúng.

c) Khi hàng hóa không thể phân loại theo Quy tắc 3(a) hoặc 3(b) nêu trên thì phân loại vào nhóm cuối cùng theo thứ tự đánh số trong số các nhóm tương đương được xem xét.

Chú giải Quy tắc 3:

(I) Quy tắc này nêu lên 3 cách phân loại những hàng hóa mà thoạt nhìn có thể xếp vào hai hay nhiều nhóm khác nhau khi áp dụng Quy tắc 2(b) hoặc trong những trường hợp khác. Những cách này được áp dụng theo thứ tự được trình

bày trong quy tắc. Như vậy, Quy tắc 3(b) chỉ được áp dụng khi không phân loại được theo Quy tắc 3(a), và chỉ áp dụng Quy tắc 3(c) khi không phân loại được theo Quy tắc 3(a) và 3(b). Khi phân loại phải tuân theo thứ tự như sau: a) nhóm hàng có mô tả cụ thể đặc trưng nhất; b) đặc tính cơ bản; c) nhóm được xếp cuối cùng theo thứ tự đánh số.

(II) Quy tắc này chỉ được áp dụng khi nội dung các nhóm, chú giải của phần hoặc chương không có yêu cầu nào khác. Ví dụ: Chú giải 4(b) Chương 97 yêu cầu rằng nếu hàng hóa đồng thời vừa có trong mô tả của một trong các Nhóm từ 97.01 đến 97.05, vừa đúng như mô tả của Nhóm 97.06 thì được phân loại vào một trong các nhóm đứng trước Nhóm 97.06. Trong trường hợp này hàng hóa được phân loại theo Chú giải 4(b) Chương 97 và không tuân theo Quy tắc 3.

Chú giải Quy tắc 3(a):

(III) Cách phân loại thứ nhất được trình bày trong Quy tắc 3(a): nhóm mô tả cụ thể đặc trưng nhất được ưu tiên hơn nhóm có mô tả khái quát.

(IV) Không thể đặt ra những Quy tắc cứng nhắc để xác định một nhóm hàng này mô tả hàng hóa một cách đặc trưng hơn một nhóm hàng khác, nhưng có thể nói tổng quát rằng:

a) Một nhóm hàng chỉ đích danh một mặt hàng cụ thể thì đặc trưng hơn nhóm hàng mô tả một họ các mặt hàng.

Ví dụ: Máy cạo râu và tông đơ có lắp động cơ điện được phân vào Nhóm 85.10 mà không phải trong Nhóm 84.67 là nhóm các dụng cụ cầm tay có lắp động cơ điện hoặc vào Nhóm 85.09 là các thiết bị cơ điện gia dụng có lắp động cơ điện.

b) Một nhóm nào đó được coi như đặc trưng hơn trong số các nhóm có thể phân loại cho một mặt hàng nhập khẩu là khi nhóm đó xác định rõ hơn và kèm theo mô tả mặt hàng cụ thể, đầy đủ hơn các nhóm khác.

Các ví dụ:

Ví dụ 1: Mặt hàng **thảm dệt** móc và dệt kim được **sử dụng trong xe ô tô**, tấm thảm này có thể được phân loại như phụ tùng của xe ô tô thuộc Nhóm 87.08, nhưng trong Nhóm 57.03 chúng lại được mô tả một cách đặc trưng như những tấm thảm. Do vậy, mặt hàng này được phân loại vào **Nhóm 57.03**.

Ví dụ 2: Mặt hàng **kính an toàn** chưa có khung, làm bằng thủy tinh dai bền và cán mỏng, đã tạo hình và được **sử dụng trên máy bay**, không được phân loại vào Nhóm 88.03 như những bộ phận của hàng hóa thuộc Nhóm 88.01 hoặc 88.02 nhưng lại được phân loại trong **Nhóm 70.07** - nơi hàng hóa được mô tả đặc trưng như loại hàng kính an toàn.

(V) Tuy nhiên, khi hai hay nhiều nhóm mà mỗi nhóm chỉ liên quan đến một phần những nguyên liệu hoặc chất cấu thành sản phẩm hỗn hợp hoặc hợp chất, hoặc chỉ liên quan đến một phần trong bộ đóng gói để bán lẻ, thì những nhóm đó được coi là cùng phản ánh tương đương đặc trưng của những hàng hóa trên,

ngay cả khi một trong số các nhóm ấy có mô tả chính xác hoặc đầy đủ hơn về những hàng hóa đó. Trong trường hợp này, phân loại hàng hóa áp dụng Quy tắc 3(b) hoặc 3(c).

Ví dụ: Mặt hàng **băng tải có một mặt là plastic còn mặt kia là cao su**; có thể xếp vào hai nhóm:

Nhóm 39.26: “Các sản phẩm khác bằng plastic...”

Nhóm 40.10: “Băng chuyền hoặc băng tải..., băng cao su lưu hóa”

Nếu so sánh hai mô tả này, Nhóm 40.10 thể hiện tính đặc thù hơn Nhóm 39.26, vì Nhóm 40.10 có từ “băng tải” trong Nhóm 39.26 lại không ghi rõ từ “băng tải”, và như vậy có thể xem xét phân loại sản phẩm trên vào Nhóm 40.10 theo Quy tắc 3(a). Nhưng trong trường hợp này, không thể quyết định phân loại vào Nhóm 40.10 theo Quy tắc 3(a), vì mô tả của Nhóm 40.10 là sản phẩm bằng cao su, chỉ liên quan đến một phần sản phẩm băng tải nói trên. Như vậy, theo Quy tắc 3(a) hai Nhóm 39.26 và 40.10 mang tính đặc trưng như nhau, mặc dù Nhóm 40.10 có mô tả đầy đủ hơn. Do đó, chúng ta không thể quyết định phân loại vào nhóm nào được, mà chúng ta phải áp dụng Quy tắc **3(b) hoặc 3(c)** để phân loại.

Chú giải Quy tắc 3(b):

(VI) Cách phân loại theo Quy tắc 3(b) chỉ nhằm vào các trường hợp:

(i) Sản phẩm hỗn hợp.

(ii) Sản phẩm cấu tạo từ nhiều nguyên liệu khác nhau.

(iii) Sản phẩm cấu tạo từ nhiều bộ phận cấu thành khác nhau.

(iiii) Hàng hóa được đóng gói ở dạng bộ để bán lẻ.

Cách phân loại này chỉ áp dụng nếu không phân loại được theo Quy tắc 3(a).

(VII) Trong tất cả các trường hợp trên, hàng hóa được phân loại theo nguyên liệu hoặc cấu thành tạo nên tính chất cơ bản của hàng hóa trong chừng mực tiêu chí này được áp dụng.

(VIII) Yếu tố xác định tính chất cơ bản của hàng hóa đa dạng theo các loại hàng hóa khác nhau. Ví dụ, có thể xác định theo bản chất của nguyên liệu hoặc bộ phận cấu thành, theo thành phần, kích thước, số lượng, trọng lượng, trị giá, hoặc theo vai trò của nguyên liệu cấu thành có liên quan đến việc sử dụng hàng hóa.

(IX) Quy tắc 3(b) này được áp dụng cho những mặt hàng được cấu tạo từ những thành phần khác nhau, không chỉ trong trường hợp những thành phần này gắn kết với nhau thành một tập hợp không thể tách rời trong thực tế, mà cả khi những thành phần đó dễ rời nhau, nhưng với điều kiện những thành phần này thích hợp với nhau và bổ sung cho nhau, tập hợp của chúng tạo thành một bộ mà thông thường không thể được bán rời.

Có thể kể ra một số ví dụ về loại sản phẩm trên:

Ví dụ 1 - Mặt hàng gạt tàn thuốc gồm một cái giá khung trong đó có một cái cốc có thể tháo ra lắp vào để đựng tàn thuốc.

Ví dụ 2 - Mặt hàng giá để gia vị dùng trong gia đình gồm có khung được thiết kế đặc biệt (thường bằng gỗ) và một số lượng thích hợp các lọ gia vị có hình dáng và kích thước phù hợp.

Thông thường, những thành phần khác nhau của tập hợp hàng hóa trên được đựng trong cùng bao bì.

(X) Theo Quy tắc 3(b) này, hàng hóa được coi như “ở dạng bộ được đóng gói để bán lẻ” phải có những điều kiện sau:

a) Phải có ít nhất hai loại hàng khác nhau, mà ngay từ ban đầu thoạt nhìn có thể xếp vào nhiều nhóm hàng khác nhau. Ví dụ: sáu cái đĩa (nĩa) nấu ăn không thể coi là một bộ theo Quy tắc này, vì không thể xếp sáu cái đĩa (nĩa) nấu ăn vào hai nhóm hàng;

b) Gồm những sản phẩm hoặc hàng hóa được xếp đặt cùng nhau để đáp ứng một yêu cầu nhất định hoặc để thực hiện một chức năng xác định; và

c) Được xếp theo cách thích hợp để bán trực tiếp cho người sử dụng mà không cần đóng gói tiếp (ví dụ: đóng gói trong hộp, tráp, hòm).

Thuật ngữ trên bao trùm những bộ hàng, ví dụ như bộ hàng gồm nhiều thực phẩm khác nhau nhằm sử dụng để chế biến một món ăn hoặc bữa ăn ngay.

Các ví dụ về bộ hàng có thể được phân loại theo Quy tắc 3(b) như sau:

Ví dụ 1:

a) Bộ thực phẩm bao gồm bánh xăng đuych làm bằng thịt bò, có và không có pho mát (Nhóm 16.02), được đóng gói với khoai tây chiên (Nhóm 20.04): được phân vào Nhóm **16.02**.

b) Bộ thực phẩm dùng để nấu món Spaghetti (mỳ) gồm một **hộp mỳ sống**, một gói **Pho mát béo** và một gói nhỏ **sốt cà chua**, đựng trong một hộp các - tông.

Spaghetti sống thuộc Nhóm 19.02

Pho mát béo thuộc Nhóm 04.06

Nước sốt cà chua thuộc Nhóm 21.03

Trong trường hợp này Spaghetti sống đem lại cho sản phẩm đặc tính cơ bản. Do đó, sản phẩm được phân loại như thể chỉ bao gồm Spaghetti sống thuộc **Nhóm 19.02**.

Tuy nhiên Quy tắc này không bao gồm bộ hàng gồm nhiều sản phẩm được đóng cùng nhau, ví dụ:

- Một thùng đồ hộp gồm: 01 hộp tôm (Nhóm 16.05), 01 hộp patê gan (Nhóm 16.02), 01 hộp pho mát (Nhóm 04.06), 01 hộp thịt xông khói (Nhóm 16.02) và 01 hộp xúc xích cocktail (Nhóm 16.01); hoặc

- Một hộp gồm: 01 chai rượu mạnh (Nhóm 22.08) và 01 chai rượu vang (Nhóm 22.04).

Trường hợp 2 ví dụ nêu trên và các bộ hàng hóa tương tự, mỗi mặt hàng sẽ được phân loại riêng biệt vào nhóm phù hợp với chính mặt hàng đó.

Ví dụ 2: **Bộ đồ làm đầu** gồm: một tông đơ điện, một cái lược, một cái kéo, một bàn chải, một khăn mặt, đựng trong một cái túi bằng da.

Tông đơ điện thuộc Nhóm 85.10

Lược thuộc Nhóm 96.15

Kéo thuộc Nhóm 82.13

Bàn chải thuộc Nhóm 96.03

Khăn mặt thuộc Nhóm 63.02

Túi bằng da thuộc Nhóm 42.02

Trong ví dụ này, tông đơ điện đem lại cho sản phẩm đặc tính cơ bản của bộ đồ làm đầu. Do vậy, sản phẩm được phân loại vào **Nhóm 85.10**.

Ví dụ 3: Bộ dụng cụ vẽ gồm: một thước, một vòng tính, một compa, một bút chì và cái vót bút chì, đựng trong túi nhựa.

Thước thuộc Nhóm 90.17

Vòng tính thuộc Nhóm 90.17

Compa thuộc Nhóm 90.17

Bút chì thuộc Nhóm 96.09

Vót bút chì thuộc Nhóm 82.14

Túi nhựa thuộc Nhóm 42.02.

Trong bộ sản phẩm trên, thước, vòng, compa tạo nên đặc tính cơ bản của bộ dụng cụ vẽ. Do vậy, bộ dụng cụ vẽ được phân loại vào **Nhóm 90.17**.

Đối với các sản phẩm không thỏa mãn các điều kiện quy định tại Phần X của chú giải Quy tắc 3(b), không được coi như đóng bộ để bán lẻ thì mỗi mặt hàng của sản phẩm sẽ được phân loại riêng biệt, vào nhóm phù hợp nhất với nó.

(XI) Quy tắc này không được áp dụng cho những hàng hóa bao gồm những thành phẩm được đóng gói riêng biệt và có hoặc không được xếp cùng với nhau trong một bao chung với một tỷ lệ cố định cho sản xuất công nghiệp, ví dụ như sản xuất đồ uống.

Chú giải Quy tắc 3(c):

(XII) Khi không áp dụng được Quy tắc 3(a) hoặc 3(b), hàng hóa sẽ được phân loại theo Quy tắc 3(c). Theo Quy tắc này thì hàng hóa sẽ được phân loại vào nhóm có thứ tự sau cùng trong số các nhóm cùng được xem xét để phân loại.

Ví dụ: Trở lại ví dụ Bảng tải một mặt là plastic còn một mặt là cao su nêu tại Quy tắc 3(a). Xét thấy mặt hàng này không thể quyết định phân loại vào Nhóm 40.10 hay Nhóm 39.26 theo Quy tắc 3(a), và cũng không thể phân loại mặt hàng này theo Quy tắc 3(b). Vì vậy, mặt hàng sẽ được phân loại vào Quy tắc 3(c), tức là

“phân loại vào nhóm có thứ tự sau cùng trong số các nhóm cùng được xem xét”. Theo Quy tắc này, mặt hàng trên sẽ được phân loại vào Nhóm 40.10.

Quy tắc 4:

Hàng hóa không thể phân loại theo đúng các Quy tắc trên đây thì được phân loại vào nhóm phù hợp với loại hàng hóa giống chúng nhất.

Chú giải Quy tắc 4:

(I) Quy tắc này đề cập đến hàng hóa không thể phân loại theo Quy tắc 1 đến Quy tắc 3. Quy tắc này quy định rằng những hàng hóa trên được phân loại vào nhóm phù hợp với loại hàng hóa giống chúng nhất.

(II) Cách phân loại theo Quy tắc 4 đòi hỏi việc so sánh hàng hóa định phân loại với hàng hóa tương tự đã được phân loại để xác định hàng hóa giống chúng nhất. Những hàng hóa định phân loại sẽ được xếp trong nhóm của hàng hóa giống chúng nhất.

(III) Xác định giống nhau có thể dựa trên nhiều yếu tố, ví dụ như mô tả, đặc điểm, tính chất, mục đích sử dụng của hàng hóa.

Quy tắc 5:

Những quy định sau được áp dụng cho những hàng hóa dưới đây.

a) Bao đựng máy ảnh, máy quay phim, hộp đựng nhạc cụ, bao súng, hộp đựng dụng cụ vẽ, hộp tư trang và các loại bao hộp tương tự, thích hợp hoặc có hình dạng đặc biệt để chứa hàng hóa hoặc bộ hàng hóa xác định, có thể dùng trong thời gian dài và đi kèm với sản phẩm khi bán, được phân loại cùng với những sản phẩm này. Tuy nhiên, nguyên tắc này không được áp dụng đối với bao bì mang tính chất cơ bản nổi trội hơn so với hàng hóa mà nó chứa đựng.

b) Ngoài Quy tắc 5(a) nêu trên, bao bì đựng hàng hóa được phân loại cùng với hàng hóa đó khi bao bì là loại thường được dùng cho loại hàng hóa đó. Tuy nhiên, nguyên tắc này không áp dụng đối với các loại bao bì mà rõ ràng là phù hợp để dùng lặp lại.

Chú giải Quy tắc 5(a):

(Hộp, túi, bao và các loại bao bì chứa đựng tương tự)

(I) Quy tắc này chỉ để áp dụng cho các bao bì ở các dạng sau:

1. Thích hợp riêng hoặc có hình dạng đặc biệt để đựng một loại hàng hoặc bộ hàng xác định, tức là bao bì được thiết kế đặc thù để chứa các hàng hóa đó, một số loại bao bì có thể có hình dáng của hàng hóa mà nó chứa đựng;

2. Có thể sử dụng lâu dài, tức là chúng được thiết kế để có độ bền dùng cùng với hàng hóa ở trong. Những bao bì này cũng để bảo quản hàng hóa khi chưa sử dụng (ví dụ: trong quá trình vận chuyển hoặc lưu trữ). Đặc tính này cho phép phân biệt chúng với những loại bao bì đơn giản;

3. Được trình bày với hàng hóa chứa đựng trong chúng, các hàng hóa này có thể được đóng gói riêng hoặc không để thuận tiện cho việc vận chuyển. Trường hợp bao bì được trình bày riêng lẻ được phân loại theo nhóm thích hợp với chúng.

4. Là loại bao bì thường được bán với hàng hóa chứa đựng trong nó; và

5. Không mang tính chất cơ bản của bộ hàng

(II) Những ví dụ về bao bì đi kèm với hàng hóa và áp dụng Quy tắc này để phân loại:

1. Hộp trang sức (Nhóm 71.13);

2. Bao đựng máy cạo râu bằng điện (Nhóm 85.10);

3. Bao ống nhôm, hộp kính viễn vọng (Nhóm 90.05);

4. Hộp, bao và túi đựng nhạc cụ (Nhóm 92.02);

5. Bao súng (Nhóm 93.03).

(III) Những ví dụ về bao bì không áp dụng Quy tắc này, có thể kể như: hộp đựng chè bằng bạc hoặc cốc gốm trang trí đựng đồ ngọt.

Chú giải Quy tắc 5(b):

(Bao bì)

(IV) Quy tắc này quy định việc phân loại bao bì thường được dùng để đóng gói chứa đựng hàng hóa. Tuy nhiên, Quy tắc này không áp dụng cho bao bì có thể dùng lặp lại, ví dụ trong trường hợp thùng kim loại hoặc bình sắt, thép đựng khí đốt dạng nén hoặc lỏng.

(V) Quy tắc này liên quan trực tiếp đến Quy tắc 5(a). Bởi vậy, việc phân loại những bao, túi và bao bì tương tự thuộc loại đã nêu tại Quy tắc 5(a) phải áp dụng đúng theo Quy tắc 5(a).

Quy tắc 6:

Để đảm bảo tính pháp lý, việc phân loại hàng hóa vào các phân nhóm của một nhóm phải được xác định phù hợp theo nội dung của từng phân nhóm, các chú giải phân nhóm có liên quan, và các Quy tắc trên với những sửa đổi về chi tiết cho thích hợp, trong điều kiện là chỉ có những phân nhóm cùng cấp độ mới so sánh được. Theo Quy tắc này thì các chú giải phân và chương có liên quan cũng được áp dụng, trừ khi nội dung mô tả trong phân nhóm có những yêu cầu khác.

Chú giải Quy tắc 6:

(I) Với những sửa đổi chi tiết cho thích hợp, các Quy tắc từ 1 đến 5 điều chỉnh việc phân loại ở cấp độ phân nhóm trong cùng một nhóm.

(II) Theo Quy tắc 6, những cụm từ dưới đây có các nghĩa được quy định như sau:

a) “Các phân nhóm cùng cấp độ”: phân nhóm một gạch (cấp độ 1) hoặc phân nhóm hai gạch (cấp độ hai).

Do đó, khi xem xét tính phù hợp của hai hay nhiều phân nhóm một gạch trong một phân nhóm theo Quy tắc 3(a), tính mô tả đặc trưng hoặc giống hàng hóa cần phân loại nhất chỉ được đánh giá trên cơ sở nội dung của các phân nhóm một gạch có liên quan. Khi đã xác định được phân nhóm một gạch đó có mô tả đặc trưng nhất thì phân nhóm một gạch đó được chọn. Khi các phân nhóm một gạch được phân chia tiếp thì phải xem xét nội dung của các phân nhóm hai gạch để xác định lựa chọn phân nhóm hai gạch phù hợp nhất cho hàng hóa cần phân loại.

b) “Trừ khi nội dung của phân nhóm có yêu cầu khác”, có nghĩa là: trừ khi những chú giải của phần hoặc chương có nội dung không phù hợp với nội dung của phân nhóm hàng hoặc chú giải phân nhóm.

Ví dụ: Tại Chương 71, định nghĩa về “bạch kim” nêu trong Chú giải 4(b) cùng chương này khác với Chú giải phân nhóm 2 của chương này, cụ thể:

+ Chú giải 4(b) Chương 71: khái niệm bạch kim có nghĩa là Platin (Pt), Iridi (Ir), Osimi (Os), Paladi (Pd), Rodi (Rh) và Rutheri (Ru).

+ Chú giải phân nhóm 2 Chương 71: “mặc dù đã quy định trong Chú giải 4(b) của chương này, nhưng theo các Phân nhóm 7110.11 và 7110.19, khái niệm bạch kim không bao gồm Iridi (Ir), Osimi (Os), Paladi (Pd), Rodi (Rh) và Rutheri (Ru).”

Do vậy, để giải thích các Phân nhóm 7110.11 hoặc 7110.19, Chú giải phân nhóm 2 sẽ được áp dụng còn Chú giải 4(b) của chương không được áp dụng.

(III) Phạm vi của phân nhóm cấp 2 không vượt quá phạm vi của phân nhóm cấp 1 mà nó trực thuộc; và phạm vi của phân nhóm cấp 1 không vượt quá phạm vi của nhóm mà phân nhóm cấp 1 trực thuộc.

Phụ lục III
CHÚ GIẢI BỔ SUNG (SEN)
CỦA DANH MỤC THUẾ QUAN HÀI HÒA ASEAN (AHTN)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156 /2011/TT-BTC
ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính)

1. Chú giải bổ sung (SEN) của Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN) là một phần trong phụ lục của Nghị định thư về việc thực thi AHTN (Nghị định AHTN được ký kết vào tháng 8 năm 2003 tại Manila). SEN được xây dựng như một công cụ hỗ trợ để phân loại hàng hóa trong AHTN, cụ thể là các phân nhóm của ASEAN đã được chi tiết trong Nghị định thư AHTN.

2. Vì AHTN được xây dựng và mở rộng dựa trên Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS), nên việc phân loại hàng hóa trong AHTN phải tuân theo các quy tắc giải thích tổng quát (GIRs) và chú giải pháp lý của HS cũng như những quy định của các văn bản pháp lý về HS và Nghị định thư đã được đề cập ở trên. SEN phải được sử dụng kết hợp với chú giải HS. SEN được sử dụng để đảm bảo cách hiểu thống nhất và cách giải thích các quy định của AHTN.

3. SEN 2007/1 đã được sửa đổi cùng với sửa đổi của HS2007 (bao gồm cả các sửa đổi đối với Chú giải - EN). SEN 2012 gồm các thông tin đặc thù về sản phẩm thương mại quốc tế quan trọng đối với khu vực ASEAN do các quốc gia thành viên đưa ra. SEN được xây dựng để giúp người sử dụng hiểu và giải thích phạm vi của các phân nhóm hàng hoá trong khu vực ASEAN được dễ dàng hơn với định hướng tăng cường chuẩn hoá công tác phân loại.

4. SEN 2012 phải được sử dụng kết hợp với HS và EN. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa cách giải thích của HS, EN và SEN thì phải tuân thủ theo HS và EN.

5. Các hình ảnh, sơ đồ, và đồ thị được đưa ra trong SEN chỉ mang tính chất minh họa.

6. Nguyên bản của SEN 2012 được trình bày bằng tiếng Anh-Ngôn ngữ làm việc của khu vực ASEAN.

VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU

A	Ampe
AC	Dòng xoay chiều
Ah	Ampe giờ
AIDS	Hội chứng suy giảm miễn dịch
Al ₂ O ₃	Aluminium oxide, alumina – Ô xít nhôm
ASTM	Hiệp hội kiểm nghiệm vật liệu (Hoa kỳ)
Bq	Becquerel
Ca	Canxi
CaO	Ô xít can xi
CAS	Dịch vụ chiết xuất hóa chất
°C	Độ C (nhiệt độ)
cc	Xăng ti mét khối
CD-R	Đĩa ghi âm compact
CD-ROM	CD-Rom- đĩa chỉ để đọc
cg	Xăngtigam
Ci	Curie
μCi	microcurie
cm	Xăng ti mét
cm ²	Xăng ti mét vuông
cm ³	Xăng ti mét khối
cN	Xăng ti newton(phần trăm Newton)
cP	Xăng ti poise
Cr	Crom
Cr ₂ O ₃	Ô xít crom
DC	Dòng một chiều
DDT	Dichlorodiphenyltrichloroethane
DVD	Đĩa nén
e.g.	Ví dụ
eV	Vôn
Fe ₂ O ₃	Ô xít sắt
G	Gam
Gen	Chung/tổng quát
GHz	Ghi ga hec (đơn vị đo tần số)
g.v.w.	Tổng trọng lượng có tải tối đa
h	Giờ

H ₃ Bo ₃	A xít boric
HIV	Vì rút gây hội chứng suy giảm miễn dịch
hp	Sức ngựa
Hz	Héc (đơn vị đo tần số)
“	Inch (đơn vị đo chiều dài hệ Anh)
INN	Tên chung quốc tế
INN _M	Tên chung quốc tế đã thay đổi
IR	Tia hồng ngoại
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế
IUPAC	Hiệp hội hóa chất tinh khiết và ứng dụng
°K	Độ Kenvin (đo nhiệt độ)
kcal	Kilocalori
kg	Kilogram
kgf	kilogram lực
kHz	Kilohertz
km	Kilometre (s)
kN	Kilonewton (s)
kPa	Kilopascal (s)
kV	Kilovolt (s)
kVA	kilovolt – ampere (s)
kvar	kilovolt – ampere (s) – reactive
kW	Kilowatt (s)
LAN	Mạng nội bộ
l	Lít
LCD	Màn hình tinh thể lỏng
LED	Đi-ốt phát sáng
LPG	Khí hóa lỏng
MHz	Megahertz
m	Metre (s)
<i>m</i> -	meta-
m ²	Mét vuông
m ³	Mét khối
max.	Lớn nhất
mg	Milligram (s)
Mg	Ma giê
MgO	Ô xít ma giê
Micron	Micromet
μ	Micron

min	Phút
min.	Nhỏ nhất
mm	Millimet
mm ²	Millimet vuông
mN	Millinewton
MPa	Megapascal
MVA	Megavolt – ampe
MW	Megawatt
N	Newton
No.	Số
<i>o-</i>	ortho-
OIB	Oost Indische Bereiding
/	trên
%	phần trăm
<i>p-</i>	para-
Pa.s	Pascal giây
pH	Độ pH (độ kiềm)
ppm	Phần triệu
RBD	Tinh chế, tẩy và khử mùi
RON	Trị số ốc tan nghiên cứu
RSS	Giàn hun khói dạng gân
s	Giây
sec.	giây
<i>spp.</i>	loài
SUV	Xe thể thao đa năng
t	Tấn
U-235	Uranium-235
UHT	Nhiệt độ cực cao
UV	Cực tím
V	Volt
<i>var.</i>	Nhiều loại
vol	Volume
W	Watt
WIB	West dische Bereiding
wt.	Trọng lượng
x°	Độ X
x	Dầu nhân

Các ví dụ

1,500 g/m ²	1.500gam/m ²
1,000 m/s (or m/sec.)	1.000m/giây
15°C	15°C

CHƯƠNG 1

0105.11.10 0105.12.10 0105.13.10 0105.14.10 0105.15.10
0105.94.10 0105.99.10 0105.99.30

ĐỂ LÀM GIỐNG

Theo mục đích của các phân nhóm ASEAN thuộc nhóm 01.05 thuật ngữ “để làm giống” là chỉ gia cầm sống, còn nhỏ nuôi làm giống.

**CHƯƠNG 2**

0207.14.91 0207.27.91

THỊT ĐÃ ĐƯỢC LỌC HOẶC TÁCH KHỎI XƯƠNG
BẰNG PHƯƠNG PHÁP CƠ HỌC

Thịt được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học là sản phẩm thịt ở dạng bột nhão, thu được bằng phương pháp ép phần thịt còn nguyên xương dưới áp

suất cao qua một dụng cụ dạng mắt sàng hoặc dạng tương tự để tách riêng phần thịt ăn được (tách xương ra khỏi thịt).

(Nguồn: Phi-líp-pin)

0210.99.10

THỊT GÀ THÁI MIẾNG ĐÃ ĐƯỢC LÀM KHÔ ĐÔNG LẠNH

Thịt gà thái miếng đã được làm khô đông lạnh là thịt gà ở dạng khối vuông được bảo quản đông lạnh, sau đó đưa chúng vào môi trường áp suất thấp (chân không) và gia nhiệt đủ để cho phần nước đã đóng băng ở trong thịt chuyển từ thể rắn sang thể hơi.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 3

**0301.11.10 0301.19.10 0301.93.10 0301.99.11 0301.99.19
0301.99.21 0301.99.29**

CÁ BỘT

Cá bột là cá con mới nở từ trứng cá đã được thụ tinh.

0301.93.10 0301.99.11 0301.99.21 0301.99.31

CÁ CHÉP LÀM GIỐNG TRỪ CÁ BỘT; CÁ MĂNG BIỂN LÀM GIỐNG HOẶC CÁ BỘT LAPU-LAPU; CÁ BỘT ĐỂ LÀM GIỐNG KHÁC; CÁ MĂNG BIỂN LÀM GIỐNG TRỪ CÁ BỘT

Yêu cầu chung về ngoại hình:

- Cơ thể cân đối, không dị tật, vây còn đầy đủ và bình thường, không có vết trầy xước, không bị mất lớp nhớt. Cá có kích thước đồng đều, không có dấu hiệu của bệnh.

Tính nhanh nhẹn:

- Cá phải nhanh nhẹn, hoạt bát, bơi thành từng đàn trong nước.

Trọng lượng, kích thước:

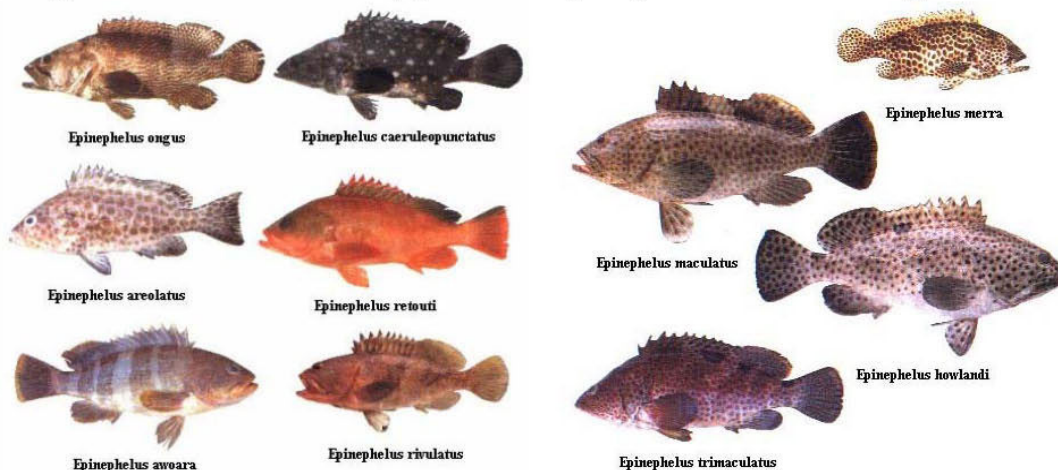
- Phụ thuộc vào từng loài cá và thời gian ấp nở.

0301.99.11

0301.99.19

CÁ LAPU-LAPU

Lapu-lapu (hoặc lapo-lapo) là một loài cá mú Phi-líp-pin, thuộc giống *Epinephelus*, đặc biệt là giống *Cephalopholis argus*, có quan hệ với loài cá coney (loài cá có màu sắc và đốm màu); đặc trưng nổi bật của chúng là có màu xanh óng ánh ngũ sắc. Minh cá có màu da cam đến màu nâu đỏ và được bao phủ bằng những đốm đen và trắng trên nền màu xám nhạt, với các vệt hay dải màu tối không đều nhau.



03.06

BAO BÌ KÍN KHÍ

Bao bì kín khí là một loại đồ chứa, đựng bất kỳ (bao gồm cả túi, lon và chai), được hàn kín hoặc gắn chặt không cho phép không khí bên ngoài lọt vào. Bao bì đóng gói loại hút chân không cũng được coi là loại bao bì kín khí.



(Nguồn : Ma-lai-xi-a)

0306.26.10 0306.27.11 0306.27.12 0306.27.19

TÔM VÀ TÔM SÚ, ĐỀ LÀM GIỒNG

Yêu cầu chung về hình dáng: mình cân đối, không dị tật, lớp vỏ giáp xác không bị tổn thương và không có dấu hiệu của bệnh.

CHƯƠNG 4

0405.90.10

DẦU BƠ KHAN

Dầu bơ khan bao gồm những chất béo cần thiết của bơ nguyên chất loại không có nước.

CHƯƠNG 5

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 6

0602.90.40

GỐC CÂY CAO SU CÓ CHỒI

Gốc cây cao su có chồi là phần gốc chồi ra được tĩa từ phần rễ bên. Rễ cây có chồi loại bóc trần được tạo ra bằng cách ghép chồi với phần gốc chính trồng trên đất ươm. Khi ghép chồi thành công, phần gốc chính được lấy ra khỏi đất ươm, sau đó cắt bớt khoảng 5cm từ phần trên của mấu chồi và bộ phận bên của cây chính được cắt tĩa tới gần rễ cái.



Gốc cây cao su có chồi
(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Gài mấu chồi



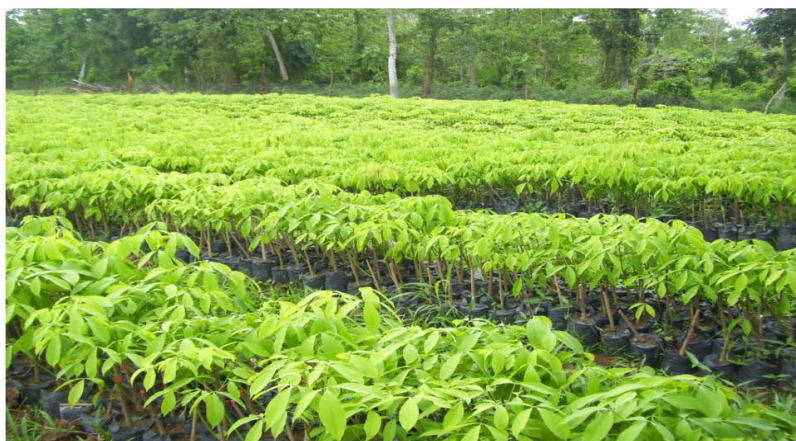
Đánh dấu mấu chồi

0602.90.50

CÂY CAO SU GIỐNG

Cây cao su giống là hạt giống bắt đầu nảy mầm của cây cao su với rễ dài khoảng 1 đến 2cm.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



0602.90.60**CHÒI MỘC TỪ GỠ CÂY CAO SU**

Chòi mọc từ gỗ cây cao su là một nhánh được lấy từ cành non hoặc cành già của cây mẹ. Cành non tốt có thể được lấy từ vườn ươm 3 đến 4 tháng sau ngày đầu tiên chòi nhú lên. Cành già có thể được lấy muộn hơn 4 tháng. Phụ thuộc vào hệ vô tính, chiều dài của chòi thường khoảng 60cm, và 2 đến 3 chòi có thể được tìm thấy trên gỗ cây cao su. Chòi mọc từ gỗ của nguyên liệu vô tính có màu xanh hoặc xanh nâu. Chòi mọc từ gỗ được lấy từ vườn ươm và được phân loại trước khi gửi đi, loại bỏ những chòi thâm tím, dị dạng hoặc bị bệnh. Chòi xanh có chiều dài tối thiểu 30cm với tối thiểu 2 mắt chòi sử dụng được trên mỗi gỗ cây.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

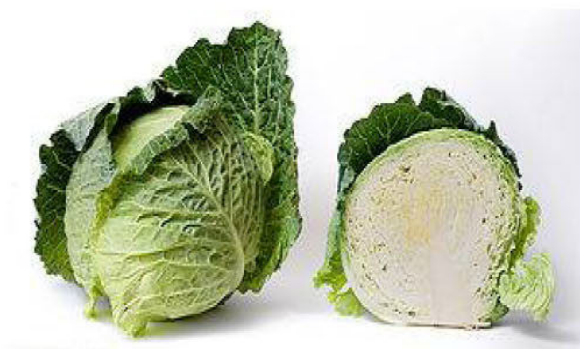
**CHƯƠNG 7****0703.10.11 0703.10.21 0703.20.10 0703.90.10****CỦ GIỐNG**

Hình dạng: Cân đối, không dị dạng, không xây xước, còn nguyên vỏ; các củ phải có cùng kích cỡ, to, bóng và chắc.

0704.90.11**BẮP CẢI CUỘN**

Bắp cải tròn hay bắp cải cuộn là một loại bắp cải có đầu cây quăn tròn chặt và gân lá trắng. Nó có thể có 2 màu: xanh sáng (*Brassicaoleraceae* var. *capitata*) và tím/đỏ (*Brassicaoleraceae* var. *capitata* f. *Rubra*)

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

**0708.20.10****ĐẬU PHÁP**

Đậu Pháp (gọi theo tiếng Anh-Anh) còn được gọi là đậu xanh hoặc đậu tây (gọi theo tiếng Anh- Mỹ)

(Nguồn: Chuyên gia tư vấn)

CHƯƠNG 8

0807.20.10

ĐU ĐỦ MARDI BACKCROSS SOLO (BETIK SOLO)

Mardi backcross solo (Đu đủ L.Var.Eksotika).



0810.90.10

QUẢ NHÃN (BAO GỒM CẢ NHÃN MATA KUCING)

Họ: Sapindaceae

Tên khoa học: *Dimocarpus longan* Lour

Tên địa phương: Nhãn/Nhãn Mata kucing

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



CHƯƠNG 9

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 10

1001.99.90**LÚA MÌ (KHÔNG THÍCH HỢP SỬ DỤNG CHO NGƯỜI)**

Lúa mì thuộc phân nhóm này được phân biệt với lúa mì dùng cho người là do có các hạt bị hư hỏng, bẩn, và bị nhiễm khuẩn. Loại này có thể có các hạt đã nảy mầm và có độ ẩm chiếm trên 12% trọng lượng. Lượng gluten nhiều nhất của loại này là 2,7% trọng lượng. Lúa mì loại này là một loại thức ăn dành cho gia súc.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

1006.20.10 1006.30.40**GẠO THAI HOM MALI**

Gạo Thái Hom Mali (*Oryza sativa*, var, Kao Dok Mali 105 và RD15) là gạo lứt (gạo Cargo) hay gạo trắng thuộc các loại gạo thơm không dính. Gạo Thái Hom Mali có hạt dài. Độ dài trung bình của hạt gạo nguyên vẹn không dưới 7mm. Tỷ lệ chiều dài trung bình trên chiều rộng trung bình của toàn bộ hạt gạo nguyên vẹn không nhỏ hơn 3. Hàm lượng amylose trong gạo Thái Hom Mali không dưới 12% nhưng không quá 19% trọng lượng với độ ẩm bằng 14% trọng lượng.

(Nguồn: Thái lan)

1006.30.91**GẠO LUỘC SƠ**

Từ “luộc sơ” có nghĩa là đã được nấu sôi một phần. Gạo luộc sơ là lúa được ngâm trong nước ấm dưới áp suất trước khi đem xay xát. Loại gạo này được người tiêu dùng và các bếp trường ưa chuộng vì hạt cơm chín rời và mềm. Loại gạo này chứa nhiều chất dinh dưỡng hơn các loại gạo trắng đã xay xát thông dụng, nhưng phải mất nhiều thời gian để nấu chín hơn.

1006.30.30**GẠO NẾP**

Các đặc tính nổi trội của gạo nếp, gạo chứa tinh bột thông thường, là chất keo dính của nó rất đặc. Nó thường quyện lấy nhau khi được nấu chín, và được sử dụng chủ yếu để làm bánh bao gạo, bánh gạo và bánh gạo hình tròn. Hình dạng đặc trưng của nó là hạt gạo đục như phấn.

1006.40.10 1006.40.90**TẤM**

Tấm là một sản phẩm phụ của ngành công nghiệp xay xát gạo. Về quan điểm dinh dưỡng, tấm tốt như gạo nguyên hạt. Tuy nhiên, gạo tấm có giá trị kinh tế thấp hơn gạo nguyên hạt.



Tấm, thuộc loại làm thức ăn cho gia súc

Nhìn chung, tấm có chất lượng thấp vì trong đó có vỏ trấu, cám, đá mịn, đá và các loại đất sét. Tấm có thể được bán để làm thức ăn gia súc. Về hình thức, tấm làm thức ăn gia súc dễ dàng được nhận biết nhờ hình dạng của nó, dựa trên hàm lượng hỗn hợp của gạo tấm đã đánh bóng (màu trắng), cám, trấu (màu nâu) và đá mịn, đá và các hạt đất sét (màu đen).

Theo mục đích phân loại của AHTN, sản phẩm này được phân loại là tấm sử dụng làm thức ăn cho gia súc thuộc phân nhóm 1006.40.10.

Chất lượng của tấm có thể được cải thiện bằng cách xay xát lại để tách tấm đã được đánh bóng khỏi trấu, cám và các tạp chất khác. Sau đó có thể được bán để sử dụng cho người.



Tấm phù hợp sử dụng cho con người

Theo mục đích của phân loại AHTN, sản phẩm này được phân loại thành tấm loại khác thuộc phân nhóm 1006.40.90.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

CHƯƠNG 11

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 12

1207.10.10

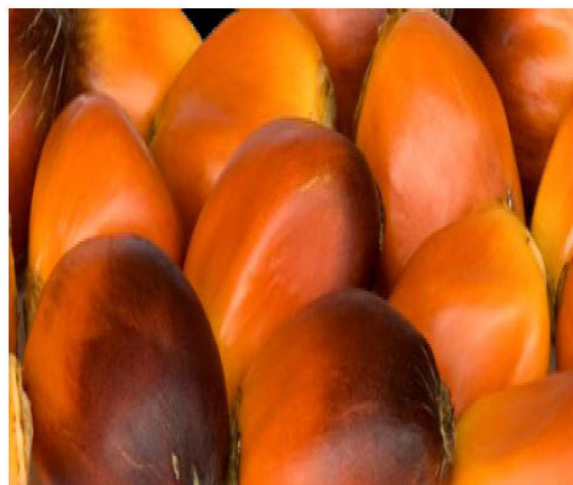
HẠT CỌ VÀ NHÂN HẠT CỌ PHÙ HỢP ĐỂ GIEO TRỒNG

Các loại hạt cọ và nhân hạt cọ phù hợp để làm giống phải có giấy xác nhận của các cơ quan chức năng thuộc nước xuất khẩu về việc chất lượng của loại hạt này phù hợp để gieo trồng.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Hạt cọ để làm giống



Hạt giống cọ dầu chất lượng cao



Vườn ươm cọ dầu

1211.90.13

**RỄ CÂY BA GẠC HOA ĐỎ CÒN GỌI LÀ BA GẠC THUỐC,
RỄ CÂY HÌNH RẮN-RAUWOLFIA**

Rễ ba gác là rễ của cây thuộc họ La bố ma (Apocynaceae). Các rễ của cây này, có các tên gọi như rễ cây ba gác Ấn độ hay cây ba gác thuốc), dùng để sản xuất alkaloid reserpine thành phần chủ yếu của nhiều loại thuốc điều trị bệnh tâm thần hay cao huyết áp).



1211.90.97

VỎ CÂY PERSEA (PERSEA KURZII KOSTERM)

Persea Kurzii Kosterm là loại cây thorn có lớp vỏ dày. Nó thường được tìm thấy trong các khu rừng lá xanh khô và rừng khộp ở Đông Nam Á. Vỏ của nó được sử dụng chủ yếu trong việc làm nén hương thơm.
(Nguồn: Thái Lan)

1212.21.10

1212.21.20

**RONG BIỂN VÀ CÁC LOẠI TẢO KHÁC
THÍCH HỢP DÙNG LÀM THỨC ĂN CHO NGƯỜI
-EUCHEUMA- SPP. và GRACILARIA LICHENOIDES**



*Loài Eucheuma**Tên miền : Plantae**Ngành : Rhodopyta**Lớp : Rhodophyceae**Bậc : Gigartinales**Họ : Soleraceae**Giống : Eucheuma**Loài : Eucheuma alvarezii doty, Kappaphycus alvarezii(doty)*

Rong biển Eucheuma không có rễ, nhưng một số nhánh của nó có thể bám vào san hô và phát triển. Mặc dù rong biển lớn lên theo mọi hướng, nhưng phần lớn các nhánh của nó phát triển hướng lên phía bề mặt biển. Các nhánh có thể lớn lên với nhiều hình dạng khác nhau tùy thuộc vào nơi mà rong biển được trồng.

*Gracilaria lichenoides**Miền : Eukaryota**(Chưa được xếp) : Archaeplastida**Ngành : Rhodophyta**Lớp : Florideophyceae**Bậc : Gracilariales**Họ : Gracilariaceae**Giống : Gracilaria**Loài : Gracilaria leonidas/Gracilaria lichenoides*

Gracilaria là một giống Tảo đỏ (Rhodophyta) có tầm quan trọng về kinh tế giống như loài agarophyte, nó được sử dụng làm thức ăn cho người và cho các loại động vật có vỏ cứng.

(Nguồn: Indonesia)

CHƯƠNG 13

1301.90.10

GỖM BENJAMIN

Gỗm benjamin còn được gọi là benjamin nhựa thông, cánh kiến trắng và cánh kiến trắng nhựa thông. Nó được lấy từ loại cây bồ đề. Loại thường được trao đổi, mua bán là nhựa của *S.tonkinensis* (Siam benzoin) và *S.benzoin* (sumatra benzoin).

Đặc tính: Nhựa màu nâu đỏ; thơm mùi vani. Giòn, dễ vỡ ở nhiệt độ phòng nhưng xốp mềm khi được gia tăng nhiệt. Có thể hòa tan trong cồn ẩm và cacbon disulphit; không tan trong nước.

Thành phần: dầu ete, axit benzoic đơn và phức, axit cinamic, vanilin, benzoat coniferyl, nhựa tổng hợp(một hỗn hợp của benzoiresinol và benzoiresinotannol) este hóa với axit benzoic, styrol và styracin

Ứng dụng: Nguồn tạo ra axit benzoic, quá trình làm nước hoa, mỹ phẩm, dược phẩm (chất khử trùng và thuốc long đờm).

(Nguồn: Thái Lan)

1301.90.20

GỖM DAMAR

Gỗm damar còn được gọi là dammar và nhựa damar. Nó là một loại nhựa cây từ loài *Shorea*.

Đặc tính: Trắng vàng, hình tròn, có dạng thạch nhũ, khối dễ vỡ, bán trong suốt, thân mềm, có độ cứng thay đổi. Có thể hòa tan trong dung môi hydrocacbon và hydrocacbon clorinat, hòa tan một phần trong cồn và không hòa tan trong nước.

Ứng dụng: Thạch cao, vecni, gỗ sơn mài, men alkyd “nướng” và đồ che phủ bằng giấy hay vải dệt. Một ứng dụng của chất liệu tinh chế trong clorofom hoặc xylen được dùng để bảo quản mẫu động vật, thực vật dùng cho kính hiển vi.

(Nguồn: Thái Lan)

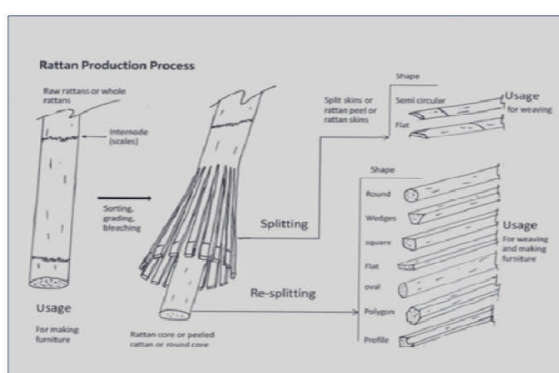
CHƯƠNG 14

1401.20.21 1401.20.29

LỖI CÂY MÂY ĐÃ TÁCH

Cây song, mây có thể được chia tách theo chiều dọc bằng cách gọt, bóc để sản xuất

nguyên liệu để đan và buộc. Quá trình gọt bao gồm loại bỏ lớp vỏ cứng bên ngoài và lõi. Lõi sau đó được đưa vào quá trình tách để sản xuất ra các hình dạng và kích cỡ theo bề mặt cắt ngang khác nhau, dùng trong sản xuất đồ nội thất và đan lát.

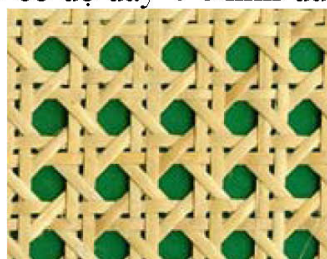


(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

1401.20.30

VỎ (CẬT) CÂY MÂY ĐÃ TÁCH

Vỏ (cật) cây mây đã tách được sản xuất bằng cách tách lớp vỏ ngoài của mây thành những sợi dài. Vỏ (cật) cây mây đã tách có độ dày 1,5 đến 3mm được sử dụng để đan lát, trong khi mây có độ dày 4-6 mm được sử dụng để bện.



(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

CHƯƠNG 15**15.11****DẦU CỌ VÀ CÁC PHẦN PHÂN ĐOẠN CỦA DẦU CỌ, ĐÃ HOẶC CHƯA TÍNH CHẾ NHƯNG KHÔNG THAY ĐỔI VỀ MẶT HOÁ HỌC**

Dầu cọ được thu từ thịt của quả cây cọ dầu (*Elaeisguineensis*) và có một tỷ lệ cân bằng giữa axit béo bão hòa và không bão hòa. Nó chứa 40% khối lượng là axit oleic (axit béo không bão hòa đơn), 45% khối lượng là axit palmitic và 5% theo khối lượng axit stearic (axit béo bão hòa). Dầu cọ thô có màu cam-màu đỏ thẫm do hàm lượng carotenes tự nhiên cao. Phân đoạn phân tách dầu thành chất lỏng, được gọi là cọ olein, và các phần phân đoạn rắn, được gọi là cọ stearin.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



}	Tỷ lệ lỏng
}	Tỷ lệ rắn

1511.90.11 1511.90.19**PHẦN PHÂN ĐOẠN CỦA DẦU CỌ CHƯA TÍNH CHẾ**

Đây là những phần phân đoạn rắn hoặc lỏng thu được bằng cách phân đoạn dầu cọ thô sau khi kết tinh ở nhiệt độ được kiểm soát. Những phần phân đoạn này chưa tính chế hoặc chưa qua chế biến để cải thiện các đặc tính vật lý của chúng.

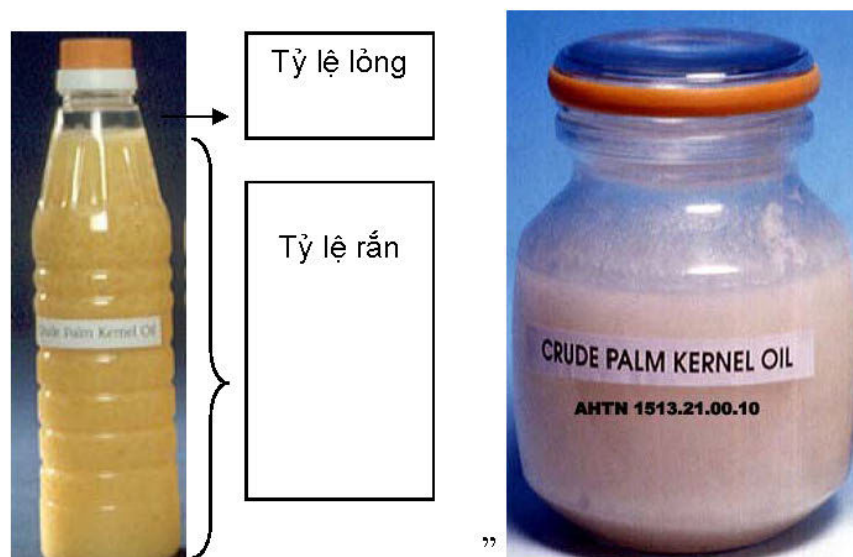
(Nguồn: Thái Lan)

**1513.21.10 1513.21.90 1513.29.11 1513.29.13 1513.29.91
1513.29.94 1513.29.95 1513.29.96**
DẦU HẠT CỌ VÀ PHẦN PHÂN ĐOẠN CỦA CHÚNG

Cọ dầu dùng để sản xuất hai loại dầu: dầu cọ thô từ sợi xơ và dầu hạt cọ thô từ nhân hạt. Mặc dù cả hai loại dầu có nguồn gốc từ cùng một quả, dầu cọ khác dầu

hạt cọ về mặt hóa học và dinh dưỡng. Olein hạt cọ là các thành phần lỏng rõ ràng của dầu hạt cọ thu được từ cắt phân đoạn, stearin hạt cọ là phần rắn hơn của nhân hạt cọ thu được từ cắt phân đoạn.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



1515.90.11 1515.90.12 1515.90.19
DẦU TENGKAWANG

Dầu Tengkawang thu được từ hạt cây Tengkawang của loài Shorea. Nó được sử dụng trong sản xuất mỹ phẩm, nước hoa và thuốc truyền thống.

1517.90.61 1517.90.62 1517.90.63 1517.90.64 1517.90.65
1517.90.66 1517.90.67 1517.90.68
DẦU THÀNH PHẦN CHỦ YẾU

Theo mục đích của các phân nhóm AHTN trên, dầu được cho là "thành phần chủ yếu" khi dầu đó chiếm hơn 50% tính theo trọng lượng của một hỗn hợp hoặc chất pha chế các chất béo, dầu hoặc phân phân đoạn của chúng.

1517.90.68

DẦU HẠT ILLIPE

Dầu được thu từ hạt của cây illips (hoặc illups).

CHƯƠNG 16

16.02

16.04

16.05

HỘP KÍN KHÍ

Hộp kín khí là bất kỳ các loại hộp (bao gồm túi, lon và chai) được hàn kín hoặc đóng kín khiến không khí bên ngoài không thể vào. Hộp đóng gói hút chân không là hộp kín khí.

(Nguồn: Malaixia)



1602.31.91**THỊT ĐƯỢC LỌC HOẶC TÁCH KHỎI XƯƠNG BẰNG
PHƯƠNG PHÁP CƠ HỌC**

Thịt được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học là sản phẩm giống như pa tê hoặc thịt nhão bột thu được bằng cách ép xương có dính liền phần thịt ăn được, dưới áp lực cao thông qua một cái sàng hoặc thiết bị tương tự để tách xương ra từ các mô thịt ăn được.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 17**1704.90.10****KẸO VÀ VIÊN NGÂM HO**

Những sản phẩm này là kẹo viên ngậm và viên ngậm ho chứa chủ yếu là đường và hương liệu, bao gồm các chất có thuộc tính dược liệu như cồn benzin, bạc hà, dầu bạch đàn và nhựa thơm tolu. Các thuốc ho và viên ngậm này không được coi là có đặc tính chữa bệnh hay phòng bệnh.

1704.90.91**KẸO ĐƯỜNG, DẪO, CÓ CHỨA GELATIN**

Nhóm này bao gồm kẹo đường, không chứa cacao, không phải là kẹo cao su, có kết cấu tương đối mềm. Những sản phẩm này có chứa gelatin như là tác nhân keo và có phủ một lớp đường hoặc các thành phần khác. Kẹo này đôi khi được gọi là “gôm” hoặc “kẹo gôm”.

(Nguồn: Indonesia)



CHƯƠNG 18

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 19**1901.10.91 1901.90.11 1901.90.91****SẢN PHẨM DINH DƯỠNG Y TẾ**

Sản phẩm dinh dưỡng y tế là thực phẩm có công thức đặc biệt và dành cho chế độ ăn kiêng của bệnh nhân có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt mà không thể đáp ứng được bằng chế độ ăn thông thường. Sản phẩm dinh dưỡng y tế khác với nhóm thực phẩm chung dùng cho chế độ ăn kiêng đặc biệt và khác với các thực phẩm truyền thống phục vụ nhu cầu sức khỏe.

Để được coi là sản phẩm dinh dưỡng y tế thì sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu:

- Là thực phẩm ăn bằng đường miệng hoặc bằng ống (ống xông dạ dày)
- Được ghi trên nhãn là dành cho chế độ ăn kiêng đối với trường hợp có rối loạn sức khỏe đặc thù, các bệnh hay tình trạng có yêu cầu đặc biệt về dinh dưỡng, và
- Được sử dụng dưới sự giám sát về y tế.

(Nguồn: Wikipedia)

1901.90.31**CÓ CHỨA SỮA**

Sữa, đã hoặc chưa cô đặc, bay hơi, ở dạng bột, làm khô được trộn hoặc pha với bất kỳ chất béo hoặc dầu béo mà không phải là chất béo của sữa.

1902.30.20**MỠ, BÚN LÀM TỪ GẠO ĂN LIỀN**

Bún gạo được làm từ gạo và có dạng sợi mảnh. Bún gạo ăn liền đã được nấu trước và sẵn sàng để ăn ngay. Nó có thể được pha thêm bột ngọt hoặc đóng kèm theo gói gia vị. Nó được đóng gói để bán lẻ.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Bún gạo ăn liền đóng gói
kèm theo bột ngọt



Bún gạo chưa nấu của nhóm 1902.19

CHƯƠNG 20

2002.90.10

BỘT CÀ CHUA DẠNG SỆT

Bột cà chua dạng sệt là cà chua nguyên chất cô đặc, có từ 25% đến 40% khối lượng là chất đặc không chứa muối không rắn. Nó thu được từ quá trình nghiền nóng. Chất nhão được cô đặc trong thiết bị lưu trữ làm khô chân không một, hai hay ba tác dụng để đạt được độ đậm đặc mong muốn. Sản phẩm cô đặc sau đó được thanh trùng ở nhiệt độ 90⁰C trong 2-3 phút.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

20.05

HỘP KÍN KHÍ

Hộp kín khí là bất kỳ loại túi nào (bao gồm túi, lon và chai) được đóng kín hoặc đóng chặt để không khí không lọt vào trong túi. Túi chân không được coi là túi kín khí.

(Nguồn: Ma-la-xi-a)



2005.20.11 2005.20.19

KHOAI TÂY CHIÊN (DẠNG THANH, QUE)

Khoai tây chiên là các thanh khoai tây được nấu để thành khoai tây chiên Pháp (trái với người Mỹ dùng từ chips để chỉ khoai tây lát mỏng rán giòn).

CHƯƠNG 21

2103.90.40

BELACHAN (BLACHAN)

Belachan (cũng được viết là belacan hay blachan) là một loại gia vị được chế biến từ tôm lên men. Nó có màu nâu và thường ở dạng khối. Nó có mùi hăng. Belachan được sử dụng như một thành phần trong nhiều món ăn.

2106.90.41 2106.90.49

CHẤT CHIẾT NẤM MEN TỰ PHÂN

Chất chiết nấm men tự phân là kết quả của việc phân hủy các tế bào nấm men. Các thành tế bào bị phá vỡ như là enzym của men phá hủy protein, giải phóng các axit amin, muối và đường. Các phần hòa tan được tách khỏi các thành phần không hòa tan và chất chiết xuất từ nấm men được gọi là chất autolysed.

Chất chiết nấm men tự phân là sản phẩm thu được bằng cách thủy phân men. Những sản phẩm này không thể lên men và chúng có giá trị protein cao. Chúng được sử dụng chủ yếu trong công nghiệp thực phẩm (ví dụ cho các chế phẩm hoặc là bột ngọt cụ thể).

Chất chiết nấm men tự phân là những chất thu được từ việc men bị vỡ ra thành các

thành phần cấu tạo nên nó. Chúng chứa các axit glutamic tự do hoặc muối glutamat (MSG) và được sử dụng như là chất thay thế ít tốn kém hơn cho bột ngọt. (Nguồn: Ma-lai-xi-a)

2106.90.80**HỖN HỢP VI LƯỢNG ĐỂ BỔ SUNG VÀO THỰC PHẨM**

Chúng là những chất tổng hợp của vitamin, chất khoáng, axit amin, và các chất dinh dưỡng khác, được sử dụng để tăng cường hoặc nâng cao chất lượng của thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm.

2106.90.95**SERI KAYA**

Seri kaya (được gọi là kaya hoặc sangkaya) là bột nhão hoặc cán mỏng và được tráng đường hay làm màu vàng đến màu nâu. Thành phần bao gồm đường, trứng, sữa dừa, bột, tinh bột, muối, màu và hương liệu. Cần lưu ý rằng sản phẩm này không chứa quả “seri kaya” (*Annona squamosa*).

2106.90.96**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG Y TẾ**

Sản phẩm dinh dưỡng y tế là thực phẩm có công thức đặc biệt và dành cho chế độ ăn kiêng của bệnh nhân có nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt mà không thể đáp ứng được bằng chế độ ăn thông thường. Sản phẩm dinh dưỡng y tế khác với các thực phẩm thông thường để sử dụng cho chế độ ăn kiêng đặc biệt và các thực phẩm truyền thống phục vụ nhu cầu sức khỏe.

Để được coi là sản phẩm dinh dưỡng y tế, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu:

- Là thực phẩm ăn bằng đường miệng hoặc bằng ống (ống xông dạ dày)
- Được ghi trên nhãn là dành cho chế độ ăn kiêng đối với trường hợp có rối loạn sức khỏe đặc thù, các bệnh hay tình trạng có yêu cầu đặc biệt về dinh dưỡng, và
- Được sử dụng dưới sự giám sát về y tế.

(Nguồn: Wikipedia)

2106.90.98**CÁC CHẾ PHẨM HƯƠNG LIỆU**

Các chế phẩm hương liệu là hỗn hợp của một hoặc vài chất hương liệu hoặc chiết xuất từ bột, tinh bột hoặc các chất thực phẩm khác đóng vai trò chất dẫn. Chúng được trộn sẵn để đưa vào nước uống hay thực phẩm và chức năng chủ yếu là tạo nên hương vị đặc trưng.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 22**2203.00.10****BIA ĐEN HOẶC BIA NÂU**

Stout là bia đen đậm ủ từ mạch nha (malt) rang hoặc lúa mạch rang. Porter là loại bia đắng màu nâu sẫm ủ từ mạch nha nâu hoặc cháy đen.

2206.00.30**TODDY**

Toddy là rượu mùi lên men từ nhựa ngọt của một số cây cọ nhiệt đới châu Á, đặc biệt là cây Palmyra (thốt nốt) và cây Caryota urens (đùng đình, đùng đình, móc). Có thể thêm đường và các gia vị khác.

2206.00.40**SHANDY**

Shandy là một hỗn hợp của bia và nước chanh hay bia gừng (bia gừng là một thức uống sủi bọt không chứa cồn hoặc rượu nhẹ do lên men hỗn hợp gừng và xi-rô)

2206.00.91**RƯỢU GẠO KHÁC (BAO GỒM CẢ RƯỢU THUỐC)**

Rượu gạo, không phải là sake, là sản phẩm của rượu cất từ gạo hoặc gạo trộn lẫn với các loại hạt khác. Nó có thể chứa thảo mộc và các chất bảo quản.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Rượu thuốc

2208.90.10 2208.90.20 2208.90.30 2208.90.40

SAM-SU

Sam-su là đồ uống Trung Quốc có cồn (nguồn gốc sản xuất không nhất thiết là Trung Quốc), được chưng cất từ ngũ cốc như gạo hoặc lúa miến. Quá trình sản xuất có thể bổ sung đường thốt nốt hoặc mật mía với nấm men và nước. Một số ví dụ của sam-su là “ShaoJiu” hoặc “Gao Liang Jiu”.

Rượu bổ Sam-su là rượu Sam-su ngâm với thảo mộc, tắc kè, côn trùng, rắn, v.v..
(Nguồn: Singapore)

CHƯƠNG 23

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 24

2402.20.10

BEEDIES

Beedies bao gồm thuốc lá khô cuộn thành điếu, được bọc trong lá tendu đại và buộc bằng dây. Thường được bán trong các bó có 20-25 điếu.

2402.20.20**THUỐC LÁ ĐIỀU, CÓ CHỨA THÀNH PHẦN TỪ ĐÌNH HƯƠNG**

Thuốc lá đình hương (thường được gọi là “Kretek”) là thuốc lá được làm bằng sự pha trộn thuốc lá với đình hương và hương liệu. Thành phần đặc biệt trong loại thuốc lá này là nụ đình hương phơi khô thái nhỏ được thêm vào thuốc lá trộn với hương liệu và sau đó được xử lý bằng máy hoặc bằng tay.

(Nguồn: Indonesia)

2403.19.11**ANG HOON**

Lá thuốc lá màu nâu được thái và thêm dầu lạc vào trong quá trình sản xuất. Chúng được sử dụng để làm thuốc lá cuộn tay. Ang Hoon không bao gồm thuốc được sản xuất bằng máy chạy điện.

2403.99.40**THUỐC LÁ HÍT, ĐÃ HOẶC CHƯA ĐƯỢC SẤY**

Thuốc lá hít là một loại thuốc lá không có khói, được nghiền thành bột, và có thể khô hoặc ẩm. Loại khô được hít vào hoặc “tiêu” thông qua mũi, trong khi đó loại ẩm (còn được gọi là snus hoặc thuốc lá ngậm) được nhai ngậm ở nướu răng.

(Nguồn: Singapore)

CHƯƠNG 25

2515.12.10 2515.12.20 2516.12.10 2516.12.20

CÁC KHỐI, CÁC TẤM

Khối là đá được cắt thô với một hay nhiều mặt phẳng. Chúng được xẻ thành tấm để sử dụng trong xây dựng.

Các tấm là đá được cắt thô từ khối thành hình chữ nhật mỏng (bao gồm cả hình vuông). Chúng không được đánh bóng trên cả 2 mặt và có độ dày lên đến 3cm.

Đá không nằm trong kích thước đặc trưng cho tấm sẽ được coi là khối.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 26

2620.99.10

XỈ VÀ PHÂN CHƯA CHÁY HẾT CỦA THIẾC

Quá trình lọc thiếc từ quặng thiếc thay đổi tùy theo nguồn khai thác quặng và lượng các tạp chất tìm thấy ở trong quặng. Quặng thiếc phải chịu một quá trình làm sạch, sàng lọc và qua một thiết bị tách để loại bỏ các hạt sắt, kết quả thu được thiếc chiếm 70-77% trọng lượng.

Luyện kim là quá trình trong đó thiếc tích tụ trong lò có nhiệt độ khoảng 1400⁰C, và ở dạng xỉ cùng thiếc thô. Xỉ dư chứa thiếc và sắt được gọi là bã quặng. Bã quặng thiếc chứa khoảng 75-85% trọng lượng là thiếc và 5-12% trọng lượng là sắt cùng với các nguyên tố khác. Quá trình luyện kim sau đó được thực hiện ở nhiệt độ 1.700-1.000⁰C, trong đó chất muối soda sắt được tách để tạo ra thiếc với hàm lượng sắt thấp.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

CHƯƠNG 27

2701.12.10

THAN CỐC

Than cốc chứa khoảng 19-41% trọng lượng các thành phần dễ bay hơi.

2710.12.40

DUNG MÔI TRẮNG

Dung môi trắng là dung môi không màu với nước hòa tan rất thấp và có mùi (ngưỡng mùi là 0,5-5mg/m³). Loại phổ biến nhất của rượu trắng là hỗn hợp của chất béo và vòng no bão hòa C7-C12 hydro các bon với hàm lượng 15-20% trọng lượng là chất thơm C7-C12 và dải nhiệt độ sôi là 130-230⁰C. Hydro các bon C9-C12 (chất béo vòng no và chất thơm) chiếm hơn 80% (trọng lượng) của các hydro các bon trong sản phẩm.

2710.12.60

DUNG MÔI NHẹ KHÁC

Dung môi thu được từ việc tách chiết dầu thô. Dải chưng cất là tương đối hẹp (sự

khác nhau giữa nhiệt độ sôi ban đầu với điểm khô không quá 100°C).

Sự khác nhau chính giữa dung môi và xăng ô tô là:

- Xăng ô tô có dải nhiệt độ sôi từ $40-215^{\circ}\text{C}$.
- Trong hầu hết các trường hợp, xăng ô tô là hỗn hợp gồm nhiều thành phần
- Vì dung môi là các phân đoạn thẳng, chất thơm của chúng (0,01% với điểm sôi đặc biệt và 15% đối với dung môi thơm thấp tính theo trọng lượng) thấp hơn đáng kể so với xăng (22% trọng lượng)

Dung môi được sử dụng chủ yếu trong công nghiệp sơn, giấy, cao su và sản xuất chất kết dính. Chúng có thể cũng được dùng để chiết xuất một số ứng dụng được phẩm. Chúng không và không thể được sử dụng như là nhiên liệu cho động cơ đốt trong.

2710.12.70

REFORMATES

Reformats là các sản phẩm thu được từ quá trình tái tạo, chạy ở nhiệt độ cao với chất xúc tác để chuyển đổi hydro carbon parafin và naphthenic thành các chất thơm, có trị số ôc-tan cao thích hợp cho việc pha vào nhiên liệu thành phẩm (xăng).

2710.19.89

DẦU TRUNG KHÁC VÀ CÁC CHẾ PHẨM

Dầu và chế phẩm thu được khi dầu thô được chưng cất ở 210°C thì chiếm dưới 90% thể tích (bao gồm cả hao hụt) và khi được chưng cất ở 250°C thì chiếm từ 65% thể tích trở lên (kể cả hao hụt) (phương pháp ASTM D86).

2710.19.41

DẦU KHOÁNG ĐÃ TINH CHẾ ĐỂ SẢN XUẤT DẦU BÔI TRƠN

Dầu được tinh chế từ dầu mỏ gốc khoáng được sử dụng trong sản xuất dầu bôi trơn bằng cách trộn với các nguyên liệu và/hoặc chất phụ gia khác.

2711.21.10

KHÍ TỰ NHIÊN, LOẠI SỬ DỤNG LÀM NHIÊN LIỆU CHO ĐỘNG CƠ

Khí tự nhiên chứa chủ yếu là khí metan và đôi khi chứa một lượng đáng kể các khí hydro các bon nặng hơn, ví dụ: ethan, propan, butan và pentan, và một số chất khác

(điôxít các bon, nito, heli và hydro sunphid), những chất này phải được loại bỏ trước khi sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ.

Khí tự nhiên loại sử dụng cho động cơ được dùng trong động cơ đánh lửa và được biết một cách rộng rãi là khí tự nhiên nén hay CNG. Nó thường được coi là một giải pháp thay thế sạch hơn cho xăng dầu và có đặc trưng là áp lực 200-250 bar.

(Nguồn: Singapore)

CHƯƠNG 28

2809.20.31 2809.20.39

AXIT PHOTPHORIC VÀ AXIT POLYPHOTPHORIC, LOẠI DÙNG CHO THỰC PHẨM

Axit photphoric loại dùng cho thực phẩm, thu được sau khi xử lý axitphotphoric dùng kỹ thuật bằng các phương pháp bổ sung như kết tủa hay lọc asen và các chất độc hại khác. Hàm lượng giới hạn một số chất trong sản phẩm này nhỏ hơn 1mg/kg asen, 20mg/kg sắt, 10mg/kg fluoride và 3mg/kg chì. Nó được dùng trong thực phẩm và đồ uống có ga như là một chất điều chỉnh độ chua và chất ổn định, trong công nghiệp tinh chế đường, trong sản xuất gelatin, thức ăn chăn nuôi, nấm men và sử dụng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm.

2827.20.10

CANXI CLORUA, LOẠI THƯỜNG PHẨM

Chứa 73 tới 80% canxi clorua trên tổng trọng lượng, thường có dạng bông tuyết.

2833.22.10

NHÔM SULPHAT, LOẠI THƯỜNG PHẨM

Chứa tối đa 0,5% sắt trong tổng trọng lượng. Loại nhôm sulphat thương phẩm được làm trực tiếp từ boxit. Nó được sử dụng trong công nghiệp giấy, để lọc nước công nghiệp đã qua xử lý như là một loại thuốc cắn màu (giữ màu) cho thuốc nhuộm.

2835.25.10**CANXI HYDRO ORTHOPHOTPHAT (DICANXI PHOTPHAT),
LOẠI DÙNG LÀM THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Dicaxi photphat được sử dụng làm chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung canxi cho động vật. Hàm lượng asen và chì không được vượt quá 30 ppm.
(Nguồn: Phi-líp-pin)

2835.31.10**NATRI TRIPHOTPHAT, LOẠI DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Natri triphosphat (STPP, loại dùng cho thực phẩm), dưới dạng bột trắng có công thức hóa học là $\text{Na}_5\text{P}_3\text{O}_{10}$, được sử dụng như là thành phần trong ngành công nghiệp thực phẩm, ví dụ: sản xuất thịt chế biến, thịt gia cầm, hải sản, mỳ hay pho mát. STPP, loại dùng cho thực phẩm được phân biệt với các loại STPP khác bởi hàm lượng tối đa của hỗn hợp các kim loại nặng (asen, chì, sắt), những kim loại được coi là không an toàn đối với người.
(Nguồn: Indonesia)

CHƯƠNG 29

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 30**3004.90.20****NƯỚC VÔ TRÙNG ĐÓNG KÍN ĐỂ XÔNG, LOẠI DƯỢC PHẨM**

Sản phẩm này chế từ nước tiệt trùng dùng để tiêm, đóng gói trong chai thủy tinh hay túi nhựa và được dán nhãn với nội dung: sản phẩm này phù hợp sử dụng để xông và sử dụng cho đường tiêu hóa.
(Nguồn: Phi-líp-pin)



3004.90.63 3004.90.72 3004.90.98**THUỐC ĐÔNG Y TỪ THẢO DƯỢC**

Thuốc đông y từ thảo dược là dược phẩm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở nước nhập khẩu xác nhận là thuốc chữa bệnh hiệu quả trong việc điều trị hoặc phòng chống các dịch bệnh hoặc các bệnh cụ thể. Loại thuốc thảo dược này tối thiểu phải được:

- Đóng gói theo liều lượng,
- Ghi trên nhãn để điều trị hoặc phòng chống các dịch bệnh hoặc các bệnh cụ thể, và
- Có hoạt chất là hai sản phẩm từ thảo dược trở lên

Loại thuốc thảo dược này không đơn thuần chỉ để duy trì sức khỏe.

(Nguồn: Việt nam)

3004.90.81 3004.90.82 3004.90.89**CÁC LOẠI THUỐC KHÁC ĐỂ ĐIỀU TRỊ UNG THƯ, HIV/AIDS
HOẶC CÁC BỆNH KHÓ CHỮA KHÁC**

Đây là những loại thuốc được chỉ định cho bệnh nhân mắc bệnh ung thư, bệnh tim, HIV/AIDS, suy thận hoặc các bệnh kéo dài khác và được bệnh nhân sử dụng để duy trì bệnh trạng hiện tại hoặc bảo vệ ngăn chặn các biến chứng có thể xảy ra. Chúng bao gồm các loại thuốc chống ung thư, các chế phẩm và giải pháp lọc máu, giải pháp hóa trị và các loại thuốc tim mạch.

CHƯƠNG 31**3103.10.10****SUPE PHỐT PHÁT, LOẠI DÙNG LÀM THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Supe phốt phát loại dùng làm thức ăn chăn nuôi được sử dụng làm phụ gia trong thức ăn để bổ sung canxi cho động vật. Hàm lượng Asen hoặc Chì không được vượt quá 30ppm.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

3103.90.10**PHÂN PHỐT PHÁT ĐÃ NUNG**

Phốt phát tự nhiên đã được nung hoặc xử lý nhiệt để loại bỏ tạp chất.

CHƯƠNG 32**3201.90.10****GAMBIER**

Gambier là chất chiết xuất khô thu được từ lá cây *Uncaria gambir roxb* (thuộc họ Rubiaceae). Trong thương mại quốc tế, gambier có tên là *Plecatechu*, *Gambir Catechu* và *Tera Japonica*. Gambier được sử dụng như một thành phần trong dược phẩm, như chất tanh trong thuốc da, vật liệu làm màu và làm thuốc thử.

3204.11.10**THUỐC NHUỘM PHÂN TÁN DẠNG THÔ**

Thuốc nhuộm phân tán dạng thô là thuốc nhuộm phân tán dạng trung gian không có thêm các tác nhân tạo sự phân tán.

3207.20.10**PHỐI LIỆU MEN KÍNH**

Đây là những hỗn hợp gồm dễ nóng chảy được sử dụng để làm lớp tráng men và nước men cho bề mặt của đồ dùng nhà bếp và đồ dùng bằng kim loại như bếp lò và bồn tắm hay chậu tắm bằng kim loại.

**3208.10.11 3208.20.70 3208.90.11 3208.90.21****VECNI (BAO GỒM DẦU BÓNG), LOẠI DÙNG CHO NHA KHOA**

Vecni sử dụng cho nha khoa được chế tạo từ polyester hoặc polyme của acrylic hay của vinyl. Vecni có chức năng như một lớp bảo vệ giữa men răng và các nguyên liệu nha khoa giúp phục hồi răng. Chúng hạn chế tối đa sự xâm nhập của nước bọt vào bề mặt tiếp giáp giữa răng và chất liệu phục hồi răng. Chúng sẽ tạo thành màng sau khi dung môi bay hơi hết. Chúng không bền cơ học và không cách nhiệt.

3208.20.40**SƠN CHỐNG HÀ VÀ CHỐNG ĂN MÒN DÙNG ĐỂ SƠN VỎ TÀU THỦY**

Sơn chống hà và chống ăn mòn thuộc nhóm sơn được sản xuất từ polyme tổng hợp hoặc polyme tự nhiên, phân tán hoặc hòa tan trong môi trường không chứa nước. Các loại sơn này có thể được làm từ các loại nhựa cây khác nhau và các chất độc tố khác nhau như là oxit đồng, đồng thiocyanat hoặc thiếc tributyl. Loại sơn này là những sản phẩm diệt các loài thủy sinh gây hại được sử dụng trên vỏ tàu, đáy tàu, các kết cấu và bề mặt khác của các thiết bị hàng hải khác để ngăn chặn sự phát triển của sinh vật hay động vật thủy sinh như hàu và tảo. Các dung môi hữu cơ được sử dụng cho các loại sơn này.

3209.10.50**SƠN CHỐNG HÀ VÀ CHỐNG ĂN MÒN ĐỂ SƠN VỎ TÀU THỦY**

Sơn chống hà và chống ăn mòn thuộc nhóm sơn được sản xuất từ các loại polyme tổng hợp hoặc tự nhiên được hòa tan hoặc phân tán trong môi trường nước. Các loại sơn này có thể được làm từ các loại keo và các chất độc khác nhau như oxit đồng, đồng thiocyanate hay thiếc tributyl. Các loại sơn này là các sản phẩm diệt các loài thủy sinh gây hại, sử dụng trên bề mặt các thân tàu, đáy thuyền, các kết cấu khác dùng trên biển có tác dụng hạn chế sự phát triển của sinh vật thủy sinh như hàu và tảo. Nước được dùng làm dung môi cho các sơn này.

3210.00.50**CHẤT PHỦ HẮC ín POLYURETHAN**

Sản phẩm này là hỗn hợp của hắc ín với polyurethane ở thể rắn, màu đen. Nó được nấu chảy trước khi phủ bảo vệ cho các đường ống ngầm lớn dưới đất để chống ăn mòn.

3215.11.10**MỰC IN ĐƯỢC LÀM KHÔ BẰNG TIA CỰC TÍM**

Mực in được làm khô bằng tia cực tím là mực để in các tài liệu quảng cáo, nhãn hàng và các ấn phẩm khác, được sử dụng với máy in dùng tia cực tím để làm khô mực khi in. Loại mực in này không thể làm khô bằng phương pháp bay hơi.

3215.90.70**MỰC DÙNG CHO CÁC MÁY NHÂN BẢN THUỘC NHÓM 84.72**

Các loại mực thuộc phân nhóm này được sử dụng cho các máy nhân bản in keo, nhân bản sử dụng giấy nền hoặc các quá trình tương tự (ví dụ máy in rô-nê-ô, in lưới) trong đó nội dung của bản gốc hoặc bản mẫu được in lên vật liệu dự định in (ví dụ như giấy, hộp).

Mực cho các máy nhân bản được làm từ các hợp chất hóa học dựa trên tính năng sử dụng và phù hợp với loại máy. Các loại mực được làm khô nhanh sau khi in lên các vật liệu dự kiến. Ví dụ của loại mực này là mực anilin (thuốc nhuộm anilin hòa tan trong rượu hoặc một số dung môi bay hơi khác) được sử dụng cho các máy in bản viết.

In ấn bằng máy nhân bản công nghệ cao thường rẻ hơn so với máy photocopy thông thường.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Mực in màu hồng tươi của máy in ốp sét.



Mực in cho máy in nhân bản công nghệ cao

CHƯƠNG 33**3306.10.10****THUỐC ĐÁNH RĂNG, DẠNG KEM HOẶC BỘT
ĐỂ NGĂN NGỪA CÁC BỆNH VỀ RĂNG**

Các loại kem hoặc bột ngăn ngừa các bệnh về răng phải đủ mạnh để loại bỏ một cách hiệu quả tất cả các loại chất bám lâu ngày (như vết bẩn hay vết mẻ trên răng...) trên bề mặt răng mà không làm mòn hay ảnh hưởng đến những phần khác như men răng, ngà răng, xương răng. Chúng hoạt động như tác nhân làm sạch và mang lại cho phần mô cứng của răng sự trắng bóng và thẩm mỹ hơn. Loại kem hoặc bột ngăn ngừa các bệnh về răng này chứa natri florua hoặc thiếc florua được trộn lẫn với chất mài sạch hoặc được trộn lẫn với một hỗn hợp các chất độn khác.

3307.90.50**DUNG DỊCH NHỎ MẮT KHI ĐEO KÍNH ÁP TRÒNG
HOẶC MẮT NHÂN TẠO**

Mắt nhân tạo (mắt giả) là một bộ phận nhựa được sử dụng khi mà mắt thật bị phẫu thuật bỏ đi. Việc tháo ra và làm sạch mắt thường khiến cho hốc mắt được kích thích nhẹ. Mắt nhân tạo thường không cần tháo ra vì nếu tháo ra có thể có nguy cơ bị nhiễm trùng hoặc ngứa. Những người làm mắt giả thường được khuyên dùng dung dịch bôi trơn dành cho loại mắt này, như dung dịch nhỏ mắt nhân tạo, trong trường hợp người sử dụng không thể nhắm mi mắt theo mọi cách hoặc mí mắt không nhắm lại được trong khi ngủ.

Dung dịch dùng bảo vệ mắt nhân tạo làm giảm sự ngứa ngáy và khó chịu khi mắt bị khô. Sự hỗ trợ tạm thời này làm cho mắt cảm thấy ẩm và dễ chịu hơn. Dung dịch bảo vệ có thể chứa các thành phần hoạt chất như metyl xenlulo propyl hydroxit (HPMC), metyl xenlulo cacboxin hoặc rượu hóa học polyvinyl; các chất bảo quản như là Natri Peborat hoặc benzalkoniun florua, cũng như là các chất không hoạt tính khác như axit boric, canxi clorua dihydrat, axit photphoric, natri clorua, magie clorat hoặc kẽm sulphat.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



CHƯƠNG 34

Hiện chưa có chú giải bổ sung của Chương này.

CHƯƠNG 35

3503.00.41

GELATIN DẠNG BỘT CÓ ĐỘ TRƯỞNG NỞ TỪ A-250 HOẶC B-230 TRỞ LÊN THEO HỆ THỐNG THANG ĐO BLOOM

Bột gelatin bao gồm protein tinh khiết có được bằng cách thủy phân axit một phần (loại A) hoặc thủy phân kiềm một phần (loại B) của collagen từ động vật (bao gồm lợn, gia súc và cá). Thông số điển hình cho viên nang gelatin được công bố trên tạp chí "Pharmaceutical Capsules" do Hiệp hội dược phẩm hoàng gia Vương quốc Anh xuất bản.

CHƯƠNG 36

3603.00.10

DÂY CHÁY CHẬM BÁN THÀNH PHẨM, KÍP NỔ CƠ BẢN, TUÝP TÍN HIỆU

Dây cháy chậm bán thành phẩm : Dây cháy chậm ở dạng bán thành phẩm
Kíp nổ cơ bản : Ống nhôm nhỏ được gắn vào ống tín hiệu để cung cấp năng lượng cho thuốc nổ mới được nạp. Chúng chứa thuốc nổ pentaerythritol tetranitrate lead azide và nguyên tử u trong kỹ thuật làm pháo hoa.

Tuýp tín hiệu : Tuýp nhựa rỗng với bụi vật liệu nổ và bột nhôm được sử dụng để khởi tạo và liên kết pháo hiệu.

CHƯƠNG 37

3706.10.10 3706.90.10

PHIM THỜI SỰ, PHIM DU LỊCH, PHIM KỸ THUẬT VÀ PHIM KHOA HỌC

Phim thời sự là một dạng phim tài liệu về các sự kiện hiện hành và các tin tức mang tính thời sự. Sau một thời gian, chúng được xem như là tài liệu lịch sử, bởi chúng thường chỉ là bản ghi nghe nhìn của các sự kiện văn hóa và lịch sử trong quá khứ.

Phim du lịch là phim tài liệu mô tả hoặc ghi lại những trải nghiệm về các chuyến du lịch.

Phim kỹ thuật và khoa học là phim tài liệu mô tả hoặc giải thích những vấn đề/lĩnh vực về công nghệ và khoa học theo các chủ đề khác nhau.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 38

3808.91.30

TẮM THUỐC DIỆT MUỖI

Tắm thuốc diệt muỗi được làm từ sợi cellulo có chứa bột gỗ mềm và bột giấy trộn vào một lưới ẩm và được làm khô để tạo thành một tấm băng xốp trắng. Sau đó tấm băng được ngâm tẩm dung dịch có chứa hoạt chất thuốc trừ côn trùng, như allethrin hoặc d-transprallethrin, chất làm màu, chất kiểm soát bay hơi, chất ổn định và dung môi hữu cơ. Chúng thường được dùng kèm theo các thiết bị điện.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



3822.00.30**DẢI VÀ BẢNG CHỈ THỊ MÀU DÙNG CHO NỒI HẤP KHỬ TRÙNG**

Dải và băng giấy gắn keo, được dùng cho nồi hấp, khi tiếp xúc với áp suất và nhiệt độ cao thì thay đổi màu để thể hiện việc khử trùng đã hoàn tất hay chưa.

3824.90.40**HỖN HỢP DUNG MÔI VÔ CƠ**

Chất lỏng bao gồm hai hay nhiều hợp chất vô cơ khác nhau và được sử dụng để hòa tan chất khác mà không làm thay đổi thành phần hóa học của nó.

3824.90.50**DẦU ACETONE**

Dầu acetone được dùng như một dung môi, một tác nhân biến tính và dùng trong quá trình tinh chế chất hóa học anthracene.

3826.00.10**ESTE METYL DẦU DỪA (CME)**

Este metyl dầu dừa có nguồn gốc từ quá trình este hóa dầu dừa với methanol và nó được dùng như một chất phụ gia hoặc chất thay thế cho dầu diezen. CME là viết tắt của este metyl dầu dừa. Sản phẩm này còn được gọi là diezen sinh học dừa. Các đặc tính của CME là đốt cháy hiệu quả hơn, từ đó làm tăng công suất của động cơ, quãng đường đi dài hơn và lượng khí thải ít hơn.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 39**39.01 – 39.12****DẠNG PHÂN TÁN**

Dạng phân tán bao gồm các phần tử polyme bị phân tán trong môi trường lỏng, có màu trắng vẩn đục, có thể ở dạng huyền phù hoặc nhũ tương. Dạng phân tán khác với dung dịch ở chỗ tất cả các phần tử trong dung dịch được hòa tan hoàn toàn trong một dung môi, làm cho dung dịch trong suốt.

(Nguồn: Thái Lan)

3902.90.10**POLYPROPYLENE ĐÃ CLO HÓA DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT MỰC IN**

Polypropylen đã clo hóa là một loại nhựa màu trắng hoặc vàng nhạt thu được từ việc thay đổi tính chất hóa học của polypropylene bằng cách hòa tan trong xylene và toluene và dung dịch thu được có tính lỏng cao ở nhiệt độ bình thường. Thông thường, có hàm lượng clo chiếm 25% -35% trọng lượng dung dịch. Hợp chất này ở dạng giọt, sử dụng như một chất dính (promoter) trong mực in và sơn. Độ dính nhót của các loại mực in nằm trong khoảng 200-800 MPa ở 25°C và độ pH từ 5,5 đến 8.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

39.03**39.04****39.07****39.12****HẠT**

Sản phẩm có ít hơn 10% khối lượng lọt qua lưới lọc có đường kính mắt lọc là 1mm và sản phẩm có 90% khối lượng trở lên lọt qua lưới lọc có đường kính mắt lọc là 5mm.

(Nguồn: Việt Nam)

3903.19.21**3903.19.91****3903.90.91****POLYSTYRENE CHỊU TÁC ĐỘNG CAO (HIPS)**

Polystyrene chịu tác động cao (HIPS) là hỗn hợp của polystyrene với hạt cao su hoặc cao su đồng trùng hợp butadiene làm tăng cường độ bền, tính chịu lực, chịu va đập và dễ gia công. Nó có màu đục và có độ căng thấp và độ kéo giãn cao. Tính kéo giãn và tính chịu lực của loại nhựa này không cần phải theo hướng nhất định khi gia công theo phương pháp định hình bằng nhiệt. Vì thế, chi phí thiết bị để định hình sản phẩm sẽ giảm đi đáng kể so với polystyrene thông thường. HIPS được dùng để sản xuất sản phẩm chứa đựng như khay, chén, tách...

HIPS được phân loại ở phân nhóm 3903.19.21 hoặc 3903.19.91 nếu chứa phần tử cao su hoặc cao su tổng hợp butadiene từ 5% trở xuống tính theo trọng lượng; và được phân loại trong nhóm 3903.90.91 nếu chứa cao su hoặc cao su tổng hợp butadiene trên 5% tính theo trọng lượng.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

3907.30.20**NHỰA EPOXIT, LOẠI DÙNG ĐỂ PHỦ, DẠNG BỘT**

Loại nhựa để phủ này dựa trên nhựa epoxit được gắn lại bằng chất làm rắn dicyandiamide hoặc phenol. Chúng ở dạng bột và được dùng bằng cách phun và nung trong lò. Lớp phủ này có độ bám dính tốt, chống ăn mòn và có khả năng chống hóa chất và dung môi, và thích hợp để bọc lớp vỏ của máy móc bằng kim loại.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

3907.99.40**NHỰA POLYESTE, LOẠI DÙNG ĐỂ PHỦ, DẠNG BỘT**

Loại nhựa để phủ này được dựa trên các polyeste no chức axit và được gắn bằng triglycidylisocyanurate. Chúng ở dạng bột và được phủ bằng cách phun và nung trong lò. Lớp phủ này có màu sắc và khả năng duy trì độ bóng khi tiếp xúc với môi trường bên ngoài, thích hợp để bọc lớp vỏ cho máy móc bằng kim loại.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

3909.30.91**NHỰA GLYOXAL MONOUREIN**

Nhựa glyoxal monourein là một loại polyme thu được bằng cách ngưng tụ các glyoxal monomer (còn gọi là oxalaldehyde ($C_2H_2O_2$)) và monourein monomer (còn gọi là 4,5-Dihydroxyn-2-imidazolidinone ($C_3H_6N_2O_3$)). Nhìn chung, nhựa glyoxal có trong các chất dính với hàm lượng khoảng 1-25% trọng lượng của hợp chất polyme rắn.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

3912.20.11**NITROCELLULOSE BÁN HOÀN THIỆN ĐÃ NGÂM NƯỚC**

Nitrocellulose bán hoàn thiện đã ngâm nước, hay còn gọi là nitrocellulose ẩm là một loại nhựa bán thành phẩm dưới dạng sợi. Nó được làm ẩm với nước khoảng 30% khối lượng để an toàn khi vận chuyển. Nó được hòa tan trong dung môi hữu cơ trước khi được sử dụng trong sản xuất lớp tráng, mực in và sơn.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

3920.20.10**MÀNG POLYPROPYLEN ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG HAI CHIỀU (BOPP)**

Định hướng hai chiều là quá trình hình thành màng nhựa nóng theo hướng cắt ngang máy nhằm tạo ra loại màng có độ bền cao hơn. Một trong những những loại màng định hướng 2 chiều phổ biến nhất là màng BOPP. “Định hướng hai chiều” có nghĩa là lớp màng polypropylen được kéo dài theo 2 hướng đầu máy (MD) và hướng cắt ngang máy (AMD), làm cho lớp màng được kéo dài theo 2 chiều X và Y (hướng dọc và ngang), do đó thích hợp cho việc gói bọc hàng hóa.

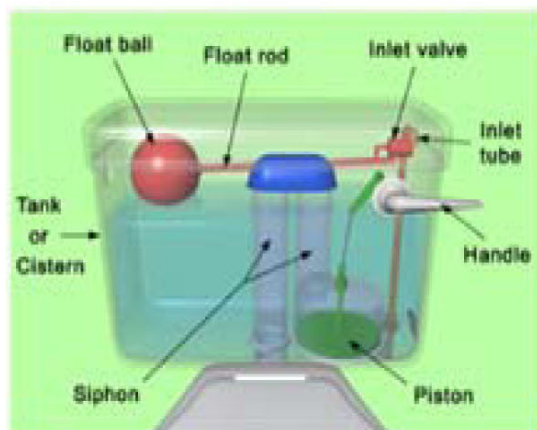
(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

**3920.61.10****POLYCARBONAT DẠNG TẤM VÀ PHIÊN**

Tấm và phiên thuộc phân nhóm này đáp ứng đủ các yêu cầu của Chú giải 10 Chương 39; có mặt cắt ngang là hình chữ nhật (kể cả hình vuông) và có độ dày trên 0,25mm.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

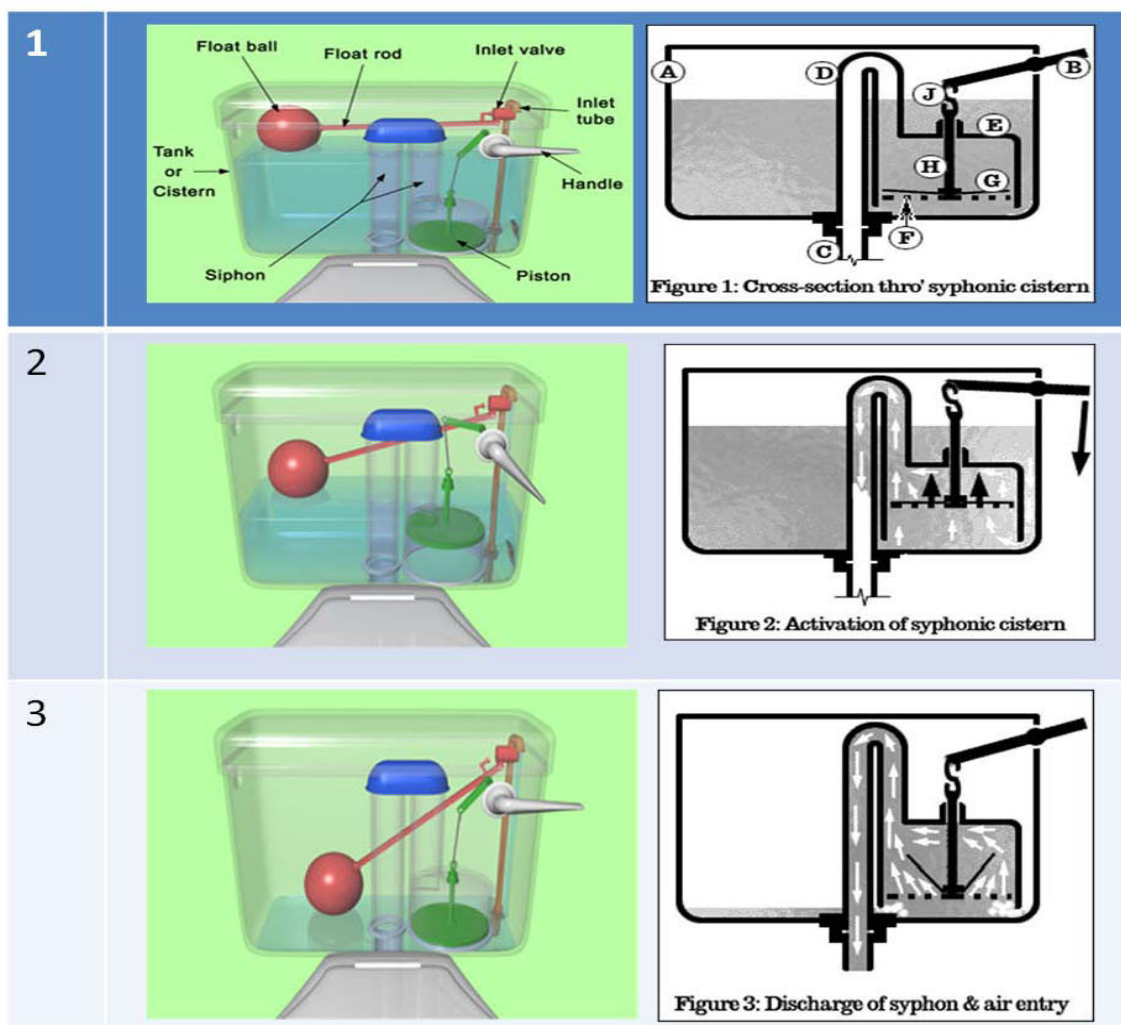
3922.90.11**BỘ PHẬN CỦA BÌNH XẢ NƯỚC****Mô tả bình xả nước**



Bình xả nước được dùng để xả nước vào bồn cầu. Nó bao gồm những bộ phận sau:

- Bình nhựa có nắp đậy.
- Hệ thống xiphong bằng nhựa bao gồm một ống chữ U với một van xả và một tay cầm (điều khiển việc xả nước) cùng với một thanh nâng bằng sắt.
- Một bóng nhựa nối với một thanh sắt, một van cấp bằng nhựa, một ống cấp bằng nhựa và phụ kiện của chúng.

Cơ chế vận hành



Các thành phần nếu nhập khẩu riêng rẽ sẽ được phân loại như sau

- Bình nhựa có nắp (phân nhóm 3922.90.11).
- Hệ thống xiphong bằng nhựa bao gồm một ống chữ U với một van xả và một tay cầm (điều khiển việc xả nước) cùng với một thanh nâng bằng sắt (phân nhóm 8481.80 hoặc 4016.99 (nếu làm từ cao su lưu hóa)).
- Một bóng nhựa nổi với một thanh sắt, một van cấp bằng nhựa, một ống cấp bằng nhựa và phụ kiện của chúng (phân nhóm 8481.80).

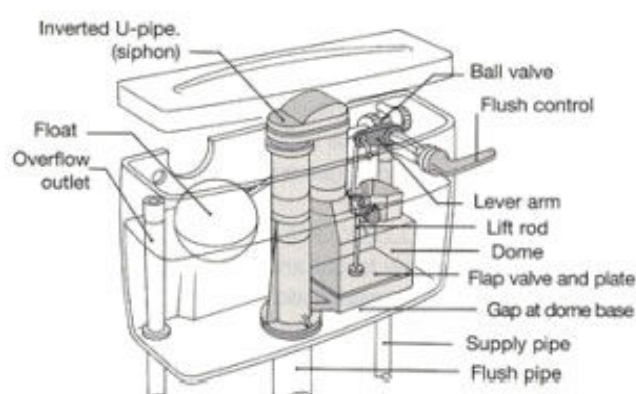
3922.90.12

BÌNH XẢ NƯỚC ĐÃ LẮP SẴN CÁC BỘ PHẬN

Sản phẩm này bao gồm một bình xả được lắp sẵn các bộ phận gồm có bình chứa và

nắp đây.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



3923.21.91

TÚI VÔ TRÙNG CHƯA ĐƯỢC GIA CÔNG BẰNG LÁ NHÔM (TRỪ TÚI CÓ ĐÁY NỖ - RETORT), CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 315 MM TRỞ LÊN VÀ CHIỀU DÀI TỪ 410MM TRỞ LÊN, GẮN VỚI NẮP ĐỆM KHÍ

Túi đã khử trùng trong suốt kín khí và có vòi kín chỉ có thể mở được bằng một máy nạp đầy đặc biệt. Chúng được làm từ các lớp màng nhựa mỏng (không có lá nhôm) và đóng gói trong các hộp kín ở môi trường vô trùng. Chúng được sử dụng rộng rãi cho việc đóng gói và vận chuyển nước ép trái cây, sữa, dầu, chất phụ gia, chất bảo quản trái cây, gia vị... để kéo dài tuổi thọ của sản phẩm.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



3923.30.20**BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU NHIỀU LỚP
ĐƯỢC GIA CỐ BẰNG SỢI THỦY TINH**

Bình chứa nhiên liệu nhiều lớp được gia cố bằng sợi thủy tinh. Thành bình gồm có 3 lớp. Lớp trong cùng được làm từ polyetylen đặc. Lớp ở giữa gồm một hỗn hợp của sợi thủy tinh và nhựa. Lớp ngoài cùng được làm từ nhựa.

(Nguồn: Việt Nam)

**3923.40.10****SUỐT CHỈ, ỐNG CHỈ, LỖI VÀ CÁC SẢN PHẨM HỖ TRỢ TƯƠNG TỰ,
THÍCH HỢP SỬ DỤNG CHO CÁC LOẠI MÁY
THUỘC NHÓM 84.44, 84.45 HOẶC 84.48**

Ngành công nghiệp dệt may thế giới ngày nay vẫn chủ yếu dựa vào suốt chỉ, ống chỉ, lõi và con thoi.

Trong các thuật ngữ phổ biến, lõi (bobbins) được sử dụng để cuộn chỉ trên một giá đỡ đặc, có thể đưa vào tâm của con thoi và xuyên qua tấm dệt mở để hình thành mũi khâu.

Theo cách truyền thống, con thoi mang chỉ cuộn đi ngang qua tấm dệt. Nhờ có tiến bộ về công nghệ, con thoi ngày nay được thay thế bởi phương tiện như máy dệt khí hoặc máy dệt nước và các phương tiện khác.

Trước đây người ta sử dụng các loại suốt, lõi, ống chỉ bằng gỗ cứng hoặc kim loại. Bây giờ chúng đã được thay thế bởi các loại vật liệu nhẹ hơn như nhựa. Một số loại suốt, lõi, ống cuộn chỉ được thiết kế đặc biệt cho một số loại máy may đặc biệt.

Ống chỉ là tên gọi khác cho vật đựng chỉ thường dùng để chứa sợi cho việc khâu (sợi thường ở dạng mảnh hơn chỉ) và nó nhỏ hơn loại dùng cho các máy dệt.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Bộ phận của máy dệt sợi nhựa, chỉ đơn hình nón nhuộm, nón vòng, chỉ vòng, nón đục lỗ.



suốt chỉ vòng



suốt chỉ bằng nhựa cho công nghiệp dệt may.



Yarn spinning machine

Máy xe sợi



yarn spinning machine

Máy kéo sợi



Máy làm sợi dún



Máy xoắn sợi



Máy cuộn sợi



Máy cuộn sợi



Máy Jacquard Raschel

3926.90.42

MẶT NẠ BẢO HỘ DÙNG TRONG KHI HÀN VÀ CÁC CÔNG VIỆC TƯƠNG TỰ

Mặt nạ bảo hộ là một tấm chắn bảo vệ bằng vật liệu nhẹ được sử dụng để che mặt và tránh tia lửa và ánh sáng trong khi hàn, xay sát hoặc các công việc tương tự. Mặt nạ bảo hộ thường được chế tạo từ các tấm nhựa trong suốt hoặc nhựa với một ô nhìn bằng nhựa trong suốt. Nhựa trong suốt thường được ép mỏng với các vật liệu đặc biệt để bảo vệ mắt. Mặt nạ thường được điều chỉnh cho vừa bằng băng đầu hoặc tay

cầm.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



3926.90.55

MÓC HÌNH CHỮ J HOẶC KHỐI CHÙM BẰNG NHỰA DÙNG CHO NGÒI NỔ, KÍP NỔ

Móc chữ J được đúc từ nhựa và sử dụng trong các ống thu nhận tín hiệu như một phương tiện để nối dây nổ với ống tín hiệu để kích nổ. Chúng cũng được sử dụng để xác định thời gian hẹn giờ trên ngòi nổ bằng các con số được dập trên móc.



Chốt chùm là các chốt bằng nhựa màu, thường có 2 nắp đậy. Chúng được gắn cố định vào ngòi nổ khi dùng với dây dẫn hẹn giờ (TLD) như một phương tiện để nối nổ cho nhiều dây dẫn hẹn giờ một lúc. Chúng cũng được gọi là chốt TLD, chốt hoặc chốt khớp nối.



3926.90.82

CHUỖI HẠT CẦU NGUYỆN

Chuỗi hạt cầu nguyện, hay còn được biết đến như là vòng hạt truyền thống để đếm, thường được nhiều tôn giáo sử dụng. Chuỗi hạt cầu nguyện thường được sử dụng để đếm những lời cầu nguyện được lặp đi lặp lại (vd: *zikir*, *rosary* hoặc *mantra*). Chuỗi hạt cầu nguyện được chế tạo từ nhựa và được xâu với một sợi hoặc monofilament

thành một cái vòng hoặc chuỗi.
(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



3926.90.91

CÁC SẢN PHẨM KHÁC TỪ NHỰA DÙNG ĐỂ CHỨA NGŨ CỐC

Sản phẩm này bao gồm một bao bì có chất Poly linh hoạt (vinyl Clorua) (PVC) (có hình khối) với phần trên và dưới có các dây kéo kín để đựng ngũ cốc bằng túi kín, từ đó sản phẩm ngũ cốc được bảo quản tốt mà không cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Van đầu vào và đầu ra cũng được dùng để phun hơi tẩy trùng và điều chỉnh áp suất không khí (sử dụng cacbon dioxit hoặc nitơ).

Các khối lập phương được thiết kế để đặt ngoài trời và trên mặt đất và được sử dụng nhiều lần trong thời gian dài trong các điều kiện không tối ưu. Cách sử dụng này được thực hiện bằng việc dùng một tấm lót nặng tạo thành hai lớp được bảo vệ tránh tia UV và lớp thực phẩm với loại vật liệu đã được kiểm chứng trong nhiều năm dưới các điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt. Những khối lập phương này có thể được sử dụng khi và tại những nơi các mô hình bảo quản khác không dùng được, mặc dù chúng cũng có thể được đặt trong các mô hình bảo quản có sẵn nếu muốn.

Để đổ ngũ cốc vào, phần dưới được đặt nằm trên sàn và các túi đựng hạt được đặt trực tiếp trên lớp lót này. Kích thước của các lớp lót dưới xác định kích thước của các ngăn xếp được làm. Sau khi các ngăn xếp được dựng ở độ cao cần thiết, lớp lót trên được đặt lên trên đỉnh của các ngăn xếp và chạm lớp lót dưới ở nửa bên trên mặt cạnh. Các lớp lót trên và dưới được gắn nhiều lưỡi kín khí và rãnh kéo để nén chúng lại và tạo thành bao bì liên tiếp.

Các khối lập phương được chế tạo với sức chứa 5, 10, 20 và 50 tấn, với kích thước chọn sẵn để dễ dàng sắp xếp và kéo kín. Các dây đai đặc biệt được đặt xung quanh khối lập phương được thiết kế để nhắc các giá xếp lên tường và kéo lớp lót chặt quanh đường viền của các bao tải ở trên sàn.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



CHƯƠNG 40

4001.10.11 4001.10.21

CÔ ĐẶC THEO PHƯƠNG PHÁP LY TÂM

“Ly tâm” là quá trình cô đặc cao su latex bằng các máy ly tâm với các cánh quạt quay bên trong với tốc độ cao để tách cao su khỏi nước và nhũ tương. Cao su dạng latex qua quá trình ly tâm sẽ chứa khoảng 60% latex, còn lại là 35% nước và 5% nhũ tương và một số loại tạp khác (tính theo thể tích). Ly tâm là phương pháp duy nhất được biết đến để cô đặc cao su trên toàn thế giới.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.21.10

RSS HẠNG 1

Hiện nay có hai loại cao su dạng tấm được sản xuất và chào bán trên thị trường thế giới, có tên là cao su tấm xông khói nổi gân (RSS) và cao su tấm làm khô bằng không khí. Trong hai loại cao su nêu trên thì cao su tấm xông khói nổi gân phổ biến hơn.

Cao su tấm xông khói hạng 1 rất bền, khô ráo, sạch và được xông khói đều. Nó không có vết bẩn, chất nhựa (gỉ), vết rộp, cát hoặc bất kì chất khác ngoại trừ các đốm mờ. Loại cao su này không bị mốc, nhưng có thể vẫn còn vết khuôn mờ xuất hiện trên lớp mặt ngoài.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.21.20

RSS HẠNG 2

Hiện nay có hai loại cao su tấm được sản xuất và chào bán trên thị trường thế giới,

có tên là cao su tấm xông khói nổi gân (RSS) và cao su tấm làm khô bằng không khí. Trong hai loại cao su nêu trên thì cao su tấm xông khói nổi gân phổ biến hơn.

Cao su tấm hạng 2 có chất lượng tương tự như cao su tấm hạng 1 ngoại trừ việc có những đốm mốc mờ hoặc gỉ rất nhỏ mới xuất hiện trên lớp mặt ngoài, bề mặt kiện hàng và các tấm cao su bên trong. Một số bọt khí và đốm nhỏ của vỏ cây có thể xuất hiện, nhưng các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa chưa đủ, xông khói quá điều kiện cho phép hoặc mờ đục không được chấp nhận.

Không chấp nhận đối với các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa chưa đủ, xông khói quá điều kiện cho phép. Cao su sẽ phải khô, sạch sẽ, bền, lành lặn và không chứa các vết bẩn, cát, vết rộp..v.v..

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.21.30

RSS HẠNG 3

Hiện nay có hai loại cao su tấm được sản xuất và chào bán trên thị trường thế giới, có tên là cao su tấm xông khói nổi gân (RSS) và cao su tấm làm khô bằng không khí. Trong hai loại cao su nêu trên thì cao su tấm xông khói nổi gân phổ biến hơn.

Cao su tấm hạng 3 khô, bền và không có các vết bẩn, vết rộp, cát, được đóng gói vệ sinh và không có các vật chất ngoại lai khác. Nó có thể có vết gỉ và đốm mốc trên giấy gói, bề mặt hoặc bên trong. Các vết bẩn nhỏ có màu, bọt khí và đốm nhỏ từ vỏ cây cũng có thể xuất hiện. Các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa chưa đủ, xông khói quá điều kiện cho phép hoặc mờ đục sẽ không được chấp nhận.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.21.40

RSS HẠNG 4

Hiện nay có hai loại cao su tấm được sản xuất và chào bán trên thị trường thế giới, có tên là cao su tấm xông khói nổi gân (RSS) và cao su tấm làm khô bằng không khí. Trong hai loại cao su nêu trên thì cao su tấm xông khói nổi gân phổ biến hơn.

Cao su tấm hạng 4 khô, bền, cứng và không chứa các vết bẩn, vết rộp, cát, được đóng gói vệ sinh và không có các vật chất ngoại lai khác. Nó có thể có vết gỉ và đốm mờ nhỏ trên giấy gói, bề mặt hoặc bên trong. Các vết vỏ hạt kích thước trung bình, bọt khí, vết bẩn mờ, vết dính nhỏ và vết xém nhỏ có thể xuất hiện. Các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa chưa đủ, xông khói quá điều kiện cho phép hoặc mờ đục sẽ không

được chấp nhận. Cao su tấm loại này được sử dụng phổ biến trong ngành sản xuất lốp xe. Nó có thể có các vết vỏ hạt kích thước trung bình, bọt khí, vết bẩn mờ, vết dính nhỏ và vết xém nhỏ nhưng chưa đến mức rõ rệt. Các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa chưa đủ, xông khói quá điều kiện cho phép hoặc mờ đục sẽ không được chấp nhận.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.21.50

RSS HẠNG 5

Hiện nay có hai loại cao su tấm được sản xuất và chào bán trên thị trường thế giới, có tên là cao su tấm xông khói nổi gân (RSS) và cao su tấm làm khô bằng không khí. Trong hai loại cao su nêu trên thì cao su tấm xông khói nổi gân phổ biến hơn.

Cao su hạng 5 khô, bền, cứng và không chứa các vết bẩn, vết rộp, cát, được đóng gói vệ sinh. Nó có thể có vết gỉ và đốm mờ rất nhỏ trên giấy gói, bề mặt hoặc bên trong. Các vết vỏ hạt kích thước lớn, bọt khí, vết bẩn mờ, vết dính nhỏ và vết xém nhỏ có thể xuất hiện. Các vết oxy hóa, cháy, lưu hóa, xông khói quá điều kiện cho phép hoặc mờ đục sẽ không được chấp nhận.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.29.10

CAO SU TẤM ĐƯỢC LÀM KHÔ BẰNG KHÔNG KHÍ

Cao su tấm được làm khô bằng không khí nhìn giống như cao su tấm xông khói nổi gân (RSS), nhưng trong hơn vì chúng được sản xuất trong buồng không khói. Đây được cho là loại cao su rắn tự nhiên sạch nhất (và chắc chắn là loại cao su ở dạng đẹp nhất). Mủ cao su sử dụng để sản xuất thành tấm, sau đó được “nướng” trong buồng khói. Màu sắc của các tấm cao su rất dễ nhìn, trong suốt và màu nâu vàng đậm. Đây là loại sản phẩm cao cấp được sử dụng trong các ngành sản xuất yêu cầu cao nhất về chất lượng và độ sạch như nệm vú giả cho trẻ em.

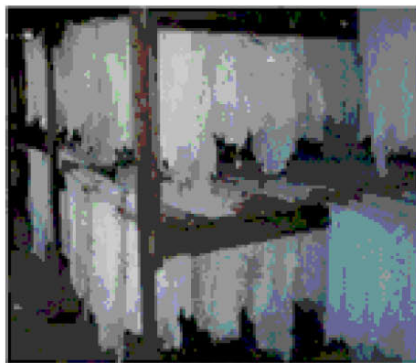
(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.29.20

CRÉP TỪ MỦ CAO SU

Crép từ mủ cao su được sản xuất bằng việc keo tụ của mủ cao su tự nhiên dạng lỏng trong điều kiện đồng bộ và kiểm soát gắt gao. Cao su được cán để tạo nên crép mỏng hoặc dày.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

**4001.29.30****CRÉP LÀM ĐỂ GIÀY**

Crép làm đế giày được tạo thành từ kết tụ cao su sạch, hoàn toàn không chứa các tạp chất và bụi bẩn, tuân thủ các quy định về độ dài, độ rộng và độ dày và trọng lượng. Độ dày chuẩn là 1/20", 3/16", 1/3", 1/4".

Được sản xuất từ mủ cao su kết tụ trong điều kiện xác định. Tấm cao su mềm dẻo nhưng chưa lưu hóa và ở trạng thái rắn. Màu trắng và màu mật ong là 2 màu chính. Các màu khác có thể được sản xuất để phù hợp yêu cầu của người mua hàng. Có nhiều kết cấu bề mặt khác nhau, nhẵn, gồ ghề và khía rãnh. Crép làm đế giày thích hợp cho công nghiệp giày thời trang và giày mùa đông vì cao su loại này rất bám trên băng và bề mặt trơn.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

**4001.29.40****CRÉP TÁI CHẾ, KÊ CẢ VỎ CRÉP LÀM TỪ MẪU CAO SU VỰN**

Trong mục này, có 3 hạng crép được cán lại. Chúng bao gồm crép cán lại hạng 2, 3

và 4. Những hạng này được cán lại từ khối cao su phế liệu, cao su tấm chưa hun khói và cao su đông kết thu được tại vườn cây cao su. Mô tả về hạng crep này được quy định trong Sách Xanh (về “Tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và đóng gói các hạng cao su tự nhiên) được sử dụng để xác định hạng cao su trong mục này.

Crep cán phẳng được tạo ra từ tất cả các loại phế liệu chất lượng thấp, gồm cả cao su rơi vãi dưới đất.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4001.29.80

CAO SU LOẠI TẬN THU (TRÊN CÂY, DƯỚI ĐẤT HOẶC LOẠI ĐÃ HUN KHÓI) VÀ PHẦN THỪA LẠI TRÊN CỐC

Cách thông thường để cạo mủ cao su là từ vết rạch đầu tiên thu được càng nhiều càng tốt. Mủ cao su lỏng sau đó sẽ được thu từ những cốc hứng. Phần còn lại của dòng mủ cao su sẽ kết tụ trên vết cắt ở thân cây và trên cốc trước khi thu hoạch lần sau, được gọi là “cao su tận thu” hay “phần thừa lại trên cốc” (còn gọi là mảnh thừa hay mủ cục).

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



4001.30.11 4001.30.19

JELUTONG

Nhựa từ cây Jeluton (*Dyera costulata*) được dùng để làm gôm.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4008.11.10 4008.21.10**DẢI CAO SU, DÀY HƠN 5MM, MỘT MẶT ĐƯỢC LÓT BẰNG VẢI DỆT**

Dải cao su có một mặt được lót bằng vải dệt được gọi là “băng (tape) cao su dán kín”. Băng cao su dán kín được sử dụng làm vật liệu chống thấm nước ở các vết ghép trong quần áo. Nó được dán chèn vào giữa 2 mép vải bằng máy là hơi nóng.

Băng cao su dán kín được sử dụng rộng rãi cho hàng may mặc không thấm nước như quần áo mùa đông, áo bu đông dày có mũ (anorak), quần áo trượt tuyết, áo mưa, quần áo chống điều kiện khắc nghiệt, quần áo lội nước, áo lông vũ, quần áo bảo hộ y tế, áo đi biển, quần áo lặn, cũng như lều bạt, mui xe, mui thuyền, khí cầu quảng cáo và sản phẩm chống thấm nước khác.

Sản phẩm này cũng được sử dụng như vật liệu cách điện hoặc vật liệu để bịt kín cho máy móc công nghiệp.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)


4009.12.10 4009.21.10 4009.22.10 4009.31.10 4009.32.10
4009.42.10
ỐNG HÚT VÀ XẢ BÙN DỪNG TRONG KHAI THÁC MỎ

Ống hút và xả bùn dừng trong khai thác mỏ là ống cao su dẻo và không gấp được, có mặt cắt hình tròn. Đường kính tối thiểu của ống là 15,24cm, độ dày thành ống 1,27cm và áp suất bực tối thiểu 517 kPa. Chúng thường có các mặt bích được lưu hóa để ghép nối ở 2 đầu ống.

(Nguồn: Phi-líp-pin).

**4012.20.91****LỚP TRƠN**

Các hoa lốp mòn được tách khỏi lớp vỏ lốp đúc bằng cách mài nhẵn. Việc thực hiện đúng quá trình gia công tách hoa lốp rất quan trọng vì nó quyết định đến việc thực hiện lắp lại lốp sau này. Lốp đúc được gắn trên bộ đệm, máy tiện và được thổi phồng lên. Sau đó nó sẽ bị quay trong khi các giữa gia công sẽ mài đi các hoa lốp bị mòn tạo thành bề mặt lốp đúc phù hợp với hình dạng, kích thước và cấu trúc để lắp lốp hoa lốp mới.

Tất cả các mẫu lốp xe đều có vành lốp, chiều rộng, mặt nghiêng và bán kính lốp được định trước. Lốp vỏ lốp phải được gia công để đạt được hình dạng chính xác để tạo nên khả năng bám đường tốt nhất.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a).

**4016.93.10****MIẾNG ĐỆM, VÒNG ĐỆM VÀ MIẾNG CHÈN KHÁC, ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ CÁCH ĐIỆN CHO CÁC CHÂN TỤ ĐIỆN**

Chúng là các vòng cao su nhỏ dùng để cách điện đầu dây dẫn nối của các tụ điện khi được cài trên bo mạch in.

4016.99.16 4016.99.17 4016.99.18

CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN BẰNG CAO SU CỦA XE ĐẠP

Các bộ phận và phụ kiện bằng cao su của xe đạp có thể được phân biệt với nhau dựa trên cơ sở công dụng các bộ phận của xe đạp là cần thiết và không thể thiếu đối với việc vận hành của xe đạp, trong khi phụ kiện chỉ hỗ trợ thêm cho hoạt động của xe đạp.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

Ví dụ về các bộ phận xe đạp



Pedan cao su



Phanh

Ví dụ về phụ kiện cao su



Tay nắm



Chắn bùn



Bọc ghi đồng và thanh ngang



Bọc yên mềm



Tấm bảo vệ dây xích



Nút cao su

4016.99.52**CỐT LÀM LỐP XE**

Cốt làm lốp có dạng tròn và được làm bằng cao su lưu hóa, không có lỗ hổng, khả năng cách nhiệt cao, không cứng. Cốt này được đặt bên trong khuôn lốp và được bơm căng bằng nước nóng hoặc hơi dưới áp suất cao cho đến khi chúng có hình dạng của phần bên trong lốp.

(Nguồn: Phi-líp-pin).

**CHƯƠNG 41**

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 42**4202.12.11 4202.12.19****CẶP, TÚI ĐEO VAI CHO HỌC SINH**

Đây là loại túi đeo vai (gồm cả ba lô) được thiết kế đặc biệt cho học sinh tiểu học mang sách vở đến trường.

(Nguồn: Cambodia)



CHƯƠNG 43

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 44

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 45

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 46

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 47

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 48

4802.55.20 4802.56.20 4802.58.21 4802.58.29 4802.61.30
4802.62.10 4802.62.20

**GIẤY VÀ BÌA TRANG TRÍ, BAO GỒM CẢ GIẤY VÀ BÌA CÓ HÌNH BÓNG
NƯỚC, LOẠI LÀM GIẢ VÂN ĐÁ, LOẠI CÓ HOA VĂN XƠ SỢI,
ĐÓM MÀU HOẶC HOA VĂN DA GIẢ CÔ**

Giấy và bìa trang trí là loại giấy và bìa đặc biệt với các mẫu trang trí, như sau:

- Làm giả vân đá granit – một quá trình sản xuất gia công mà hình ảnh làm giả vân đá được tiến hành ở công đoạn ép ướt trong công nghệ sản xuất giấy bằng cách sử dụng ni hoặc len tổng hợp với các phân đặc biệt để tạo ra sản phẩm hoàn thiện mà bề mặt có hoa văn tương tự.
- Hoa văn da giả cổ - có đặc trưng là các dấu vết ni trên bề mặt được sắp xếp, làm lộ ra bề mặt tương tự như vỏ trứng hoặc mặt giấy thời xưa.

- Hoa văn xơ sợi – có các hình xơ sợi.
 - Hoa văn đốm màu – có các đốm màu.
- (Nguồn: Phi-líp-pin).

4802.55.50**GIẤY LÀM NỀN SẢN XUẤT GIẤY CHỐNG DÍNH**

Loại giấy này được làm từ bột giấy được tẩy trắng 100%, được nhuộm màu toàn bộ, không trắng và thỏa mãn tiêu chuẩn sau đây:

Chỉ số

- Khối lượng, g/m²: 75 ± 5
- Độ dày: μ hoặc mm: 100 ± 5 or $0,1 \pm 0,05$
- Độ bền xé, mN:
 - Theo chiều dọc máy ≥ 470
 - Theo chiều ngang máy ≥ 530
- Độ bụi: $\geq 150\text{kPa}$
- Chứa trên 8% tro
- Khả năng thấm hút: Cobb 60, g/m²: ≤ 18

(Nguồn: Việt nam)

4804.31.10 4804.41.10 4804.51.10**GIẤY KRAFT CÁCH ĐIỆN**

Giấy kraft cách điện được tạo ra bằng cách cán láng giấy kraft, dùng làm giấy bọc cách điện trong các máy biến áp ngâm dầu. Trong quá trình cán láng, giấy được làm ẩm bằng nước hoặc hơi nước.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

4804.39.20 4804.49.10**GIẤY VÀ BÌA GÓI THỰC PHẨM**

Giấy và bìa gói thực phẩm được sản xuất chủ yếu để gói thực phẩm ướt hoặc có dầu. Sản phẩm này thường được làm chủ yếu từ bột giấy thu được từ phương pháp hóa học đã được tẩy trắng và được gia keo nhiều để tăng tính chống thấm nước. Giấy và bìa gói thực phẩm dùng để bao gói thực phẩm đông lạnh được chế tạo từ giấy và bìa chống thấm nước cao. Nó chống nứt ở nhiệt độ thấp khi sử dụng trong điều kiện làm đông nhanh và bảo quản thực phẩm.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

Túi giấy được làm bằng giấy kraft không tráng định lượng thấp



Hộp đựng bánh làm bằng bìa kraft không tráng định lượng trung bình



4805.30.10

GIẤY BAO QUANH HỘP DIÊM, ĐÃ NHUỘM MÀU

Giấy bao quanh hộp diêm đã nhuộm màu là loại giấy bao gói sulphit sử dụng để phủ quanh hộp gỗ chứa que diêm. Một mẫu giấy kẻ trên có thể thấy ở bức tranh bên trái phía dưới. Giấy này được dùng trong hộp diêm, có thể thấy ở ảnh bên phải.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



4805.93.20

GIẤY THẨM

Giấy thấm là một loại giấy có khả năng thấm hút cao được sử dụng để thấm nhiều loại chất khác nhau và tách các loại chất lỏng dư thừa. Thông thường nhất, loại giấy này được dùng để loại bỏ mực, dầu nhưng chúng cũng có thể được dùng để tách các loại chất lỏng khác. Giấy thấm được làm từ nhiều vật liệu khác nhau, có độ dày, độ mềm khác nhau tùy thuộc ứng dụng của nó. Nó thường được làm từ xơ sợi xenlulô có nguồn gốc từ bông và được sản xuất trên các máy xeo giấy đặc biệt. Các tiêu chuẩn kỹ thuật cho giấy thấm mực là có thể hút được nhiều hơn 1ml mực trong thời

gian 50 giây.

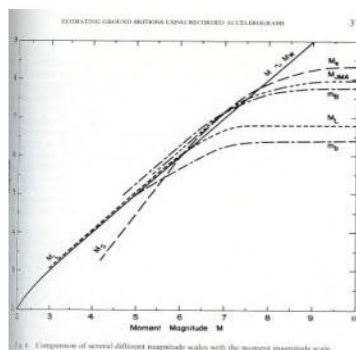
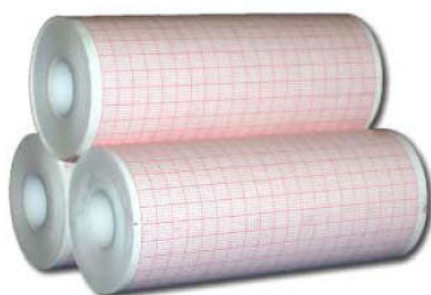
(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

4810.13.11 4810.13.19 4810.14.11 4810.14.19 4810.19.11
4810.19.19 4810.22.11 4810.22.19 4810.29.11 4810.29.19

GIẤY ĐÃ IN, DÙNG CHO MÁY GHI TỰ ĐỘNG

Giấy đã in dùng cho máy ghi tự động, ở dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), và đã được in các dòng kẻ hoặc biểu đồ với các thang đo cụ thể dùng cho các thiết bị khoa học và y tế. Ví dụ như giấy điện tâm đồ sử dụng trong y tế, giấy ghi nhiệt độ hàng ngày, giấy ghi động đất theo thang đo độ Richters v.v.... Loại này không bao gồm giấy nhạy nhiệt.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Giấy ghi dạng cuộn



Giấy ghi dạng gấp



Giấy ghi dạng tờ hình chữ nhật

CHƯƠNG 49**4902.90.10****TẠP CHÍ VÀ ẢN PHẨM ĐỊNH KỲ VỀ GIÁO DỤC, KỸ THUẬT,
KHOA HỌC, LỊCH SỬ HOẶC VĂN HOÁ.**

Đây là các tạp chí và ản phẩm định kỳ về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa. Các ản phẩm này được xuất bản mới thường xuyên theo định kỳ (ít hơn 4 số trong một tuần). Ví dụ như bản tin và tạp chí. Ví dụ về tạp chí là các tạp chí học thuật được biên tập bởi những người có chuyên môn, và công bố các vấn đề học thuật liên quan tới một ngành học cụ thể.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

4911.99.10**THẺ IN SẴN CHO ĐỒ TRANG SỨC HOẶC CHO CÁC ĐỒ TƯ TRANG
NHỎ, TRANG ĐIỂM CÁ NHÂN THƯỜNG ĐƯỢC MANG THEO TRONG
VÍ, TÚI XÁCH TAY HOẶC MANG THEO NGƯỜI**

Các loại thẻ này được dùng để đựng hoặc giữ đồ trang sức hoặc các đồ dùng tương đương, sử dụng trong bán lẻ, ở dạng đơn chiếc hoặc bộ. Tấm thẻ này cung cấp thông tin về đồ trang sức hoặc các đồ vật tương đương đó.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

4911.99.30**BỘ THẺ ĐÃ ĐƯỢC IN NỘI DUNG VỀ GIÁO DỤC,
KỸ THUẬT, KHOA HỌC, LỊCH SỬ HOẶC VĂN HOÁ**

Một bộ thẻ ví dụ như thẻ flash và các sản phẩm tương tự về các chủ đề giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa.

Thẻ flash là một bộ thẻ chứa thông tin trên một hoặc cả 2 mặt, sử dụng trong giảng dạy trên lớp hoặc tự học. Những tấm thẻ này có thể chứa từ vựng, ngày tháng lịch sử, công thức hoặc bất kì chủ đề nào có thể học được thông qua các câu hỏi và câu trả lời. Chúng được sử dụng rộng rãi trong việc hỗ trợ ghi nhớ bằng phương thức lặp lại.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

PHẦN XI**QUY TRÌNH IN HOA BATIK TRUYỀN THỐNG**

Theo mục đích của phần XI, “Quy trình in hoa Batik truyền thống” có nghĩa là in vải

có chứa hình ảnh, hoa văn nghệ thuật, họa tiết trang trí và biểu tượng, và mang tính bản sắc địa phương khi mà việc in được làm bằng tay và các dụng cụ thô sơ, sử dụng các dầu chấm và đường vẽ bằng sáp nóng để tránh thuốc nhuộm tác động lên vải (phương pháp chống thuốc nhuộm bằng sáp).

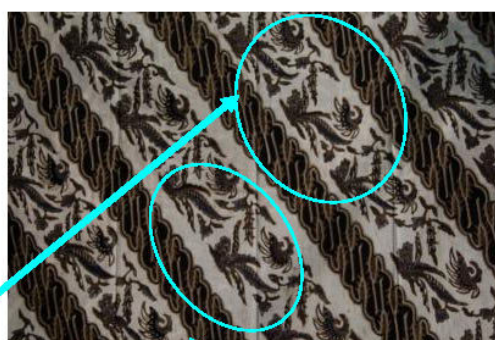
Có 3 phương pháp in Batik truyền thống như sau:

1. Được vẽ bằng tay bằng cách sử dụng công cụ đặc biệt có tên là “Canting Tulis”, được nhận dạng dưới hình thức “Batik Tulis”:

Hình 1 : Canting tulis



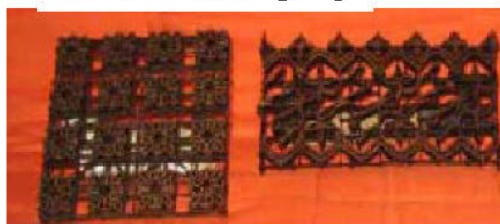
Hình 2 : Batik Tulis



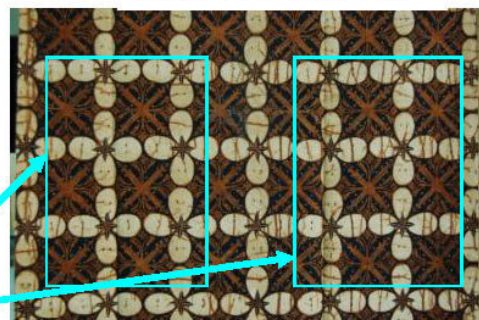
Họa tiết được lặp lại nhưng kích cỡ và mẫu không giống hệt như cũ

2. Được đóng dấu bằng tay, sử dụng công cụ đặc biệt gọi là “Canting Cap”, được nhận dạng dưới hình thức “Batik Cap”:

Hình 3 : Canting cap



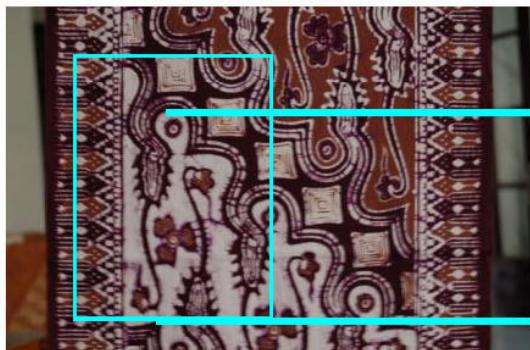
Hình 4 : Batik Cap



Họa tiết được nhắc lại nguyên mẫu và kích cỡ

3. Sự kết hợp giữa vẽ bằng tay và đóng dấu bằng tay, được nhận dạng dưới hình thức “Batik Kombinasi”:

Hình. 5 : Batik



Họa tiết được nhắc lại với kích cỡ và màu như cũ, được làm bằng cách sử dụng “Canting Cap”

- Họa tiết bông hoa được thêm vào, sử dụng “Canting Tulis”
- Họa tiết và kích cỡ của phần thêm vào không nhất thiết phải giống hệt nhau.

Một số ví dụ khác của phương pháp in Batik truyền thống:



(Nguồn: Indonesia)

CHƯƠNG 50

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 51

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 52

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 53

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 54**5407.10.20****VẢI LÀM LỚP XE, VẢI LÀM BĂNG TẢI**

Vải làm lớp xe có sợi ngang và sợi dọc đan vào với nhau giống như vải dệt thông thường. Chúng được sử dụng trong sản xuất lốp cao su.

Vải làm băng tải là vải dệt, dạng cuộn, làm từ sợi ni lông 6 (Nylon-6) và được dùng như một thành phần làm căng của băng tải.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 55

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 56

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 57**57.01****57.02****57.03****57.05****THẢM CẦU NGUYỆN**

Thảm cầu nguyện, hay còn được gọi là chiếu cầu nguyện (sajjada trong tiếng Ả Rập) được làm từ các vật liệu dệt như bông, sợi nhân tạo, len hoặc các loại sợi thực vật khác. Kích thước tấm hình chữ nhật xấp xỉ 70cm chiều rộng và 120cm chiều dài. Chúng được trang trí bằng những biểu tượng của Hồi Giáo hoặc các công trình kiến trúc.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a).

**CHƯƠNG 58****5806.20.10****BĂNG THỂ THAO LOẠI DÙNG ĐỂ QUẤN TAY CẦM CỦA
CÁC DỤNG CỤ THỂ THAO**

Băng này được làm từ các dải cốt- tông hẹp, có tính đàn hồi để quấn quanh tay cầm. Loại băng này có thể quấn quanh tay nắm của gậy gôn, vợt tennis, gậy bóng chày hay các loại thiết bị thể thao khác.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a).

CHƯƠNG 59**5902.10.11****5902.10.19****5902.20.20****5902.90.10****VẢI TRÁNG CAO SU LÀM MÉP LỖP**

Vải đã được tráng cao su và được phủ lên phần mép lõp (phần chứa tanh lõp) để

bảo vệ chống chà sát do tiếp xúc giữa mép lốp với vành bánh xe.
(Nguồn: Phi-líp-pin).

CHƯƠNG 60

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 61

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này

CHƯƠNG 62

6211.32.20

ÁO CHOÀNG HÀNH HƯƠNG

Áo choàng hành hương (ehram trong tiếng Ả rập) là trang phục chỉ dành cho các tín đồ Hồi giáo nam, khi họ hành hương tới Mecca và Medina. Ehram bao gồm hai mảnh rời (không có bất kỳ mối khâu hoặc may nào) có màu trắng trơn; một mảnh được quấn quanh hông, mảnh còn lại quấn qua vai. Áo choàng hành hương được làm từ sợi vải bông.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a).





6211.42.20 6211.43.20 6211.49.30

ÁO CHOÀNG KHÔNG TAY DÙNG ĐỂ CẦU NGUYỆN

Theo truyền thống, áo choàng không tay dùng để cầu nguyện là áo 2 mảnh chỉ được mặc bởi các tín đồ Hồi giáo nữ trong suốt quá trình cầu nguyện. Áo choàng này có màu trắng trơn, làm bằng vải sợi, được làm từ bông hoặc các chất liệu khác, không làm từ tơ tằm. Mảnh bên dưới được dùng để quấn từ hông xuống chân. Mảnh bên trên được dùng để quấn từ đầu tới đầu gối, có 1 chỗ hở ở phần mặt. Ngày nay, áo choàng không tay dùng để cầu nguyện cũng bao gồm cả loại một mảnh để quấn từ đầu đến chân của người phụ nữ, hở phần mặt. Ngoài màu trắng, chúng có thể được làm từ các loại vải trơn có màu khác được thêu ở gờ, cạnh của áo choàng.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



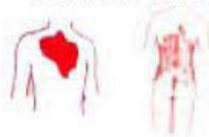
6212.90.11 6212.90.91

HÀNG MAY MẶC, LOẠI CÓ TÍNH ĐÀN HỒI BÓ CHẶT, ĐỂ ĐIỀU TRỊ MÔ VẾT SẺO VÀ GHÉP DA

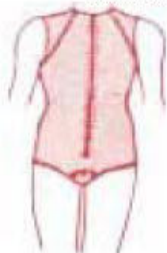
Quần áo (hàng may mặc) có tính đàn hồi bó chặt sử dụng công nghệ mới nhất và các chất liệu vải tốt nhất để điều trị và phục hồi các vết sẹo bỏng và các sẹo khác. Loại hàng may mặc này có thể được sử dụng liên tục ít nhất từ sáu đến mười hai tháng hoặc thậm chí đến khi sẹo mờ đi và lên da non.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

Sẹo bỏng trên cơ thể và da nhăn do cấy ghép



Hàng may mặc đàn hồi theo tiêu chuẩn



Mẫu



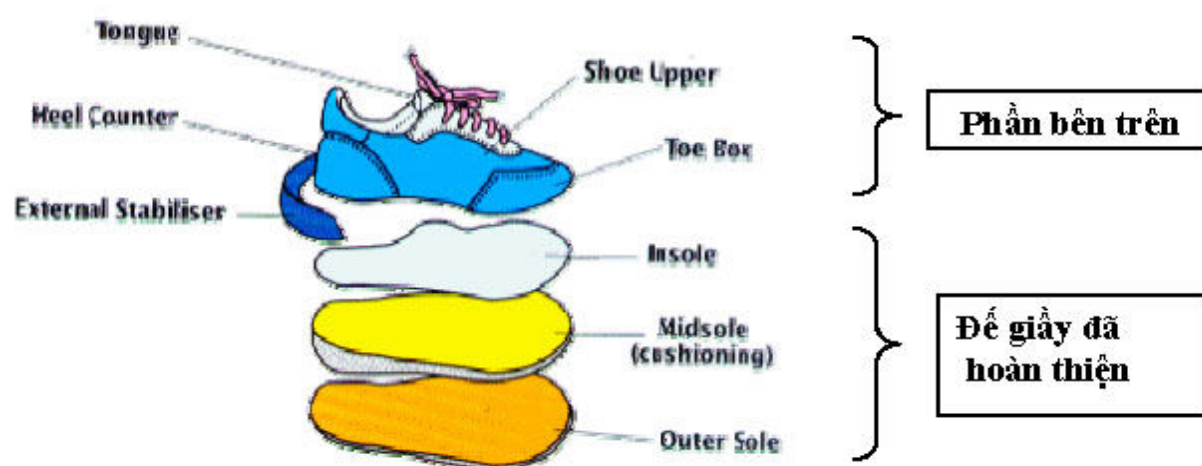
CHƯƠNG 63

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 64**6406.90.32****ĐỀ GIÀY ĐÃ HOÀN THIỆN**

Giày bao gồm 4 phần chính: đế ngoài, đế trong, đế giữa và phần bên trên. Đế giày đã hoàn thiện là phần bao gồm ba loại đế (đế ngoài, đế trong và đế giữa) không kể đến phần bên trên

(Nguồn: Ma-lai-xi-a).

**CHƯƠNG 65**

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 66

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 67

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 68

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 69**6907.90.20****GẠCH LÓT DÙNG CHO MÁY NGHIỀN**

Đây là các loại gạch bằng gốm, sứ có hàm lượng ôxít nhôm cao dùng để lót bên trong các máy nghiền trong công nghiệp xi măng, gốm, sơn và các ngành công nghiệp khác, để thay thế các vật liệu lót bằng kim loại nhằm tránh lẫn sắt trong quá trình nghiền bột màu, bột xi măng và bột gốm. Gạch loại này có đặc tính như bề mặt nhẵn, khối lượng riêng lớn, độ bền và khả năng chống va đập cao.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

**6908.90.11 6908.90.19****GẠCH TRƠN (CHƯA CÓ HOA VĂN)**

Gạch trơn là loại gạch đơn sắc ngay cả khi màu sắc duy nhất đó chỉ lốm đốm, miến là không có bất cứ hoa văn hay phác họa nào.

CHƯƠNG 70**7019.39.10****SỢI THỦY TINH ĐÃ ĐƯỢC THẤM TẮM NHỰA ĐƯỜNG HOẶC NHỰA THAN ĐÁ DÙNG ĐỂ BỌC NGOÀI ĐƯỜNG ỐNG**

Đây là sản phẩm vải không dệt được chế tạo bằng cách gia cố sợi thủy tinh ngẫu nhiên theo chiều dọc và sau đó thấm tẩm với nhựa đường (asphalt) hoặc nhựa than

đá. Nó được dùng làm lớp bọc bên ngoài cho đường ống và có khả năng chống ăn mòn. Nó có sẵn ở dạng cuộn.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



Vỏ bọc ngoài bằng sợi thủy tinh có nhựa than đá

CHƯƠNG 71

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 72

7207.12.10 7207.20.10 7207.20.91

PHÔI DỆT, DẠNG PHIÊN

Phôi dệt, dạng phiên bao gồm thép đã được cán, dạng bán thành phẩm, tạo hình phẳng với chiều rộng đặc trưng không nhỏ hơn 250mm và có diện tích mặt cắt ngang không nhỏ hơn 100 cm². Chiều dày tối thiểu là 40mm. Loại này thường có mặt cắt hình chữ nhật (trừ hình vuông) và có chiều rộng lớn hơn rất nhiều so với chiều dày.

Sản phẩm này được chuyển sang dạng tấm, tấm mỏng và dải bằng máy cán.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

**7213.91.10****THÉP DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT QUE HÀN**

C ≤ 0,1%;

Mn: 0,35 – 0,45%;

Si: 0,3 – 0,35%;

P: tối đa 0,03%;

S: tối đa 0,03%

(Nguồn: Việt Nam)

7217.20.91**DÂY THÉP DÙNG LÀM LỖI CHO CÁP DẪN ĐIỆN BẰNG NHÔM**

Dây thép mạ kẽm có hàm lượng carbon từ 0,5% đến 0,85% theo trọng lượng, làm lõi chịu lực cho cáp dẫn điện bằng nhôm.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

CHƯƠNG 73**7303.00.11****CÁC LOẠI ÔNG KHÔNG CÓ ĐẦU NỐI**

Không giống như ống bằng gang thông thường có một đầu được mở rộng để nối với ống thứ hai (đai và đầu vôi), ống không có đầu nối này có cả hai đầu phẳng và nối với nhau bằng các khớp nối linh hoạt bằng thép không gỉ. Chúng được sử dụng dưới cống hoặc ống dẫn nước mưa và chất thải, lỗ thông hơi, thoát nước và ứng

dụng trong các điều kiện không có áp suất. Chúng được sản xuất từ gang xám.

ASTM A888-09 –Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với ống 2 đầu phẳng và khớp nối bằng gang đặt dưới đất và cống, ống dẫn nước mưa và chất thải, lỗ thông hơi – là tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

Ống không có đầu nối



7304.31.10 7304.51.10

**CẦN KHOAN VÀ ỐNG NỐI CÓ REN TRONG
VÀ ỐNG NỐI CÓ REN NGOÀI DÙNG ĐỂ KHOAN**

Đó là các cần khoan đúc được xử lý bằng nhiệt và ống có ren ở đầu để tăng cường lực căng và xoắn. Chúng được dùng trong công nghiệp khai thác mỏ.

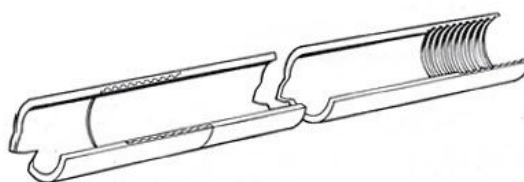
(Nguồn: Phi-líp-pin)



Ống nối có ren



Ống nối có ren trong
và ống nối có ren ngoài



7307.11.10

PHỤ KIỆN CHO ỐNG KHÔNG CÓ ĐẦU NỐI

Không giống như phụ kiện ống thông thường, phụ kiện cho loại ống này không có khớp nối ở cả hai đầu. Cách ráp nối loại ống này với phụ kiện là sử dụng một đệm bao gồm măng-sông cao su neoprene và một miếng chắn thép không gỉ trượt trên đầu của ống và khớp nối; và nó được vặn chặt bằng ren xoắn.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



7308.10.10 7308.20.11 7308.20.21 7308.40.10 7308.90.20
CẤU KIỆN TIỀN CHẾ ĐƯỢC GHÉP VỚI NHAU
BẰNG CÁC KHỚP NỐI

Các loại khớp nối khác nhau được sử dụng trong các kết cấu thép tiền chế ở các phân nhóm 7308.10, 7308.20, 7308.40 và 7308.90 như hình dưới đây:

Khớp nối hai mặt



Khớp nối tấm



Khớp nối chốt đỉnh và mặt đế



Khớp nối lệch



Khớp nối chốt sàn và rầm kép



Khớp nối rầm composit



Khớp nối góc đơn



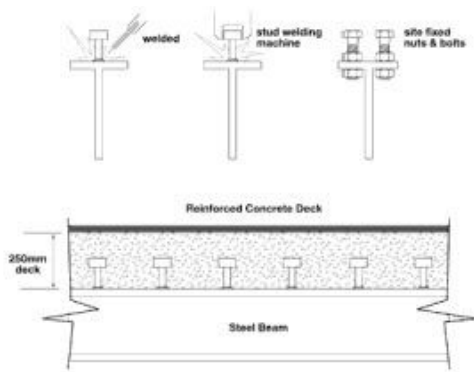
(Nguồn: Phi-líp-pin)

7308.10.10

CẦU VÀ CÁC BỘ PHẬN CẦU, DẠNG CẦU KIẾN TIỀN CHẾ ĐƯỢC GHÉP VỚI NHAU BẰNG CÁC KHỚP NỐI

Phương pháp xây dựng này dựa trên một thanh xà bằng thép hình dạng đặc biệt được cắt theo chiều dọc thành 2 phần chữ T được đổ bê tông ở trên đỉnh. Hình dạng của vết cắt này cho phép trượt vào và ăn khớp với nhau. Bằng phương pháp này, các thành phần của cầu tiền chế được sản xuất và hoàn thành tại chỗ.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



7308.20.11

THÁP LẮP RÁP BẰNG CẤU KIỆN TIỀN CHẾ ĐƯỢC GHÉP BẰNG CÁC KHỚP NỐI

Các khớp nối bên trong một phần tháp



(Nguồn: Phi-líp-pin)

7308.90.20

CÁC KẾT CẤU VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA KẾT CẤU KHÁC, DẠNG CẤU KIỆN TIỀN CHẾ ĐƯỢC GHÉP BẰNG CÁC KHỚP NỐI

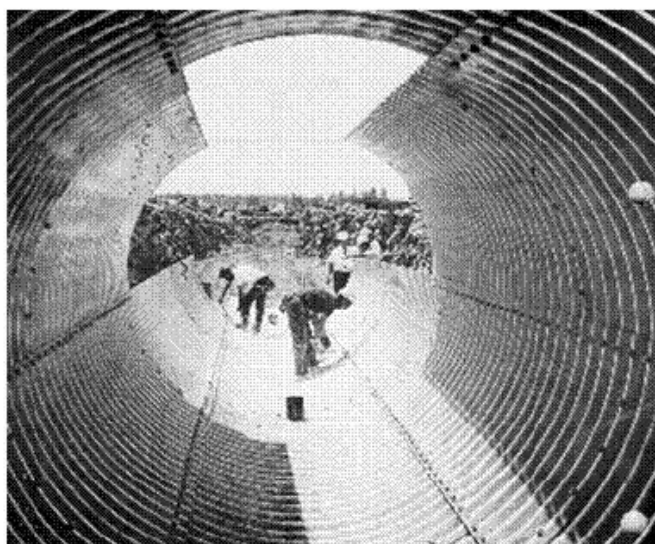
Các sản phẩm trong phần này là các kết cấu hoặc các bộ phận của kết cấu, dạng cấu kiện tiền chế bằng thép chưa được chi tiết tại các phân nhóm trước của nhóm này. Nó có thể bao gồm các loại cấu kiện, các phần và bộ phận bằng thép đã được xếp lại. Các cấu kiện, các phần và các bộ phận của kết cấu này được lắp ghép tại chỗ để hình thành nên kết cấu bằng các bu-lông chịu lực cắt (shear tab connection) và bu-lông chịu lực kéo (tension connection).

(Nguồn: Phi-líp-pin)

7308.90.40**TẤM MẠ KẼM ĐƯỢC LÀM LƯỢN SÓNG VÀ UỐN CONG
DÙNG TRONG ỐNG DẪN, CỐNG NGẦM HOẶC ĐƯỜNG HẦM**

Đây là loại thép tấm mạ kẽm uốn cong đã được đục lỗ dọc theo các cạnh và đầu. Chúng được nối hoặc ghép với nhau bằng các chốt để tạo thành cống nước, cống thoát nước mưa, đường hầm, cống thoát nước kín và một số loại khác. Các kết cấu này giảm thiểu việc chưa khớp nhau khi lắp đặt ống dẫn, cống ngầm hoặc đường hầm, thường gặp trong các kết cấu cứng.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

**7308.90.50****KHUNG RAY DÙNG ĐỂ VẬN CHUYỂN CÔNG-TEN-NƠ
TRÊN TÀU THỦY**

Đây là các khung thép được dùng để chuyển các công-ten-nơ từ đầu này sang đầu khác của tàu chở hàng chứa công-ten-nơ.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

7308.90.60**MÁNG ĐỖ CÁP ĐIỆN CÓ LỖ**

Máng đỡ cáp điện có lỗ được dùng để đỡ cáp cách điện dùng trong truyền tải và

phân phối điện qua hệ thống dây điện của các tòa nhà. Máng đỡ cáp điện có lỗ được dùng như là một dụng cụ thay thế cho hệ thống dây rời hoặc ống chứa dây điện. Loại này đặc biệt hữu dụng khi định thay đổi hệ thống dây dẫn, vì cáp mới dễ dàng được đặt vào trong máng, thay vì xuyên chúng qua các ống.

Máng đỡ cáp điện có lỗ có cấu trúc cắt ngang hình chữ U, thường được làm từ thép sơn hoặc mạ kẽm, và có nhiều lỗ đục trên bề mặt. Thông thường độ dày của máng đỡ từ 1,5mm đến 2mm và chiều dài từ 3,3m đến 4m. Máng đỡ cáp điện có lỗ được sử dụng để hỗ trợ việc đặt cáp điện và treo cách trần nhà 1-2m. Hộp khuấy ngang, khuấy dọc, uốn cong, chữ T hay chữ thập được dùng để kết nối các mối nối trong quá trình lắp đặt.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



Cross



**Horizontal
Elbow (90)**

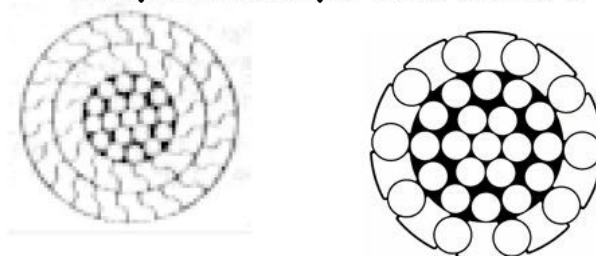


**Vertical
Elbow (90°DN)**

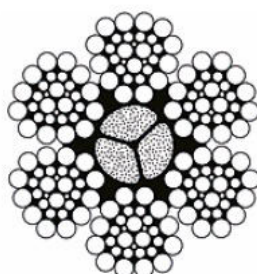


**Horizontal
TEE**



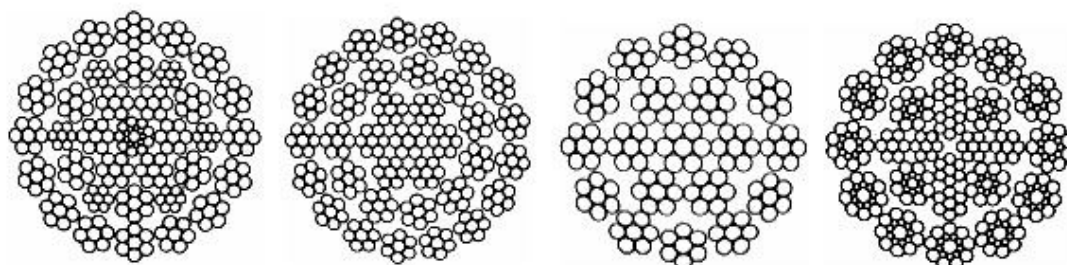
7312.10.10**CUỘN DÂY Bện TAO KIỂU BỌC, DÂY TAO DỆT VÀ
DÂY CÁP XOẮN NGƯỢC****CUỘN DÂY Bện TAO KIỂU BỌC**

Dây bện tảo kiểu bọc là loại dây cáp chống mài mòn, được chế tạo từ các loại dây kim loại đặc biệt được sắp xếp thành các lớp đồng tâm quanh một lõi dây kim loại để tạo ra dây cáp với mặt ngoài nhẵn. Còn được biết đến như là dây cáp bọc.

DÂY TAO DỆT

Dây tảo dệt bao gồm các sợi tảo có mặt cắt hình tam giác, mỗi sợi tảo này được làm từ các sợi kim loại quấn trên một lõi. Có ít nhất một phần của dây tảo được hình thành như một bó dây xoắn, trong đó các dây tảo thành từng cụm và nối với nhau trên bề mặt xoắn ốc. Với cấu trúc như vậy, các dây tảo dệt khỏe và linh hoạt hơn làm tăng sức mạnh và độ linh hoạt của sợi dây và giúp chúng có thể được sử dụng trong nhiều ngành, bao gồm cả việc nâng các vật có đường kính to hoặc nhỏ khác nhau.

DÂY CÁP XOẮN NGƯỢC



Đặc điểm của dây cáp xoắn ngược là lớp ngoài bị xoắn theo hướng ngược lại với các lớp ở trong.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

7321.90.10

BỘ PHẬN CỦA BẾP DẦU HÓA



(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

7321.90.20**BỘ PHẬN CỦA BẾP VÀ TẮM NHIỆT DÙNG
NHIÊN LIỆU KHÍ**

Hạng lửa bằng gang

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

7326.90.30**BỘ KẸP BẰNG THÉP KHÔNG GỈ ĐÃ LẮP VỚI MĂNG SÔNG CAO SU
DÙNG CHO CÁC ÔNG KHÔNG CÓ ĐẦU NỐI
VÀ PHỤ KIỆN GHÉP NỐI BẰNG GANG**

Sự lắp ráp này bao gồm một đai thép không gỉ có rãnh, một cặp vòng thép xẻ rãnh, Một măng sông cao su đúc có rãnh và vòng ngăn bên trong. Nó được thiết kế để ghép nối 2 đoạn ống không có đầu nối bằng lực ép vào ống.

Đai thép có rãnh bảo vệ mẫu nối trong khi măng sông cao su ngăn sự rò rỉ nước.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



Mẫu nối kẹp bằng thép được gắn chặt bằng một momen xoắn.

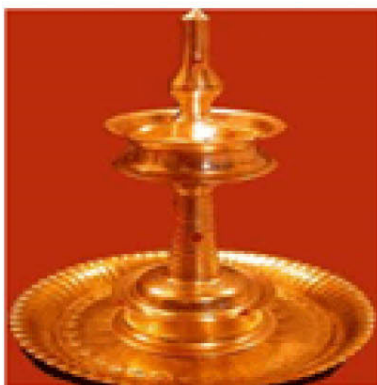
CHƯƠNG 74

7419.99.70

VẬT DỤNG ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG ĐỂ SỬ DỤNG TRONG CÁC NGHI LỄ TÔN GIÁO

Vật dụng làm bằng đồng được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo (đạo Phật, đạo Hindu hoặc Thiên Chúa Giáo), có hình dáng và thiết kế đặc biệt như cốc, bát hoặc tượng đại diện cho con người hoặc các sinh vật khác. Để được xếp vào phân nhóm này, hàng hoá đó phải được nhận biết là chúng được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



CHƯƠNG 75

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 76

7604.21.10

DÀN ỐNG DÙNG ĐỂ LÀM DÀN LẠNH CỦA MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ CHO XE CÓ ĐỘNG CƠ

Là bán thành phẩm dùng cho dàn hơi của máy điều hòa trên xe hơi. Các tấm nhôm nhiều vách được uốn cong theo chiều dài của chúng, tạo thành dàn ống làm mát của hệ thống điều hòa không khí trên ô tô.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

**7606.12.10**

**NHÔM HỢP KIM ĐỂ LÀM LON, KẼ CẢ ĐỂ LÀM PHẦN NẮP
VÀ LÀM PHẦN MỐC MỠ NẮP LON, DẠNG CUỘN**

Các dải nhôm sử dụng để làm thân của loại vỏ lon 3 mảnh cho đồ uống như bia, soda...

(Nguồn: Phi-líp-pin)

7606.12.31

**HỢP KIM NHÔM 5082 HOẶC 5182 Ở DẠNG CUỘN
CÓ CHIỀU RỘNG HƠN 1M**

Thành phần (% theo trọng lượng).	Hợp kim 5182	Hợp kim 5082
Aluminium, Al	93,5 – 96,0	93,5-96,0
Chromium, Cr	$\leq 0,15$	$\leq 0,10$
Copper, Cu	$\leq 0,15$	$\leq 0,15$
Iron, Fe	$\leq 0,35$	$\leq 0,35$
Magnesium, Mg	4,0 - 5,0	4,0 - 5,0
Manganese, Mn	$\leq 0,15$	0,20 -0,50
Other, each	$\leq 0,05$	$\leq 0,05$
Other, total	$\leq 0,15$	$\leq 0,15$
Silicon, Si	$\leq 0,20$	$\leq 0,20$
Titanium, Ti	$\leq 0,10$	$\leq 0,10$
Zinc, Zn	$\leq 0,25$	$\leq 0,25$



(Nguồn: Phi-líp-pin)

7616.99.20

NHÔM BỊT ĐẦU ÓNG, LOẠI PHÙ HỢP ĐỂ SẢN XUẤT BÚT CHÌ

Một vòng kim loại nhôm giữ miếng tẩy trên bút chì.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

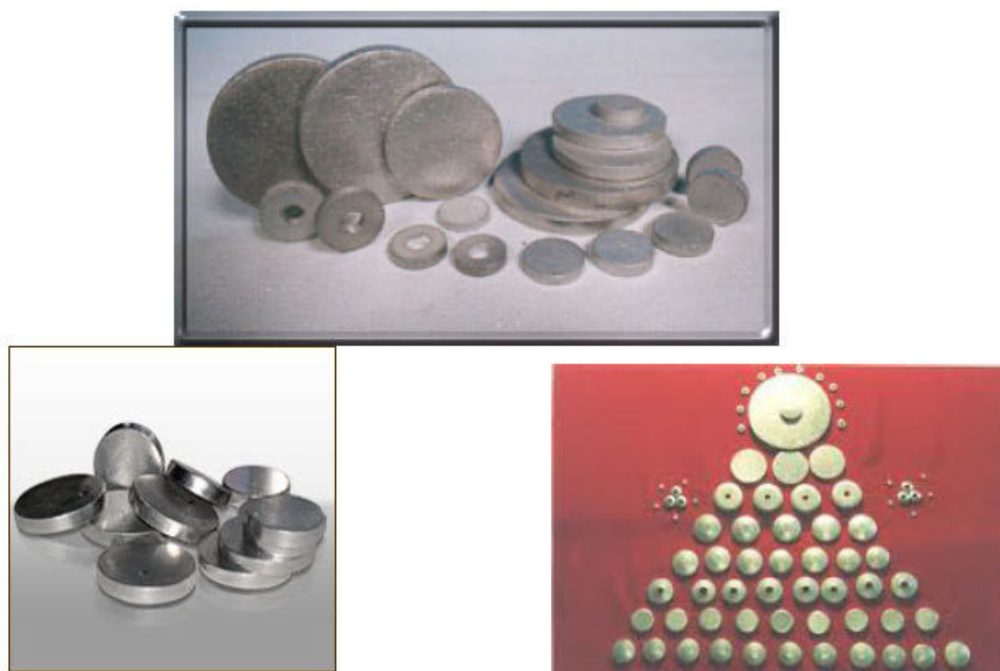


7616.99.30

**ĐỒNG XÈNG, HÌNH TRÒN, KÍCH THƯỚC CHIỀU DÀY
TRÊN 1/10 ĐƯỜNG KÍNH**

Loại này được làm từ nhôm, có lỗ hoặc không có lỗ, được chế tạo bằng cách dập khuôn lên các dải nhôm không hợp kim, dùng để sản xuất các đồ chứa đựng hình ống, kể cả ống có thể gấp được thông qua quá trình đột, dập, ép. Loại xèng này thường được chế tạo từ hợp kim nhôm 1070 hoặc 1055.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



CHƯƠNG 77.

Chương này được dành để sử dụng trong Hệ thống hài hòa sau này.

CHƯƠNG 78.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 79.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 80.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 81.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 82.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 83.

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 84.

8413.30.12 8413.30.21 8413.30.92

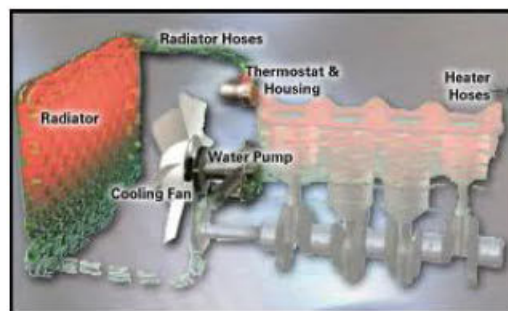
BƠM NƯỚC DÙNG CHO ĐỘNG CƠ XE

THUỘC NHÓM 87.02, 87.03 HOẶC 87.04

Bơm nước này bơm dịch làm mát đi khắp động cơ. Bơm nước dùng cánh quạt được gọi là quạt đẩy dịch làm mát bằng áp suất. Khi dịch làm mát bị đẩy ra thành máy bơm, áp suất thấp bên trong tiếp tục tạo điều kiện cho dịch làm mát chảy vào bơm. Dịch làm mát bị nén sẽ bị đẩy ra khỏi ống dẫn, đi qua hệ thống làm mát của động cơ và quay trở lại bơm nước.

Đó là bơm nước dạng quay thường được đặt gần khu vực phía trước của động cơ xe, được bắt vít vào động cơ hoặc khung động cơ. Ống được nối mô-tơ máy bơm với bộ tản nhiệt hoặc hệ thống ống dẫn trong một vòng kín quanh động cơ. Trục trung tâm được kéo dài từ bên trong mô-tơ của máy bơm để nối với dây đai của cánh quạt tới một đầu ra của động cơ. Máy bơm nước loại này nói chung được vận hành với pu-ly và một dây đai sử dụng trục khuỷu để quay.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



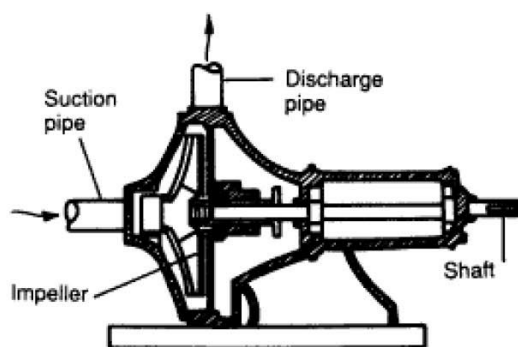
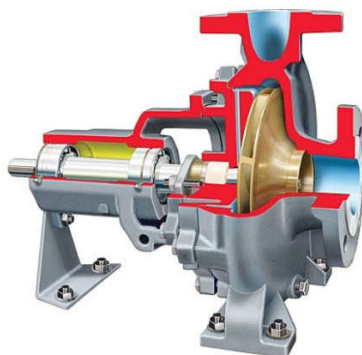


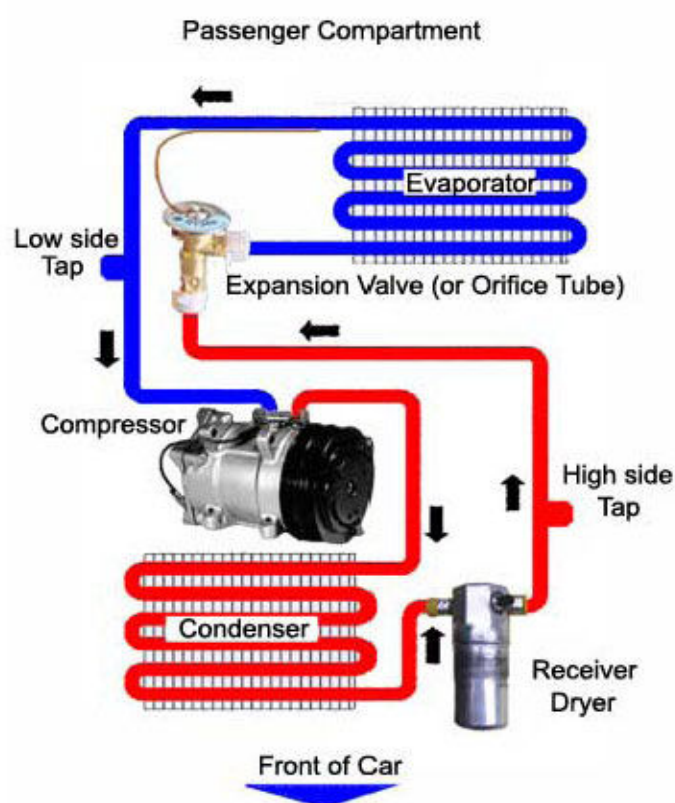
8413.70.11 8413.70.19

**BƠM NƯỚC MỘT TẦNG, MỘT CHIỀU HÚT, TRỤC NGANG ĐƯỢC
TRUYỀN ĐỘNG BẰNG DÂY ĐAI HOẶC KHỚP NỐI TRỰC TIẾP,
TRỪ LOẠI BƠM ĐỒNG TRỤC VỚI ĐỘNG CƠ**

Đây là loại bơm ly tâm một tầng (có một quạt đẩy), một chiều hút (nước được hút vào qua cánh quạt từ một phía) với một trục chính nằm ngang, chạy bằng một motor nhờ vành đai truyền động (pu-ly đai truyền) hoặc khớp trục. Nó không giống như các bơm truyền động trực tiếp trong đó trục chính được nối với trục động cơ (motor).

(Nguồn: Phi-líp-pin)



8414.30.20**MÁY NÉN DÙNG CHO ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ CỦA XE HƠI**

(Nguồn: Thái Lan)

8414.30.30**MÁY NÉN DẠNG KÍN DÙNG CHO MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

Máy nén điều hòa không khí thường được sử dụng ngoài trời cùng với dàn ngưng. Mô tơ cho máy nén hoạt động như máy bơm và di chuyển khí ga nóng từ khoang chứa thông qua các ống dẫn khí và các giàn bay hơi. Sau đó nó làm ngưng tụ khí ga và làm cho ga đạt được nhiệt độ và áp suất cao.

Máy nén điều hòa không khí có một xy lanh có chứa pít-tông. Pít-tông này di chuyển lên xuống và hút khí ga trong kỳ xuống rồi nén nó trong kỳ lên.

Nó thường có một lớp thép bao quanh được hàn kín lại để giữ khí ga ở trong hệ thống. Không có chỗ nào khí ga có thể lọt ra ngoài được, ví dụ như ở lớp vòng đệm quanh trục mô tơ.

Máy nén thường được gọi là loại kín hoặc loại hở, hoặc loại nửa kín nửa hở, để mô tả cách thức máy nén và bộ truyền động kết hợp với nhau trong quá trình nén khí hoặc hơi ga. Tên công nghiệp cho máy nén loại kín là máy nén kín hoặc bộ phận kín, trong khi loại nửa kín nửa hở thì thường được gọi là máy nén bán kín.

Trong các máy nén kín và bán kín, máy nén và mô tơ được thống nhất và vận hành bên trong một bao ga kín đã được nén của hệ thống. Mô tơ được thiết kế để vận hành và làm lạnh bằng quá trình nén ga.

Điểm khác nhau giữa máy nén kín và bán kín là máy nén kín dùng một lớp vỏ thép một mảnh được hàn lại và không thể mở ra để sửa chữa; nếu máy nén kín bị hỏng nó sẽ được thay thế bằng chiếc mới. Máy nén bán kín sử dụng lớp vỏ lớn bằng kim loại với một lớp đệm có thể mở ra để thay thế các linh kiện mô tơ và bơm.

Ưu điểm chính của máy nén kín và bán kín là không có lỗ rò ga. Máy nén hở thường dựa vào các vòng đệm bằng da tự nhiên hoặc cao su tổng hợp để giữ áp suất bên trong, và các vòng đệm này cần chất bôi trơn như dầu để duy trì khả năng bịt kín của nó.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



8414.59.30 8414.59.50**MÁY THỔI KHÍ**

Máy thổi khí là quạt ly tâm được đặt ngậm, được dùng để di chuyển một lượng không khí từ áp suất thấp (ví dụ: một máy thổi khí thổi $0,5\text{m}^3/\text{s}$ ở nhiệt độ phòng). Quạt ly tâm đặt ngậm bao gồm một hộp kín, một ngăn hoặc hộp chứa với các lỗ dẫn khí vào và ra, với một cái quạt có các cánh quay trong không khí. Phần lớn các quạt gió đều chạy bằng mô tơ điện, nhưng một số chạy bằng mô tơ thủy lực hoặc khí nén.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

**8414.60.11 8414.80.13****TỦ HÚT, LỌC KHÔNG KHÍ SỬ DỤNG TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Tủ hút, lọc không khí được thiết kế để tạo ra không khí không chứa bụi và vi khuẩn. Nó được dùng trong các công việc liên quan tới vật liệu và các chất có tính rủi ro thấp, khi sự bảo vệ cho vật liệu khỏi tác nhân môi trường là cần thiết hoặc công việc đòi hỏi môi trường vô trùng.

Không khí từ môi trường sẽ đi vào từ trên đỉnh, nén vào khoang chứa của tủ hút này và không khí sạch sẽ được đẩy qua bộ lọc không khí hiệu suất cao (HEPA) (hiệu suất 99,99%). Không khí đi theo từng tầng (hay còn gọi là theo luồng) qua bề

mặt được đục lỗ tới khoang chứa phía dưới bề mặt kết cấu và được xả ra bên ngoài tòa nhà hoặc qua hệ thống xả trung tâm.

Tủ hút, lọc không khí được dùng trong y tế, dược và các ngành khác đòi hỏi môi trường làm việc có không khí sạch.

(Nguồn: Chuyên gia tư vấn)

Hệ thống lọc khí theo chiều ngang có bàn (tùy chọn)



Hệ thống lọc khí theo chiều dọc



8418.99.40

**PANÔ NHÔM CÁN-GHÉP DÙNG CHO HÀNG HÓA
THUỘC PHÂN NHÓM 8418.10.10, 8418.21.00 HOẶC 8418.29.00**

Tủ lạnh và máy làm lạnh hiện đại sử dụng các tấm panô nhôm chế tạo bằng phương pháp cán - ghép. Panô loại này được cấu tạo từ 2 tấm nhôm ghép vào với nhau bằng phương pháp cán. Trước khi cán, các đường rãnh được in bên trên tấm nhôm bằng than chì. Sau khi cán, các đường rãnh được tạo ra bằng cách ép tấm đó với áp suất từ 100 đến 150 barơ.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

Panô nhôm cán -ghép



8421.99.20

LỖI LỌC CỦA THIẾT BỊ LỌC THUỘC PHÂN NHÓM 8421.23

Lỗi lọc của thiết bị lọc thuộc phân nhóm 8421.23 là các bộ phận chính của các thiết bị lọc dầu hoặc xăng dùng trong động cơ đốt trong. Chúng được sản xuất và bán như một thiết bị ban đầu hoặc thiết bị thay thế để sử dụng trong bộ lọc dầu hoặc xăng của ô tô. Các bộ phận thiết yếu của các linh kiện này là các vật liệu lọc ở nhiều loại và hình dạng khác nhau, có thể được gắn trên một bộ khung, lõi hoặc tương tự. Khi dầu hoặc xăng lọc qua lưới lọc, các hạt có kích thước lớn hơn bị giữ lại trên bề mặt của lưới lọc, vì thế chỉ có xăng và dầu sạch thấm qua lưới lọc. Lưới lọc hoạt động để loại bỏ các tạp chất trong xăng hoặc dầu để tăng cường hiệu suất cho động cơ xe hơi.

(Nguồn: Thái Lan)



8430.49.10

BỆ DÀN KHOAN VÀ CÁC MẢNG CẤU KIỆN TÍCH HỢP SỬ DỤNG TRONG CÁC CÔNG ĐOẠN KHOAN

Bệ dàn khoan là một dàn khoan dầu cỡ nhỏ gắn với một dàn lớn hơn gọi là dàn vận

hành trung tâm. Bộ dàn khoan được trang bị các giếng chìm hoặc máy khoan để khai thác dầu ngoài khơi.

Module sản xuất tích hợp là các dàn khoan dầu khép kín ngoài khơi, trang bị các giếng chìm hoặc máy khoan cũng như máy bơm, thiết bị làm mát... để khai thác dầu ngoài khơi.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

8450.19.90

MÁY GIẶT GIA ĐÌNH VẬN HÀNH BẰNG TAY



(Nguồn: Ma-lai-xi-a)



8451.30.10

MÁY LÀ (ỦI) TRỤC ĐƠN, LOẠI GIA DỤNG

Máy là xoay là một thiết bị dễ sử dụng bao gồm một ống cuộn rộng cho phép là ủi nhiều loại sản phẩm may mặc như áo sơ mi, quần, ga trải giường, miếng vải trải bàn. Tốc độ của ống cuộn có thể được điều chỉnh cho phù hợp với loại sản phẩm, dựa trên tốc độ làm việc trước đó. Nó được vận hành bằng bàn đạp chân, nhờ đó người dùng có thể ngồi khi đang sử dụng máy. Nó cũng được thiết kế đặc biệt để sử dụng trong nhà và có thể cắm vào nguồn điện 120/240V.

Roller type ironing machine for domestic use



(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

8471.70.91

HỆ THỐNG SẠO LƯU TỰ ĐỘNG

Đây là các máy chủ dành riêng cho việc sao lưu, nó có thể tự động sao chép dữ liệu vào các thiết bị lưu trữ như đĩa từ, băng và đĩa quang dùng cho máy đọc. Vì hệ thống sao lưu thường sao lưu dữ liệu với dung lượng lớn nên việc tổ chức không gian lưu trữ và quản lý quá trình sao lưu là một quá trình phức tạp đòi hỏi nhiều phần mềm và ứng dụng, do vậy hệ thống này không chỉ đơn thuần là thiết bị lưu trữ. Có nhiều quy trình và công nghệ khác nhau để tối ưu hóa quá trình sao lưu như nén, mã hóa và chống trùng lặp dữ liệu.

(Nguồn: Singapore)

8481.80.64 8481.80.65

NÚM UỐNG NƯỚC DÙNG CHO LỌN

Đây là các van để cho lộn uống nước. Chúng có dạng hình ống được trang bị một lò xo, đòn bẩy và bộ phận lọc. Chúng có ren ở một đầu để gắn với ống dẫn nước. Chức năng của van là khi miệng lộn chạm vào thì đòn bẩy được kích hoạt sẽ mở ra để nước uống chảy qua.



CHƯƠNG 85

8501.10.30 8501.10.60

ĐỘNG CƠ HƯỚNG TRỰC

Động cơ hướng trục là động cơ một pha cỡ nhỏ, có độ chính xác cao được dùng cho các loại ổ đĩa cứng (HD), đĩa mềm (FD), đĩa compact (CD), đĩa kỹ thuật số đa dụng (DVD), v.v.... Động cơ hướng trục quay với tốc độ từ 3.000 đến 10.000 vòng/phút. Đầu ghi-đọc di chuyển trên mặt đĩa, đọc hoặc ghi các ký hiệu nhị phân tạo nên các khối thông tin và chỉ thị cho máy tính.

8504.21.10 8504.22.11 8504.22.19

MÁY ỔN ÁP TÙNG NẮC (BIẾN ÁP TỰ NGẪU)

Đây là các biến áp tự ngẫu loại ngâm dầu được dùng để điều chỉnh điện áp theo từng nấc. Các đặc điểm tiêu chuẩn bao gồm: bể chứa dầu kín, thiết bị xả áp, ống cách điện, trục đầu nối khối thiết bị, kính quan sát mức dầu, van xả, v.v.,



1. Sơn polyeste chịu ăn mòn trong các điều kiện môi trường khắc nghiệt.
2. Vỏ thép không gỉ
3. Thùng chứa dầu kín có thiết bị xả áp để thoát các loại khí sinh ra trong quá trình hoạt động.

4. Thiết bị chống sét bằng biến trở oxít kim loại (MOV).
 5. Mặt kính quan sát mức dầu cho phép kiểm soát mức dầu từ phần đáy thùng chứa.
 6. Tụ điện động cơ của hộp điều khiển
 7. Phích cắm phân cực đơn
 8. Chụp đầu nổi khối thiết bị
 9. Bảng điều khiển
 10. Cuộn dây (cuộn thứ cấp) và chổi (than) để thay đổi điện áp đầu ra theo từng nấc
 11. Ống cách điện
- (Nguồn: Phi-líp-pin)

8504.21.92	8504.21.93	8504.22.11	8504.22.92	8504.22.93
8504.33.11	8504.33.19	8504.33.11	8504.33.19	8504.34.11
8504.34.12	8504.34.22	8504.34.23		

ĐẦU ĐIỆN ÁP CAO

Biến thế là thiết bị thay đổi điện áp. Phần lớn biến thế được thiết kế để tăng hoặc giảm điện áp theo bước. Trong biến thế giảm áp, điện áp vào cao hơn điện áp ra, do vậy điện áp vào là đầu điện áp cao, còn điện áp ra là đầu điện áp thấp. Với biến thế tăng áp, điện áp vào là đầu điện áp thấp và điện áp ra là đầu điện áp cao.

Vì sự phân loại này không chia ra biến thế tăng áp hay giảm áp nên đầu nào có điện áp cao luôn luôn được xem là “đầu điện áp cao” của máy biến thế, bất kể đó là điện áp đầu vào hay đầu ra.

(Nguồn: Thái lan)

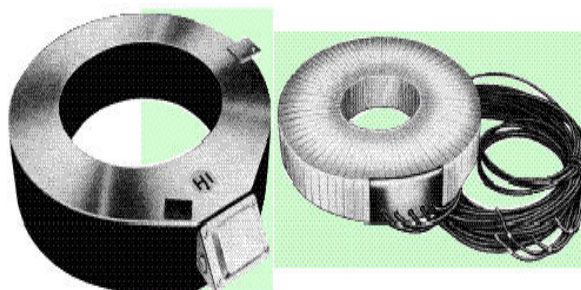
8504.31.21

MÁY BIẾN DÒNG DẠNG VÒNG

DÙNG CHO ĐƯỜNG DÂY CÓ ĐIỆN ÁP KHÔNG QUÁ 220 kV

Trong kỹ thuật điện, máy biến dòng được sử dụng để đo dòng điện. Máy biến dòng cùng với máy biến áp (biến đổi tiềm năng), được biết đến như là các biến áp, biến dòng đo điện. Khi dòng điện trong mạch quá cao tác động trực tiếp đến công cụ đo lường, máy biến dòng sẽ cung cấp dòng đã giảm với tỷ lệ chính xác cho các công cụ đo và ghi. Máy biến dòng cũng cách ly các công cụ đo khỏi điện áp cao trong mạch cần kiểm soát. Máy biến dòng cũng được sử dụng phổ biến để đo và bảo vệ role trong công nghiệp điện. Một ví dụ điển hình của máy biến dòng đo dải đơn điện áp thấp là máy biến dòng kiểu vòng.

(Nguồn: Việt Nam)

**8504.31.30****MÁY BIẾN ÁP QUÉT VÊ (BIẾN ÁP TẦN SỐ QUÉT NGƯỢC)**

Biến áp quét về được sử dụng trong thiết bị thu truyền hình để cung cấp điện áp hồi lưu theo chiều ngang, mức điện áp cao hơn cho điện cực dương thứ hai của đèn hình, và điện áp mạnh cho chỉnh lưu cao áp.

Biến áp quét về cũng được gọi là biến áp đầu ra ngang hay biến áp quét ngang.
(Nguồn: Phi-líp-pin)



**8504.40.1x****MÁY BIẾN ĐỔI TỈNH ĐIỆN DÙNG CHO CÁC MÁY XỬ LÝ DỮ LIỆU TỰ ĐỘNG VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ CỦA CHÚNG, VÀ THIẾT BỊ VIỄN THÔNG**

Máy biến đổi tỉnh điện này được thiết kế chuyên dùng cho các máy xử lý dữ liệu tự động, cho các thiết bị phụ trợ của máy xử lý dữ liệu tự động và các thiết bị viễn thông.

(Nguồn: Thái lan)

8504.40.11**BỘ NGUỒN CẤP ĐIỆN LIÊN TỤC (UPS)**

Bộ nguồn cấp điện liên tục là bộ biến đổi điện. Nó bao gồm các biến thế, các pin chì-axit được gắn kín với đầu ra, hoặc các tấm mạch in lắp cùng với các điện trở, tụ điện, rơ le, v.v... Các thiết bị này bảo vệ nguồn điện, chống sốc điện, lọc nhiễu và nạp pin tức thời. UPS được sử dụng cho các hệ thống máy tính, các thiết bị điện, thiết bị viễn thông, trạm đầu cuối thu thập dữ liệu và các thiết bị điện tử nhạy cảm khác.

(Nguồn: Singapore)

8504.50.20**CUỘN CẢM CỐ ĐỊNH KIỂU CON CHIP**

Các bộ cảm điện cố định kiểu con chip có dạng những con chip nhỏ sử dụng cho đầu ghi băng video (VTRs), tivi, điện thoại di động. v.v... dùng cho các mức điện thế và cường độ dòng điện thấp. Chúng được sử dụng trong mạch điện để hạn chế dòng điện khi có hiện tượng đoản mạch.

(Nguồn: Singapore)



85.14
90.17

85.15
90.22

85.43
90.30

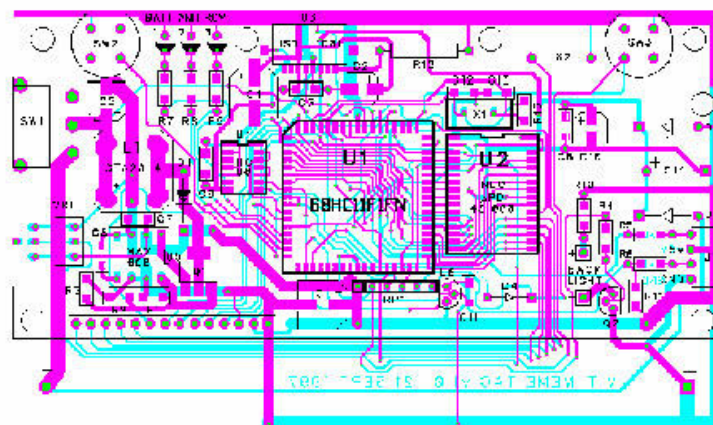
90.10
90.31

90.13
90.32

TẤM MẠCH IN

Tấm cách điện được sử dụng làm tấm đế cho mạch in. Tấm mạch in hoàn chỉnh có thể bao gồm các thành phần đã được in, dây dẫn đã được in, và các thành phần liên quan khác đã được in. Chúng gồm các lớp sợi thủy tinh mỏng được ghép cơ học với nhau và phủ các hình mẫu bằng đồng đã khắc axit. Chúng được sử dụng để gắn chặt các linh kiện điện tử thích hợp cho mục đích sử dụng.

Cũng được biết đến như là tấm dây in dưới đây



85.14
90.17

85.15
90.22

85.43
90.30

90.10
90.31

90.13
90.32

TẤM DÂY IN

Tấm cách điện được sử dụng làm đế của tấm dây in, đã được xử lý hoàn chỉnh cho đến khi phần liên quan được in và bao gồm hầu hết các mạch nối các điểm với

nhau.

Chúng là phần đế mà trên đó các linh kiện điện tử như các con chip, mạch tích hợp, tụ điện được gắn vào. Tấm dây in hoặc tấm mạch in cung cấp cấu trúc vật lý để gắn kết và giữ các linh kiện điện tử cũng như sự kết nối lẫn nhau về mặt điện giữa các linh kiện điện tử.

Tấm dây in bao gồm đế bằng chất liệu không dẫn điện (điển hình là sợi thủy tinh với nhựa epoxy) mà trên đó các mạch điện được hình thành. Đồng là chất dẫn điện được sử dụng nhiều nhất, niken, bạc, chì và vàng cũng có thể được sử dụng như là kim loại cao cấp hoặc chống ăn mòn.

Có 3 loại tấm dây in: 1 mặt, 2 mặt và đa lớp. Loại 1 mặt có mạch điện trên một mặt, loại 2 mặt có mạch điện trên cả 2 mặt, loại đa lớp bao gồm nhiều lớp mạch điện xen kẽ nhau và được gắn với nhau bằng lớp cách điện. Các lớp dẫn điện được nối với nhau qua các lỗ xuyên được phủ chất cách điện. Các lớp này cũng có thể được sử dụng để gắn và kết nối về mặt điện giữa các linh kiện. Các tấm dây in có thể là tấm cứng chắc, tấm mềm dẻo hoặc kết hợp cả 2 loại.

85.14

85.43

90.13

90.22

90.30

90.31

90.32

TẤM MẠCH IN ĐÃ LẮP RÁP

Là các tấm mạch in/tấm dây in được gắn thêm các linh kiện riêng lẻ, thiết bị đầu cuối và phần cứng.

8519.81.71

THIẾT BỊ TÁI TẠO ÂM THANH KHÁC, KIỂU CASSETTE, DÙNG CHO ĐIỆN ẢNH HOẶC PHÁT THANH

Các sản phẩm này được thiết kế chuyên dụng cho công nghệ phát thanh hoặc điện ảnh, không dùng cho gia dụng.

Các sản phẩm này có:

- Thiết bị xử lý kỹ thuật số chất lượng cao
- Các giao diện vào và ra, có thể cân bằng hoặc không cân bằng
- Giao diện tín hiệu mã hóa thời gian hoặc giao diện tín hiệu tham chiếu dùng cho việc đồng bộ hóa, và
- Bộ hiển thị mức tín hiệu ra và vào, dựa vào đó người sử dụng có thể điều chỉnh nó để tạo các hiệu ứng âm thanh như âm thanh nổi, âm thanh vòng,

V.V..



(Nguồn: Việt Nam)

8521.10.10 8521.90.11 8521.90.91

CÁC THIẾT BỊ TÁI TẠO ÂM THANH, THÍCH HỢP DÙNG CHO ĐIỆN ẢNH HOẶC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

Các sản phẩm này được thiết kế chuyên dụng cho công nghệ phát thanh truyền hình hoặc điện ảnh, không dùng cho gia dụng.

Các sản phẩm này có:

- Bộ xử lý kỹ thuật số chất lượng cao
- Giao diện vào và ra như là giao diện trực quan kỹ thuật số (DVI), giao diện kỹ thuật số nối tiếp – độ nét tiêu chuẩn (SDI-SD) và giao diện kỹ thuật số nối tiếp – độ nét cao (SDI-HD)
- Giao diện tín hiệu mã thời gian hoặc giao diện tín hiệu tham chiếu với mục đích đồng bộ hoá, và
- Khả năng tạo hiệu ứng video



Ví dụ về thiết bị ghi hình dạng băng từ và thiết bị tái tạo
(Nguồn: Việt Nam)

8535.90.10**BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐẦU NỐI ĐIỆN DÙNG CHO PHẦN PHỐI ĐIỆN
HOẶC MÁY BIẾN ÁP NGUỒN**

Bộ chuyển đổi đầu nối cho phép thay thế rất nhanh và thuận tiện các thiết bị nối ghép điện áp cao mà không cần phải tác động đến các phần bên trong của biến thế. Chúng được thiết kế để sử dụng cho các máy biến thế sử dụng đầu biến thế.
(Nguồn: Phi-líp-pin)

8536.10.13 8536.10.93**KHOÍ CẦU CHÌ, LOẠI SỬ DỤNG CHO XE CÓ ĐỘNG CƠ**

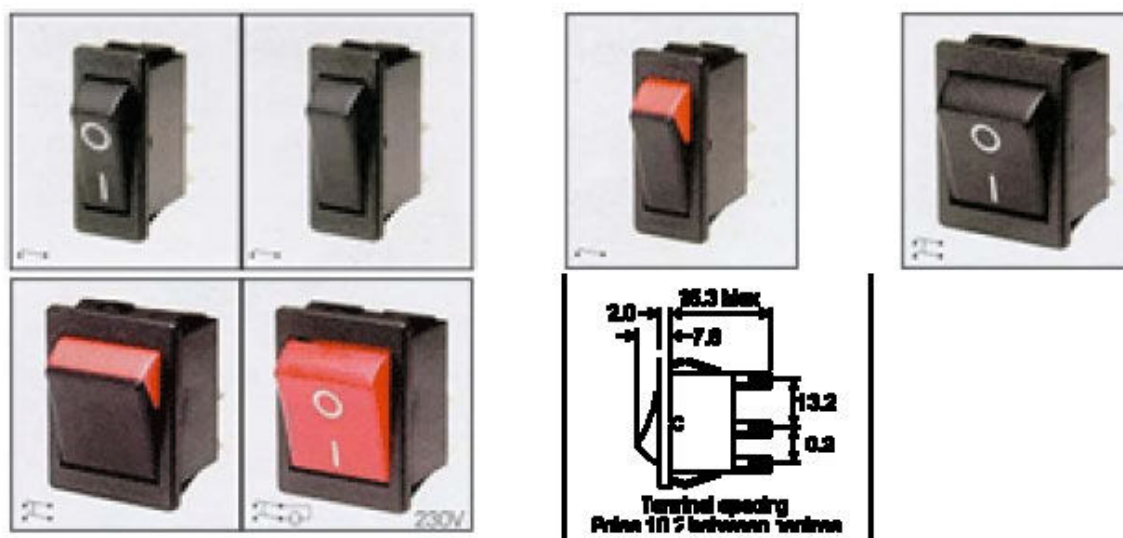
Khối cầu chì bao gồm nhiều mạch cầu chì riêng lẻ khác nhau với đầu vào và đầu ra ở đáy của khối. Chúng được sử dụng để bảo vệ dây và thiết bị điện của xe. Chúng có nhiều loại dạng khác nhau.

(Nguồn: Phi-líp-pin)

Ví dụ: Khối cầu chì chứa mạch

**8536.50.32****8536.50.33****8536.50.39****NGẮT MẠCH**

Ngắt mạch có khả năng xử lý sự tăng cao đột biến của dòng điện. Hệ thống ngắt mạch bảo đảm cho các mối tiếp xúc được hình thành khi bật công tắc, được ngăn cách bằng ống cần đẩy tác động trực tiếp vào thời điểm tiếp điểm chuyển động.
(Nguồn: Phi-líp-pin)



Không gian đầu cuối.

Cực 10.2 ở giữa trung tâm

8537.10.12

BẢNG ĐIỀU KHIỂN CÓ TRANG BỊ BỘ XỬ LÝ LẬP TRÌNH

Các bảng điều khiển này được sử dụng cho các bộ điều khiển cơ điện tử tự động, như bộ điều khiển máy trong các dây chuyền lắp ráp của nhà máy, các hệ thống giải trí, hoặc các hệ thống chiếu sáng cố định. Những bảng điều khiển này được thiết kế để bố trí nhiều đầu vào và đầu ra, dải nhiệt độ mở rộng, chịu được tiếng ồn điện, rung động và va chạm. Các chương trình để điều khiển sự vận hành máy móc thường được lưu trữ trong các bộ nhớ được duy trì bằng ắc qui hoặc bộ nhớ không xóa.

(Nguồn: Việt Nam)

8537.10.13

BẢNG ĐIỀU KHIỂN CỦA LOẠI THÍCH HỢP DÙNG CHO HÀNG HOÁ THUỘC NHÓM 84.15, 84.18, 84.50, 85.08, 85.09 HOẶC 85.16

Các bảng điều khiển loại này bao gồm các bảng mạch in (PCBs), được lắp đặt trong hàng hóa thuộc các nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16. Đó là các bảng điều khiển đã được lập trình sử dụng để điều khiển hoạt động của máy điều hòa không khí, máy giặt, máy hút bụi, v.v...

(Nguồn: Việt nam)



Xe limousine kéo dài



8702.10.71 8702.10.79 8702.90.93

XE ĐƯỢC THIẾT KẾ ĐẶC BIỆT ĐỂ SỬ DỤNG TRONG SÂN BAY

Xe buýt vận chuyển trong phạm vi sân bay có thể theo các dạng sau:

Ở những sân bay không sử dụng cầu dẫn lên máy bay vì khoảng cách quá xa hoặc vì lý do an toàn, hành khách có thể được vận chuyển giữa điểm đến hoặc cửa khởi hành của nhà ga sân bay với máy bay bằng xe buýt vận chuyển trong sân bay hoặc xe buýt điểm đỗ. Các xe buýt hoạt động trên điểm đỗ sân bay giao cắt với các đường lăn của máy bay (đường di chuyển ưu tiên của máy bay) và có thể chở 80 đến 100 hành khách cùng hành lý xách tay của họ.

Xe buýt sân bay không phải là loại xe dùng cho mục đích chạy trên đường cao tốc công cộng - để có thể chứa số lượng hành khách nhiều nhất có thể nên chúng dài và rộng hơn xe buýt thông thường. Xe buýt sân bay thường được trang bị số lượng ghế ngồi ở mức tối thiểu hoặc không có ghế ngồi, hành khách đứng trong suốt hành trình, có cửa ở cả hai bên sườn và có sàn thấp. Xe buýt sân bay thường được trang bị đèn quay cho hoạt động gần các đường băng. Xe loại này có thể có tính năng lái xe ở cả hai đầu.

(Nguồn: Việt Nam)



8703.21.10 8703.90.12

XE Ô TÔ ĐUA NHỎ

Xe ô tô đua nhỏ là xe có khung thấp nhẹ, bánh và động cơ loại nhỏ, được dùng cho các cuộc đua giải trí. Nó có thể được trang bị loại động cơ xăng 2 kỳ, 4 kỳ hoặc động cơ điện.

(Nguồn: Singapore)



CHƯƠNG 88

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 89

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 90**9013****9022****9030****9032****TẤM MẠCH IN ĐÃ LẮP RÁP**

Là các tấm mạch in/tấm dây in được gắn thêm các linh kiện riêng lẻ, thiết bị đầu cuối và phần cứng.

CHƯƠNG 91

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 92

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 93**9305.91.10 9305.99.11 9305.99.91****BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN, LOẠI LÀM BẰNG DA THUỘC
HOẶC VẬT LIỆU DỆT**

Dây đeo làm từ các vật liệu dệt hoặc da thuộc là phụ kiện cho súng trường hay súng lục được đề cập đến trong chú giải HS.

(Nguồn: May-lai-xi-a)



CHƯƠNG 94

9403.20.10 9403.60.10 9403.70.20 9403.89.10

TỦ HÚT HƠI ĐỘC

Tủ hút hơi độc là một thiết bị thông gió cục bộ, được thiết kế để hạn chế khí, hơi, bụi độc hoặc nguy hiểm. Một tủ hút hơi độc điển hình là thiết bị lớn mà khu vực làm việc của nó có 5 mặt, có đáy thường được đặt ở độ cao chiều thẳng đứng.

Có hai loại chính là loại ống dẫn thẳng và loại quay vòng. Nguyên lý hoạt động của hai loại là như nhau: khí được rút ra từ mặt trước (mặt mở) của cabin, và được đưa ra ngoài tòa nhà hoặc khử độc bằng cách lọc khí và đưa khí đã lọc trở lại phòng.

Chức năng thứ hai của thiết bị này còn có thể là chống cháy nổ, ngăn chặn tràn khí, và các chức năng khác cần thiết liên quan tới các công việc có sử dụng thiết bị này.

Tủ hút hơi độc không chỉ để bảo vệ người sử dụng mà còn được dùng trong phòng thí nghiệm nơi mà các hóa chất độc hại được xả ra trong quá trình kiểm tra, nghiên cứu, phát triển hay giảng dạy. Chúng cũng được sử dụng trong công nghiệp lắp ráp hay các hoạt động khác nơi mà các chất khí độc hại, ga và bụi bẩn được tạo ra và

giải phóng ra ngoài.

Bởi vì một mặt (mặt trước) của tủ hút hơi độc được mở về phía phòng của người sử dụng và khí bên trong tủ này có khả năng bị nhiễm bẩn, luồng không khí từ trong phòng vào gây ảnh hưởng tới chức năng của tủ. Tủ hút hơi độc được thiết kế và vận hành để tối đa hóa khả năng hút và xử lý không khí và khí độc ở bên trong của tủ.

(Nguồn: Wikipedia)



9404.29.20

ĐỆM, LOẠI LÀM NÓNG/LÀM MÁT

Loại đệm này được đổ đầy chất lỏng, có chất chống bám rêu và được gắn một bộ điều chỉnh nhiệt độ. Chúng thường được sử dụng cho trẻ sinh non trong các trường hợp chăm sóc đặc biệt sau sinh.

Loại làm mát: đệm được thiết kế đặc biệt để làm mát cho bệnh nhân mắc chứng thân nhiệt cao, là người có triệu chứng nhiệt độ cơ thể cao bất thường.

Loại làm nóng: đệm thiết kế đặc biệt để làm nóng một bệnh nhân mắc chứng thân nhiệt thấp, là người có triệu chứng nhiệt độ cơ thể thấp bất thường.

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

9405.10.20 9405.20.10

ĐÈN CHO PHÒNG MỔ

Đây là loại đèn cung cấp nguồn sáng nhân tạo sử dụng để chiếu sáng khu vực mổ với dải ánh sáng rộng đảm bảo màu sắc trung thực. Chúng thích hợp với nhiều việc khác nhau và có nhiều sự lựa chọn.

Hình ảnh phía dưới là loại đèn trần tăng sáng với phần chính giữa chao đèn có thể tháo rời để khử trùng, một lưới lọc để hút nhiệt và chỉnh màu cùng với bộ khuếch tán để làm giảm bóng râm.

Cũng trong hình là một đèn mổ di động có chao đơn và kiểu phân xạ ánh sáng đơn. Nó cũng có 1 lưới lọc để hút nhiệt, chỉnh màu và bộ khuếch tán để làm giảm bóng râm.

(Nguồn: Phi-líp-pin)



9405.40.91

**ĐÈN SỢI QUANG LOẠI DÙNG ĐEO TRÊN ĐẦU,
ĐƯỢC THIẾT KẾ DÙNG TRONG Y HỌC**

Loại đèn này chạy bằng điện, không chạy bằng pin hay ắc quy.

ĐÈN SỢI QUANG, LOẠI ĐEO LÊN ĐẦU KHI PHẪU THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

DÈN PHA**Đèn sợi quang đeo trên đầu:**

Hệ thống bao phủ đa lớp tiên tiến tập trung ánh sáng trắng, rõ gần như hoàn toàn loại bỏ được bóng râm. Thiết kế đặc biệt làm cho đèn pha có khả năng điều chỉnh từ chiều nọ sang chiều kia (trên – dưới, trái – phải). Đèn pha sợi quang đồng trục luôn đảm bảo đồng sáng biến thiên trong khoảng 5-80mm. Vỏ bọc thuận tiện và tập trung cho chất lượng chiếu sáng đồng bộ. Tuyệt đối không tỏa nhiệt từ đầu nguồn sáng. Dây đeo trên đầu bằng nhựa có thể điều chỉnh với khóa.

NGUỒN SÁNG**Nguồn sáng halogen (loại cổng kép)**

Cường độ ánh sáng có thể thay đổi nhưng nhiệt độ màu sắc không thay đổi

Bóng đèn halogen đặc biệt có tuổi thọ cao với gương phản xạ

Ánh sáng halogen chói 24V-250W

Cường độ sáng: cao hơn 50.000 Lux

Cáp sợi quang học

Đường kính 5mm

Dài 7,5 feet (2,3 m)

(Nguồn: Ma-lai-xi-a)

CHƯƠNG 95

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 96

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

CHƯƠNG 97

Hiện chưa có chú giải bổ sung cho chương này.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng